

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

- *State Securities Commission of Vietnam*

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Sở Giao dịch
Chứng khoán TP HCM/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- *Vietnam Exchange/Ho Chi Minh Stock Exchange/Hanoi
Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV/*BIDV Securities
Joint Stock Company*

Mã chứng khoán/Mã thành viên/Stock code/Broker code: BSL/002

Địa chỉ/Address: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm,
Thành phố Hà Nội/*8th Floor, 9th Floor, LPB Tower, No. 210 Tran Quang Khai, Hoan Kiem
Ward, Hanoi City.*

Điện thoại/Tel: 024.39352722

Fax: 024.33816699

Email: ir@bsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Biên bản họp, Nghị quyết và các tài liệu kèm theo của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm
2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

*The meeting minute, resolution and attached documents of the Annual General Meeting of
Shareholders in 2026 of BIDV Securities Joint Stock Company.*

3. Thông tin này đã được công bố trên **trang thông tin điện tử của công ty** vào ngày 23/04/2026 tại đường dẫn: <https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>.

This information was published on the company's website on April 23, 2026, as in the link: <https://www.bsc.com.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Văn bản liên quan đến nội dung công bố thông tin/*Document related to the content of disclosure.*

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/PERSON
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**



LÊ QUANG HUY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 04 năm 2026 tại Trường Đào tạo cán bộ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, 773 Hồng Hà, phường Hồng Hà, Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, Số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội; Mã số doanh nghiệp: 0101003060, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 26/09/2025) đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“Đại hội”/“ĐHĐCD”).

A. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Trình bày nội dung các báo cáo và tờ trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo thông báo mời họp đã gửi tới các cổ đông, cụ thể:

1.1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HDQT”) về tổng kết hoạt động của HDQT năm 2025, định hướng hoạt động năm 2026;

1.2. Báo cáo đánh giá của thành viên HDQT độc lập;

1.3. Báo cáo của Ban Kiểm soát (“BKS”) về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026;

1.4. Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2026;

1.5. Tờ trình ĐHĐCD thông qua Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030;

1.6. Tờ trình ĐHĐCD thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026;

1.7. Tờ trình ĐHĐCD thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2025, phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2026;

1.8. Tờ trình ĐHĐCD về Báo cáo thù lao HDQT, BKS năm 2025 và dự toán thù lao năm 2026;

1.9. Tờ trình ĐHĐCD về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC;

1.10. Tờ trình ĐHĐCD về lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giai đoạn 2026-2028;

1.11. Tờ trình ĐHĐCD về sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT;

1.12. Tờ trình ĐHĐCD về bầu thành viên HDQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Thảo luận các nội dung đã trình bày ở Mục 1, thông qua Tờ trình về việc bầu thành viên HDQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031, tiến hành bầu thành viên HDQT, thành

viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031.

3. Thông qua các nội dung còn lại tại Mục 1 và công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031.

4. Thông qua Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và bế mạc Đại hội.

B. DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

I. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành

Đại hội đã nghe Bà Lê Thị Phương Hoa – thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông công bố Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

1. Tổng số cổ đông của Công ty: 9.044 cổ đông.

2. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty: 245.365.943 cổ phần.

3. Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 9.044 cổ đông, đại diện cho 245.365.943 cổ phần (tương ứng với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết).

4. Tổng số cổ đông hợp lệ tham dự Đại hội (bao gồm cổ đông tham dự trực tiếp và cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự): 35 cổ đông, đại diện cho 213.698.602 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 87,09% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. *(Chi tiết Danh sách cổ đông hợp lệ tham dự Đại hội tại Phụ lục 01 đính kèm Biên bản này)*

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”/“BSC”) là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

II. Tóm tắt diễn biến Đại hội

1. Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu

1.1. Đoàn Chủ tịch:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch như sau:

a) Ông Ngô Văn Dũng – Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa

b) Ông Nguyễn Duy Viễn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Thành viên

c) Ông Chung Jae Hoon – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Thành viên

***Kết quả biểu quyết:** Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

1.2. Ban Thư ký:

Để ghi chép diễn biến Đại hội và soạn thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội, Chủ tọa đã cử

Ban Thư ký gồm các thành viên sau đây:

- a) Ông Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Ban Điều hành
- b) Bà Nguyễn Vũ Vân Anh – Chuyên viên Phòng Pháp chế

1.3. Ban Kiểm phiếu:

Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đã thông qua danh sách thành viên Ban Kiểm phiếu gồm:

- a) Bà Bùi Thị Hồng Nhung – Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ – Trưởng Ban
- b) Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ – Thành viên
- c) Bà Vũ Thị Minh Nguyệt – Phó Trưởng Phòng Tài chính Kế toán – Thành viên
- d) Ông Dương Quốc Huy – Phó Trưởng Phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Thành viên
- e) Bà Nguyễn Thủy Tiên – Chuyên viên cao cấp Phòng Hành chính Nhân sự – Thành viên;

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2. Nội dung Đại hội

2.1. Thông qua chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội

Ông Nguyễn Duy Viễn – Thay mặt Đoàn Chủ tịch giới thiệu chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội. Đại hội đã biểu quyết thông qua chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.2. Trình bày các Tờ trình/Báo cáo:

a) Ông Ngô Văn Dũng – Chủ tịch HĐQT trình bày: (i) Báo cáo của HĐQT về tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2025, định hướng hoạt động năm 2026 và (ii) Báo cáo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập.

b) Bà Phạm Thanh Thủy – Trưởng BKS trình bày: (i) Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 và (ii) Tờ trình ĐHĐCĐ về lựa chọn

Công ty kiểm toán thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giai đoạn 2026-2028.

c) Ông Nguyễn Duy Viễn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty trình bày (i) Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2026 và (ii) Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026.

d) Ông Phạm Xuân Anh – Phó Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030.

e) Ông Lê Quang Huy – Phó Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC.

f) Bà Ngô Thị Phong Lan – Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và dự toán thù lao năm 2026.

g) Ông Trần Thăng Long – Phó Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2025, phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2026.

h) Ông Hoàng Trung Kiên – Phó Tổng Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về sửa đổi Điều lệ và các văn bản quản trị điều hành của Công ty.

i) Bà Hoàng Thị Minh Ngọc – Thành viên HĐQT trình bày Tờ trình ĐHĐCĐ về bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031.

2.3. Thảo luận các nội dung tại Mục 2.2; biểu quyết thông qua Tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031.

2.3.1. Đại hội thảo luận các nội dung tại Mục 2.2.

(Chi tiết tại nội dung thảo luận tại Phụ lục 02 đính kèm Biên bản này)

2.3.2. Thông qua Tờ trình về bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031 (như nội dung tại Tờ trình Đại hội).

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình về bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031. Trong đó thông qua số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031:

- Số lượng Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 gồm 05 thành viên, trong đó gồm 01 thành viên HĐQT độc lập;

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 gồm 03 thành viên.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết

của cổ đông dự họp.

2.3.3. Bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031.

a) Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031 (“Quy chế bầu cử”).

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

b) Thông tin về kết quả đề cử, ứng cử:

- Các ứng cử viên được đề cử tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 bao gồm:

+ Ông Ngô Văn Dũng (do cổ đông lớn BIDV đề cử);

+ Ông Nguyễn Duy Viễn (do cổ đông lớn BIDV đề cử);

+ Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh (do cổ đông lớn BIDV đề cử);

+ Ông Chung Jae Hoon (do cổ đông lớn Hana Securities đề cử);

+ Ông Choi Young Soo (do cổ đông lớn Hana Securities đề cử tham gia làm Thành viên độc lập HĐQT BSC).

- Các ứng cử viên được đề cử tham gia BKS nhiệm kỳ 2026-2031 bao gồm:

+ Bà Phạm Thanh Thủy (do cổ đông lớn BIDV đề cử);

+ Bà Vũ Minh Châu (do cổ đông lớn BIDV đề cử);

+ Ông Cho Sung Jae (do cổ đông lớn Hana Securities đề cử).

**Ghi chú: Không có ứng viên nào khác được đề cử hoặc tự ứng cử tham gia HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2026-2031.*

c) Đại hội tiến hành bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031 theo Quy chế bầu cử đã được thông qua và kết quả được công bố tại Mục 2.5 Biên bản này.

2.4. Thông qua các Báo cáo, Tờ trình còn lại (không bao gồm Tờ trình tại Mục 2.3.2 Biên bản này)

Đại hội đã biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình còn lại bao gồm:

2.4.1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2025, định hướng hoạt động năm 2026, Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập (như nội dung tại Báo cáo Đại hội):

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành:

213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.4.2. Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 (như nội dung tại Báo cáo Đại hội):

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.4.3. Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2026 (như nội dung tại Báo cáo Đại hội):

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.4.4. Thông qua định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

a) Mục tiêu chiến lược tổng quát

Trong giai đoạn tới, BSC hướng tới trở thành công ty chứng khoán cung cấp hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính toàn diện, tổng thể và liên thông trên một nền tảng số hóa nhằm khai thác tối đa hệ sinh thái khách hàng của BSC cũng như các cổ đông chiến lược.

Chiến lược này được triển khai trên 03 trụ cột trọng yếu: Tài chính – Công nghệ – Sản phẩm. Tầm nhìn đến năm 2030 của BSC như sau:

➤ **Về năng lực tài chính:** Nâng cao quy mô vốn chủ sở hữu lên gấp khoảng 2 lần so với cuối năm 2025. Công ty tập trung tăng cường năng lực vốn và tối ưu cấu trúc nguồn lực nhằm mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sinh lời và củng cố nền tảng quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm tăng trưởng an toàn và bền vững.

➤ **Về công nghệ:** Đẩy mạnh xây dựng nền tảng giao dịch hợp nhất để có thể tích hợp toàn bộ hệ sinh thái sản phẩm, đồng thời tích hợp sâu hơn vào hệ sinh thái số của BIDV nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán liền mạch thông suốt cho khách hàng. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục ứng dụng AI và tự động hóa để cá nhân hóa trải nghiệm, nâng cao hiệu suất

vận hành và tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn.

➤ **Về sản phẩm:** Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các nhóm khách hàng mục tiêu trên một nền tảng số hợp nhất. Phát triển nhanh và đa dạng hóa các nguồn thu từ các mảng dịch vụ tài chính - chứng khoán ít thâm dụng vốn.

b) Các giải pháp thực hiện trọng tâm:

Thông qua nội dung và giao HĐQT tổ chức thực hiện các giải pháp để hiện thực hóa mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026-2030, bao gồm:

➤ **Giải pháp về tài chính:** Triển khai lộ trình tăng quy mô vốn chủ sở hữu lên gấp khoảng 2 lần so với mức tại 31/12/2025, đạt trên 11.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2026–2027, hướng tới quy mô vốn chủ sở hữu lên khoảng 15.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2028-2030; đa dạng hóa nguồn vốn để đảm bảo tối ưu hóa cấu trúc vốn và sử dụng đòn bẩy tài chính một cách an toàn, hiệu quả. Duy trì khẩu vị quản trị rủi ro chặt chẽ, tăng cường văn hóa kiểm soát rủi ro và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác quản trị rủi ro;

➤ **Giải pháp về công nghệ:** Phát triển nền tảng giao dịch trực tuyến hợp nhất toàn bộ hệ sinh thái sản phẩm, tích hợp sâu vào ứng dụng BIDV SmartBanking. Ứng dụng AI để nâng cao trải nghiệm khách hàng và số hóa quy trình nghiệp vụ để nâng cao năng suất lao động;

➤ **Giải pháp về sản phẩm:** Phát triển các sản phẩm tài chính đa dạng, hoàn thành dự án thành lập Công ty Quản lý quỹ và thúc đẩy hoạt động bán chéo với BIDV và hợp tác phát triển sản phẩm, dịch vụ với Hana Securities.

➤ Các giải pháp khác:

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng tinh gọn và hiệu quả, tập trung đào tạo trong các lĩnh vực chuyển đổi số, AI, phân tích dữ liệu, phát triển sản phẩm mới và các mảng kinh doanh tiềm năng; nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ lãnh đạo trung và cao cấp; tăng cường luân chuyển cán bộ nhằm đa dạng hóa kinh nghiệm và xây dựng đội ngũ kế thừa. Lên kế hoạch triển khai chương trình ESOP nhằm giữ chân nhân sự chủ chốt, thu hút nhân tài;

- Thực hiện các giải pháp về xã hội và quản trị để phát triển BSC xanh và bền vững.

c) Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chủ động rà soát, đánh giá và điều chỉnh Chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030 phù hợp với điều kiện thị trường thực tế nếu thấy cần thiết và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.4.5. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	700
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	%	≥260

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chủ động rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2026 phù hợp với điều kiện thị trường (mức tăng trưởng và/hoặc quy mô thanh khoản thị trường...) nếu thấy cần thiết và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.4.6. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025, phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

a) Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025:

Trong đó, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu tại BCTC năm 2025	Số tiền
1	Tổng tài sản	16.627.752.225.049
2	Vốn chủ sở hữu	5.527.757.894.191
	<i>Trong đó: Vốn Điều lệ</i>	2.453.659.430.000
3	Lợi nhuận trước thuế	616.205.529.645
4	Lợi nhuận sau thuế	493.666.033.520

b) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Công thức/ ghi chú	Phân phối LNST 2025
I	Lợi nhuận năm 2025		493.666.033.520
II	Lợi nhuận còn lại các năm trước		524.052.519.654

STT	Chi tiêu	Công thức/ ghi chú	Phân phối LNST 2025
III	Lợi nhuận chưa phân phối	(III) = (I) + (II)	1.017.718.553.174
IV	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách		276.000.000
V	Phương án phân phối lợi nhuận		
1	Lợi nhuận sử dụng để phân phối	(1) = III - IV	1.017.442.553.174
2	Trích lập các quỹ	(2) = (2.1)	43.690.000.000
2.1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.1)	43.690.000.000
2.2	Tỷ lệ trích (so với Lợi nhuận chưa phân phối)	(2.2) = (2.1)/(III)	4,29%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau trích quỹ và trả thù lao	(3) = (1) - (2)	973.752.553.174
4	Chi trả cổ tức (*)	(4) = (4.1) x (4.2)	245.365.943.000
4.1	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (không tính cổ phiếu quỹ)		2.453.659.430.000
4.2	Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng cổ phiếu)		10%
VI	Tổng lợi nhuận còn lại	(VI) = (3) - (4)	728.386.610.174

Ghi chú: - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nghĩa vụ thuế cũng như lãi tính thuế ước tính của BSC chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán. Trường hợp số thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế, lợi nhuận để lại trên bảng số liệu trên có thể sẽ điều chỉnh lại tương ứng.

- (*): Số liệu này có thể được điều chỉnh, cập nhật theo số lượng cổ phiếu BSC (mã cổ phiếu: BSI) đang lưu hành thực tế tại ngày chốt giao dịch hưởng quyền để thực hiện chi trả cổ tức và tình hình xử lý cổ phiếu lẻ.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và phê duyệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

c) Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

- **Tỷ lệ chi trả:** Dự kiến 10%/Mệnh giá cổ phiếu.
- **Hình thức chi trả:** Bằng tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức chi trả phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh thực tế, đảm bảo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quyền lợi của cổ đông.
- **Thời gian thực hiện:** ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2026, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức thành các đợt phù hợp.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.4.7. Thông qua Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

a) Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC

Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ hiện tại	:	2.453.659.430.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	245.365.943 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	245.365.943 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức	:	24.536.594 cổ phiếu ^(*) (tương đương 10% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	245.365.940.000 đồng ^(*) (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)
Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	:	2.699.025.370.000 đồng ^(*)
Mục đích phát hành	:	Tăng vốn điều lệ phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty
Nguồn vốn thực hiện	:	Từ Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.
Đối tượng nhận cổ phiếu	:	Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	:	10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức)

Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	: Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1 thì cổ đông A được nhận là $111/10*1 = 11,1$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, cổ đông A được nhận thêm 11 cổ phiếu mới theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Số cổ phiếu lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ</i>
Thời gian dự kiến phát hành	: Dự kiến trong năm 2026
Đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm	: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định

() Ghi chú: Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế và Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành có thể thay đổi do xử lý cổ phiếu lẻ và tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.*

b) Triển khai thực hiện:

- HĐQT giao/ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

+ Quyết định các nội dung chi tiết của Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp với tình hình thực tế;

+ Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần);

+ Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bao gồm: (i) sửa đổi/bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại Cơ quan đăng ký kinh doanh; (iii) điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký của Công ty tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM; (v) thay đổi Vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành; và (vi) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành;

+ Quyết định và thực hiện toàn bộ các công việc, thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Phương án đã được phê duyệt, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, HĐQT có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện một hoặc một số các công việc nêu trên.

***Kết quả biểu quyết:** Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

2.4.8. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giai đoạn 2026-2028 (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

Thông qua Tờ trình của BKS đề xuất 04 công ty kiểm toán nhằm chọn ra đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho giai đoạn 2026 - 2028 cho BSC bao gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH PWC (Việt Nam).

Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc lựa chọn một trong 04 công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho giai đoạn 2026 - 2028 của Công ty.

***Kết quả biểu quyết:** Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.*

2.4.9. Thông qua Báo cáo thù lao HĐQT, BKS 2025 và Dự toán thù lao năm 2026 (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

a) Thông qua báo cáo chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2025:

- **Đối với thành viên chuyên trách:** Ông Chung Jae Hoon – Phó Chủ tịch HĐQT:

Căn cứ kết quả hoàn thành KPI của Công ty và cá nhân ông Chung Jae Hoon, mức thù lao năm 2025 của Phó Chủ tịch HĐQT là 3.001.757.072 VND (tăng ~35 triệu VND so với dự toán do biến động tỷ giá VND/USD trong năm 2025).

- **Đối với Thành viên HĐQT và Thành viên BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm:** Tổng thù lao là 276.000.000 VND.

b) Thông qua Dự toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2026:

- Đối với thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm:

+ Chủ tịch HĐQT	: 10.000.000 VND/tháng;
+ Thành viên HĐQT	: 5.000.000 VND/tháng;
+ Trưởng BKS	: 5.000.000 VND/tháng;
+ Thành viên BKS	: 3.000.000 VND/tháng.

* Ghi chú: Các thành viên HĐQT và BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do Hana Securities (HSC) đề cử từ chối nhận thù lao.

- Đối với thành viên HĐQT chuyên trách:

+ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc hoạt động theo chế độ chuyên trách và hưởng lương theo Quy chế chi trả tiền lương của Công ty;

+ Đối với Phó Chủ tịch HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc) và thành viên chuyên trách HĐQT (dự kiến bắt đầu từ ngày 22/04/2026):

➢ Mức tối thiểu (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty): 2.853.300.000 VND;

➢ Mức tối đa (phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty và KPI cá nhân của nhân sự - với giả định KPIs đạt 100%): 4.755.500.000 VND.

* Ghi chú: mức thù lao trên chưa bao gồm thuế nhà thầu và chênh lệch tỷ giá VND/USD (nếu có)

- **Thưởng từ các nguồn hình thành từ lợi nhuận sau thuế (Quỹ thưởng Người quản lý, Phúc lợi...)** và **phụ cấp tham gia các cuộc họp HĐQT...**: Thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ về phân phối lợi nhuận sau thuế và các quy định của Công ty

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.4.10. Thông qua Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

a) Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung.

b) Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung.

c) Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi, bổ sung.

(Chi tiết toàn văn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT sau khi phê duyệt như đính kèm)

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương

ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.5. Kết quả bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031:

a) Danh sách Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 bao gồm:

- Ông Ngô Văn Dũng được bầu vào Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2026-2031 với số phiếu bầu là 227.716.973 phiếu.

- Ông Nguyễn Duy Viễn được bầu vào Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2026-2031 với số phiếu bầu là 218.587.530 phiếu.

- Ông Chung Jae Hoon được bầu vào Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2026-2031 với số phiếu bầu là 213.579.530 phiếu.

- Ông Choi Young Soo được bầu vào Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2026-2031 (thành viên HĐQT độc lập) với số phiếu bầu là 213.441.530 phiếu.

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh được bầu vào Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2026-2031 với số phiếu bầu là 194.554.587 phiếu

b) Danh sách Thành viên BKS nhiệm kỳ 2026-2031 bao gồm:

- Bà Phạm Thanh Thùy được bầu vào Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2026-2031 với số phiếu bầu là 218.591.830 phiếu.

- Ông Cho Sung Jae được bầu vào Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2026-2031 với số phiếu bầu là 213.541.530 phiếu.

- Bà Vũ Minh Châu được bầu vào Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2026-2031 với số phiếu bầu là 208.579.530 phiếu.

III. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội và bế mạc Đại hội

1. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội

Ông Nguyễn Ngọc Anh – thay mặt Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội. Đại hội đã biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

Kết quả biểu quyết: Tổng số phiếu biểu quyết: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu hợp lệ: 213.698.602 phiếu, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu tán thành: 213.697.302 phiếu, tương ứng 99,99% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Tổng số phiếu không có ý kiến: 1.300 phiếu, tương ứng 0,01% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.


2. Bế mạc Đại hội

Đại hội bế mạc hồi 11 giờ 30 phút ngày 22 tháng 04 năm 2026.

Biên bản này được lập thành 02 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 22 tháng 04 năm 2026 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV kết thúc.

Biên bản này đã được đọc lại trước toàn thể Đại hội và được số cổ đông đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội biểu quyết thông qua./.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA 



Ngô Văn Dũng

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Ngọc Anh



Nguyễn Vũ Vân Anh

**PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG HỢP LỆ THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN BSC NĂM 2026**

*(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026
của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV)*

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần đại diện
A	CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <i>Đại diện theo ủy quyền dự họp: Ông Ngô Văn Dũng, Ông Nguyễn Duy Viễn, Bà Hoàng Thị Minh Ngọc</i>	127.516.286
2	HANA SECURITIES CO., LTD <i>Đại diện theo ủy quyền dự họp: Ông Choi Young Soo</i>	85.896.017
B	CỔ ĐÔNG LÀ CÁ NHÂN	
3	Ngô Thị Phong Lan	500
4	Nguyễn Quý Cường	8.800
5	Trần Thăng Long	162
6	Nguyễn Thị Kim Dung	2.000
7	Nguyễn Thị Anh Đào	5.018
8	Nguyễn Thị Thục Uyên	88
9	Vũ Phương Thanh	2.000
10	Lương Thị Chuyên	2.500
11	Trần Văn Ba	14.000
12	Bùi Phương Trâm	1.000
13	Nguyễn Quốc Việt Cường	300
14	Trần Minh Hải	25.000
15	Lê Đình Minh	10.000
16	Mai Thị Thu Hằng	100
17	Đặng Đình Hưng	200
18	Dương Quốc Hưng	2.000
19	Nguyễn Ngọc Anh	172
20	Nguyễn Thị Hà Thanh	1.700
21	Trình Thị Hải Yến <i>(ủy quyền cho Trần Lâm Tùng)</i>	200
22	Tô Ngọc Anh <i>(ủy quyền cho Vũ Việt Anh)</i>	7

23	Đặng Trần Đức Anh (ủy quyền cho Nguyễn Thùy Trang)	1.000
24	Nguyễn Vĩnh Huy	100
25	Lục Dũng Minh (ủy quyền cho Lục Diệu Toán)	5.500
26	Lưu Thị Doan (ủy quyền cho Phạm Thị Chiên)	200
27	Đào Thị Vân Anh (ủy quyền cho Nguyễn Thành Long)	100
28	Trần Thị Thu Thủy	420
29	Nguyễn Đình Cường	4.100
30	Cao Văn Tĩnh	73.100
31	Phạm Đình Thiện	83.500
32	Đặng Đình Hiệp	103
33	VIETNAM STOCK INDEX MOTHER FUND (ủy quyền cho Dương Thị Dung)	38.000
34	RAM (LUX) SYSTEMATIC FUNDS (ủy quyền cho Dương Thị Dung)	4.300
35	Nguyễn Thanh Thủy	129
	TỔNG	213.698.602

**PHỤ LỤC 02: NỘI DUNG THẢO LUẬN
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN BSC NĂM 2026**

*(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCD ngày 22/04/2026
của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV)*

Câu hỏi số 1: Đánh giá của Công ty về tiềm năng của thị trường chứng khoán Việt Nam khi chính thức được nâng hạng vào tháng 9/2026?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

Có ba điểm tác động trọng yếu khi thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng như sau:

- **Thứ nhất** - về nhịp độ tác động: Việc chính thức được nâng hạng lên FTSE Secondary Emerging Market vào tháng 9 năm 2026 được khẳng định là một cột mốc lịch sử, tạo tâm lý cực kỳ tích cực cho thị trường và nhà đầu tư. Tuy nhiên, Công ty đánh giá tác động thực chất chủ yếu mang tính trung và dài hạn. Kinh nghiệm từ các thị trường quốc tế cho thấy chỉ số thường tăng mạnh trong giai đoạn kỳ vọng và có thể điều chỉnh ngắn hạn ngay khi quyết định chính thức có hiệu lực. Cơ hội tăng trưởng bền vững thực sự nằm ở chu kỳ phát triển dài hạn tiếp theo.

- **Thứ hai** - về dòng vốn ngoại: Theo ước tính của BSC Research, gia nhập rổ FTSE sẽ thu hút dòng vốn thụ động (Passive/ETF funds) ước đạt 1,3-1,5 tỷ USD trong giai đoạn đầu. Đây đồng thời là chất xúc tác kích hoạt dòng vốn chủ động (Active funds) với tiềm năng lên tới 3-5 tỷ USD trong dài hạn. Nguồn vốn này tập trung vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn còn dư địa Room ngoại, qua đó cải thiện thanh khoản và nâng mặt bằng định giá toàn thị trường.

- **Thứ ba** - về chuẩn hóa và chất lượng thị trường: Sự tham gia của các nhà đầu tư định chế quốc tế sẽ tạo áp lực chuẩn hóa tích cực, dần thay đổi cơ cấu thị trường theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và bền vững hơn.

Đối với BSC, không đứng chờ thị trường thay đổi, BSC đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp chuẩn bị: nâng cao năng lực vốn chủ sở hữu; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ; đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với nhu cầu nhà đầu tư ngoại; và tăng cường khai thác hệ sinh thái BIDV để mở rộng tệp khách hàng. Với nền tảng đó, BSC đặt mục tiêu trở thành đối tác tin cậy, kết nối hiệu quả dòng vốn quốc tế vào thị trường Việt Nam trong giai đoạn mới.

Câu hỏi số 2: Tại Tờ trình về định hướng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2026-2030, công ty đặt mục tiêu tăng vốn chủ sở hữu lên 11.000 tỷ trong giai đoạn 2026-2027, hướng tới tăng lên 15.000 tỷ trong giai đoạn 2028-2030. Công ty hãy cho biết kế hoạch triển khai tăng vốn cụ thể?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Ông Chung Jae Hoon: Như nội dung Tờ trình định hướng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2026-2030 đã gửi tới các cổ đông và trình bày tại Đại hội, 2 cổ đông lớn Hana Securities (HSC) và BIDV đã thống nhất về mặt chủ trương và quan điểm khẳng định sự cần thiết của việc tăng vốn nhằm củng cố năng lực cạnh tranh toàn diện cho BSC. Hiện HĐQT BSC (gồm đại diện vốn của BIDV và

HSC) đang phối hợp chặt chẽ để xây dựng phương án tăng vốn chi tiết. Mục tiêu là sẽ triển khai tăng vốn trong giai đoạn 2026-2027.

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc BSC, Ông Nguyễn Duy Viễn: Việc tăng vốn của BSC là rất cần thiết trong bối cảnh quy mô hiện tại của công ty còn khiêm tốn so với thị trường. Quy mô vốn hạn chế khiến gây khó khăn cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh, đặc biệt là trong việc tham gia các lĩnh vực kinh doanh mới như tài sản số hay thu hút các nhà đầu tư lớn sau khi thị trường được nâng hạng. Theo kế hoạch, BSC đặt mục tiêu đến năm 2027 sẽ tăng gấp đôi vốn chủ sở hữu, từ mức khoảng hơn 5.500 tỷ đồng hiện nay lên trên 11.000 tỷ đồng.

Câu hỏi số 3: Tại Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2026-2030, Công ty đưa ra giải pháp để thực hiện chiến lược giai đoạn 2026-2030 là “xây dựng nền tảng giao dịch hợp nhất và ứng dụng AI”. Công ty hãy cho biết kế hoạch thực hiện giải pháp này sắp tới là gì?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

BSC xác định chuyển đổi số là một trong ba trụ cột chiến lược cốt lõi giai đoạn 2026–2030, nhằm tận dụng tối đa thế mạnh từ ngân hàng mẹ BIDV - đơn vị tiên phong tại Việt Nam trong lĩnh vực chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ mới vào phát triển sản phẩm, phục vụ khách hàng và cổ đông chiến lược HSC - công ty chứng khoán đứng đầu về năng lực công nghệ tại Hàn Quốc. Kế hoạch triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

- Xây dựng nền tảng giao dịch hợp nhất: Triển khai tích hợp toàn bộ hệ sinh thái sản phẩm đầu tư chứng khoán lên ứng dụng BIDV SmartBanking, nhằm mang lại trải nghiệm tài chính liền mạch, tiện lợi nhất cho hàng chục triệu khách hàng trong hệ sinh thái BIDV.

- Ứng dụng AI: Phía HSC đã sẵn sàng và cam kết chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn cũng như chuyển giao các giải pháp công nghệ tiên tiến cho BSC, đặc biệt trong mảng ứng dụng AI và tự động hóa quy trình vận hành.

- Lộ trình thực hiện: Ngay trong năm 2026, Công ty đang tập trung xây dựng và đồng bộ hóa các sản phẩm số, tiến tới hình thành một hệ sinh thái đầu tư tích hợp hoàn chỉnh. Song song đó, AI và công nghệ tự động hóa sẽ được triển khai vào toàn bộ hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, cá nhân hóa trải nghiệm và tối ưu nguồn lực vận hành. Về tầm nhìn đến 2030: BSC đặt mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong cung cấp hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính đồng bộ, toàn diện và liên thông trên nền tảng số - khai thác hiệu quả hệ sinh thái khách hàng của BSC lẫn các cổ đông chiến lược.

Câu hỏi số 4: Về việc tham gia các trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, BSC dự kiến có thành lập văn phòng đại diện đặt tại các trung tâm này không?

Trả lời của Đoàn Chủ tịch:

BSC đặc biệt quan tâm đến việc tham gia các trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Ngay từ sớm, Công ty đã thành lập bộ phận chuyên trách để nghiên cứu, đánh giá khả năng triển khai các lĩnh vực kinh doanh tại các trung tâm này. Khi các điều kiện cần thiết được đáp ứng và hiệu quả triển khai được xác định rõ ràng, BSC sẽ từng bước triển khai hoạt động tại các trung tâm tài chính quốc tế nêu trên.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC);
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/BB-DHĐCĐ ngày 22/04/2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo sau (như nội dung tại Báo cáo Đại hội):

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HDQT”) về tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026;
2. Báo cáo đánh giá của Thành viên HDQT độc lập;
3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026;
4. Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Điều 2. Thông qua định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

1. Mục tiêu chiến lược tổng quát

Trong giai đoạn tới, BSC hướng tới trở thành công ty chứng khoán cung cấp hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính toàn diện, tổng thể và liên thông trên một nền tảng số hóa nhằm khai thác tối đa hệ sinh thái khách hàng của BSC cũng như các cổ đông chiến lược.

Chiến lược này được triển khai trên 03 trụ cột trọng yếu: Tài chính – Công nghệ – Sản phẩm. Tầm nhìn đến năm 2030 của BSC như sau:

➤ **Về năng lực tài chính:** Nâng cao quy mô vốn chủ sở hữu lên gấp khoảng 2 lần so với cuối năm 2025. Công ty tập trung tăng cường năng lực vốn và tối ưu cấu trúc nguồn lực nhằm

mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sinh lời và củng cố nền tảng quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm tăng trưởng an toàn và bền vững.

➤ **Về công nghệ:** Đẩy mạnh xây dựng nền tảng giao dịch hợp nhất để có thể tích hợp toàn bộ hệ sinh thái sản phẩm, đồng thời tích hợp sâu hơn vào hệ sinh thái số của BIDV nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán liền mạch thông suốt cho khách hàng. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục ứng dụng AI và tự động hóa để cá nhân hóa trải nghiệm, nâng cao hiệu suất vận hành và tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn.

➤ **Về sản phẩm:** Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các nhóm khách hàng mục tiêu trên một nền tảng số hợp nhất. Phát triển nhanh và đa dạng hóa các nguồn thu từ các mảng dịch vụ tài chính - chứng khoán ít thâm dụng vốn.

2. Các giải pháp thực hiện trọng tâm

Thông qua nội dung và giao Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các giải pháp để hiện thực hóa mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026-2030, bao gồm:

➤ **Giải pháp về tài chính:** Triển khai lộ trình tăng quy mô vốn chủ sở hữu lên gấp khoảng 2 lần so với mức tại 31/12/2025, đạt trên 11.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2026-2027, hướng tới quy mô vốn chủ sở hữu lên khoảng 15.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2028-2030; đa dạng hóa nguồn vốn để đảm bảo tối ưu hóa cấu trúc vốn và sử dụng đòn bẩy tài chính một cách an toàn, hiệu quả. Duy trì khẩu vị quản trị rủi ro chặt chẽ, tăng cường văn hóa kiểm soát rủi ro và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác quản trị rủi ro;

➤ **Giải pháp về công nghệ:** Phát triển nền tảng giao dịch trực tuyến hợp nhất toàn bộ hệ sinh thái sản phẩm, tích hợp sâu vào ứng dụng BIDV SmartBanking. Ứng dụng AI để nâng cao trải nghiệm khách hàng và số hóa quy trình nghiệp vụ để nâng cao năng suất lao động;

➤ **Giải pháp về sản phẩm:** Phát triển các sản phẩm tài chính đa dạng, hoàn thành dự án thành lập Công ty Quản lý quỹ và thúc đẩy hoạt động bán chéo với BIDV và hợp tác phát triển sản phẩm, dịch vụ với Hana Securities.

➤ Các giải pháp khác:

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng tinh gọn và hiệu quả, tập trung đào tạo trong các lĩnh vực chuyển đổi số, AI, phân tích dữ liệu, phát triển sản phẩm mới và các mảng kinh doanh tiềm năng; nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ lãnh đạo trung và cao cấp; tăng cường luân chuyển cán bộ nhằm đa dạng hóa kinh nghiệm và xây dựng đội ngũ kế thừa. Lên kế hoạch triển khai chương trình ESOP nhằm giữ chân nhân sự chủ chốt, thu hút nhân tài;

- Thực hiện các giải pháp về xã hội và quản trị để phát triển BSC xanh và bền vững.

3. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động rà soát, đánh giá và điều chỉnh Chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030 phù hợp với điều kiện thị trường thực tế nếu thấy cần thiết và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của BSC (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	700
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	%	≥260

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2026 phù hợp với điều kiện thị trường (*mức tăng trưởng và/hoặc quy mô thanh khoản thị trường...*) nếu thấy cần thiết và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025, phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 (như nội dung tại Trình Đại hội):

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025:

Trong đó, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu tại BCTC năm 2025	Số tiền
1	Tổng tài sản	16.627.752.225.049
2	Vốn chủ sở hữu	5.527.757.894.191
	<i>Trong đó: Vốn Điều lệ</i>	<i>2.453.659.430.000</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	616.205.529.645
4	Lợi nhuận sau thuế	493.666.033.520

2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Công thức/ghi chú	Phân phối LNST 2025
I	Lợi nhuận năm 2025		493.666.033.520
II	Lợi nhuận còn lại các năm trước		524.052.519.654
III	Lợi nhuận chưa phân phối	(III) = (I) + (II)	1.017.718.553.174
IV	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách		276.000.000
V	Phương án phân phối lợi nhuận		
1	Lợi nhuận sử dụng để phân phối	(1) = III - IV	1.017.442.553.174
2	Trích lập các quỹ	(2) = (2.1)	43.690.000.000
2.1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.1)	43.690.000.000
2.2	Tỷ lệ trích (so với Lợi nhuận chưa phân phối)	(2.2) = (2.1)/(III)	4,29%



STT	Chỉ tiêu	Công thức/ghi chú	Phân phối LNST 2025
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau trích quỹ và trả thù lao	(3) = (1) - (2)	973.752.553.174
4	Chi trả cổ tức (*)	(4) = (4.1) x (4.2)	245.365.943.000
4.1	Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (không tính cổ phiếu quỹ)		2.453.659.430.000
4.2	Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng cổ phiếu)		10%
VI	Tổng lợi nhuận còn lại	(VI) = (3) - (4)	728.386.610.174

Ghi chú: - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nghĩa vụ thuế cũng như lãi tính thuế ước tính của BSC chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán. Trường hợp số thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế, lợi nhuận để lại trên bảng số liệu trên có thể sẽ điều chỉnh lại tương ứng.

- (*): Số liệu này có thể được điều chỉnh, cập nhật theo số lượng cổ phiếu BSC (mã cổ phiếu: BSI) đang lưu hành thực tế tại ngày chốt giao dịch hưởng quyền để thực hiện chi trả cổ tức và tình hình xử lý cổ phiếu lẻ.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và phê duyệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

3. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

- **Tỷ lệ chi trả:** Dự kiến 10%/Mệnh giá cổ phiếu.
- **Hình thức chi trả:** Bằng tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức chi trả phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh thực tế, đảm bảo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quyền lợi của cổ đông.
- **Thời gian thực hiện:** Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2026, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức thành các đợt phù hợp.

(Các nội dung chi tiết tại Tờ trình số 344/TTr-BSC ngày 30/03/2026 đính kèm theo Nghị quyết)

Điều 5. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

1. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC

Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu

Vốn điều lệ hiện tại	:	2.453.659.430.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	245.365.943 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	245.365.943 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức	:	24.536.594 cổ phiếu ^(*) (tương đương 10% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	245.365.940.000 đồng ^(*) (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)
Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	:	2.699.025.370.000 đồng ^(*)
Mục đích phát hành	:	Tăng vốn điều lệ phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty
Nguồn vốn thực hiện	:	Từ Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.
Đối tượng nhận cổ phiếu	:	Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	:	10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức)
Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	:	Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1 thì cổ đông A được nhận là $111/10 * 1 = 11,1$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, cổ đông A được nhận thêm 11 cổ phiếu mới theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Số cổ phiếu lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ
Thời gian dự kiến phát hành	:	Dự kiến trong năm 2026
Đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm	:	Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định

(*) Ghi chú: Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế và Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành có thể thay đổi do xử lý cổ phiếu lẻ và tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành

thực tế của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.

2. Triển khai thực hiện:

2.1. Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

- Quyết định các nội dung chi tiết của Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp với tình hình thực tế.

- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần).

- Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bao gồm: (i) sửa đổi/bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại Cơ quan đăng ký kinh doanh; (iii) điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký của Công ty tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam; (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM; (v) thay đổi Vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành; và (vi) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành.

- Quyết định và thực hiện toàn bộ các công việc, thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Phương án đã được phê duyệt, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2. Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện một hoặc một số các công việc nêu trên.

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giai đoạn 2026-2028 (như nội dung tại Tờ trình Đại hội)

Thông qua danh sách 04 công ty kiểm toán nhằm chọn ra đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho giai đoạn 2026 - 2028 của BSC, bao gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH PWC (Việt Nam).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định việc lựa chọn một trong 04 công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho giai đoạn 2026 - 2028 của Công ty.

(Các nội dung chi tiết tại Tờ trình số 347/TTr-BSC ngày 30/03/2026 đính kèm theo Nghị quyết)

Điều 7. Thông qua Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và Dự toán thù lao năm 2026 (như nội dung tại Tờ trình Đại hội)

1. Thông qua báo cáo chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2025

- **Đối với thành viên chuyên trách:** Ông Chung Jae Hoon – Phó Chủ tịch HĐQT:

Căn cứ kết quả hoàn thành KPI của Công ty và cá nhân ông Chung Jae Hoon, mức thù lao năm 2025 của Phó Chủ tịch HĐQT là 3.001.757.072 VND (tăng ~35 triệu VND so với dự toán do biến động tỷ giá VND/USD trong năm 2025).

- **Đối với Thành viên HĐQT và Thành viên BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm:** Tổng thù lao là 276.000.000 VND.

2. Thông qua dự toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2026

2.1. Đối với thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 VND/tháng;
- Thành viên Hội đồng quản trị : 5.000.000 VND/tháng;
- Trưởng Ban Kiểm soát : 5.000.000 VND/tháng;
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.000.000 VND/tháng.

* Ghi chú: Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do Hana Securities (HSC) đề cử từ chối nhận thù lao.

2.2. Đối với thành viên HĐQT chuyên trách

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc hoạt động theo chế độ chuyên trách và hưởng lương theo Quy chế chi trả tiền lương của Công ty;

- Đối với Phó Chủ tịch HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc) và thành viên chuyên trách HĐQT (dự kiến bắt đầu từ ngày 22/04/2026):

+ Mức tối thiểu (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty): 2.853.300.000 VND;

+ Mức tối đa (phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty và KPI cá nhân của nhân sự - với giả định KPIs đạt 100%): 4.755.500.000 VND.

* Ghi chú: mức thù lao trên chưa bao gồm Thuế nhà thầu và chênh lệch tỷ giá VND/USD (nếu có)

CH
TỶ
AN
HỘI
V
T.P

2.3. Thường từ các nguồn hình thành từ lợi nhuận sau thuế (Quỹ thưởng Người quản lý, Phúc lợi...) và phụ cấp tham gia các cuộc họp HĐQT...: Thực hiện theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông về phân phối lợi nhuận sau thuế và các quy định của Công ty.

(Các nội dung chi tiết tại Tờ trình số 345/TTr-BSC ngày 30/03/2026 đính kèm theo Nghị quyết)

Điều 8. Thông qua Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung (như nội dung tại Tờ trình Đại hội):

1. Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
2. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung.
3. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung.

(Chi tiết toàn văn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của hội đồng quản trị Công ty sau khi được phê duyệt sửa đổi, bổ sung như đính kèm).

Điều 9. Thông qua Tờ trình và kết quả bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 (như kết quả bầu và nội dung tại Tờ trình Đại hội):

1. Thông qua số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031:

- Số lượng Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 gồm 05 thành viên, trong đó gồm 01 thành viên HĐQT độc lập;
- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 gồm 03 thành viên.

2. Thông qua kết quả bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

a. Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031 bao gồm:

- Ông Ngô Văn Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Duy Viễn – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Chung Jae Hoon – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Choi Young Soo – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thành viên Hội đồng quản trị

b. Danh sách Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 bao gồm:

- Bà Phạm Thanh Thủy – Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Cho Sung Jae – Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Vũ Minh Châu – Thành viên Ban Kiểm soát

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được lập thành 02 (hai) bản gốc, gồm 09 trang và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV biểu quyết thông qua toàn văn tại Đại hội.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2026.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Ngô Văn Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1.	QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1.	Giải thích thuật ngữ.....	2
Điều 2.	Tên, hình thức, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty ...	3
Điều 3.	Người đại diện theo pháp luật.....	5
CHƯƠNG 2.	MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY.....	7
Điều 4.	Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	7
Điều 5.	Mục tiêu hoạt động.....	7
Điều 6.	Nguyên tắc hoạt động của Công ty.....	7
CHƯƠNG 3.	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 7.	Vốn điều lệ và các loại cổ phần.....	10
Điều 8.	Phát hành trái phiếu.....	11
Điều 9.	Phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	11
Điều 10.	Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Điều 11.	Sổ đăng ký cổ đông.....	13
Điều 12.	Chuyển nhượng cổ phần của Công ty.....	14
Điều 13.	Mua lại cổ phần.....	14
CHƯƠNG 4.	QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	16
Điều 14.	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	16
Điều 15.	Quyền của cổ đông.....	16
Điều 16.	Nghĩa vụ của cổ đông.....	18
Điều 17.	Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 18.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 19.	Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 20.	Thay đổi các quyền.....	24
Điều 21.	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	25

Điều 22.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 23.	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 24.	Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	30
Điều 25.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 26.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 27.	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 28.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 29.	Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	36
Điều 30.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	37
Điều 31.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 32.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	40
Điều 33.	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	41
Điều 34.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	42
Điều 35.	Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	44
Điều 36.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị...	45
Điều 37.	Thư ký Công ty	46
Điều 38.	Người phụ trách quản trị Công ty.....	47
Điều 39.	Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị.....	47
Điều 40.	Tổ chức bộ máy quản lý	49
Điều 41.	Người điều hành Công ty.....	49
Điều 42.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	49
Điều 43.	Giúp việc cho Tổng Giám đốc.....	50
Điều 44.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc	50
Điều 45.	Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	51
Điều 46.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	51
Điều 47.	Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc.....	51

Mu

Điều 48.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	54
Điều 49.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	54
Điều 50.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	55
Điều 51.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....	55
Điều 52.	Thành phần và nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.....	56
Điều 53.	Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát	56
Điều 54.	Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên.....	56
Điều 55.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	57
Điều 56.	Trưởng Ban Kiểm soát	58
Điều 57.	Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác	58
Điều 58.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	58
Điều 59.	Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan	59
Điều 60.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	61
CHƯƠNG 5.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	61
Điều 61.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	61
CHƯƠNG 6.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	63
Điều 62.	Công nhân viên và Công Đoàn.....	63
CHƯƠNG 7.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	64
Điều 63.	Phân phối lợi nhuận	64
CHƯƠNG 8.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	65
Điều 64.	Tài khoản ngân hàng.....	65
Điều 65.	Năm tài chính.....	65
Điều 66.	Chế độ kế toán	65
CHƯƠNG 9.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	66
Điều 67.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	66
Điều 68.	Báo cáo thường niên	66

Nu

CHƯƠNG 10.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	67
Điều 69.	Kiểm toán.....	67
CHƯƠNG 11.	DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	68
Điều 70.	Dấu của doanh nghiệp	68
CHƯƠNG 12.	TỔ CHỨC LẠI, THANH LÝ, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	69
Điều 71.	Tổ chức lại Công ty	69
Điều 72.	Giải thể.....	69
Điều 73.	Giả hạn hoạt động.....	69
Điều 74.	Thanh lý	69
Điều 75.	Phá sản.....	70
CHƯƠNG 13.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	71
Điều 76.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	71
CHƯƠNG 14.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	72
Điều 77.	Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	72
CHƯƠNG 15.	NGÀY HIỆU LỰC	73
Điều 78.	Ngày hiệu lực.....	73

nu

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số QL/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV. Các Phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.



CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1.1.1. “Công ty” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

1.1.2. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

1.1.3. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ (05%) năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

1.1.4. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần hàng tiền hoặc bằng tài sản khác;

1.1.5. “Điều khoản” có nghĩa là một điều khoản của Điều lệ này;

1.1.6. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ;

1.1.7. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ;

1.1.8. “Nghị định 155/2020/NĐ-CP” có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ;

1.1.9. “Ngày thành lập” là ngày mà Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu;

1.1.10. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

1.1.11. “Người quản lý doanh nghiệp” hoặc “Người quản lý” là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

1.1.12. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

1.1.13. “Pháp luật” là tất cả các bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

theo từng thời kỳ, bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản pháp luật này;

1.1.14. “SGDCK” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

1.1.15. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này ghi nhận thông tin sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này;

1.1.16. “Thông tư 121/2020/TT-BTC” có nghĩa là Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ.

1.1.17. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định trong Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

1.1.18. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

1.1.19. “UBCKNN” là Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;

1.1.20. “Vốn điều lệ” có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều lệ này;

1.1.21. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Hình thức của Công ty;

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.2. Tên Công ty:



Tên giao dịch chính thức:	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
Tên giao dịch rút gọn:	Công ty Chứng khoán BIDV
Tên giao dịch Tiếng Anh:	BIDV Securities Joint Stock Company
Tên giao dịch rút gọn Tiếng Anh:	BIDV Securities
Tên giao dịch viết tắt:	BSC

2.3. Biểu tượng của Công ty được thể hiện như sau:



Tùy theo tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị có thể quyết định việc thay đổi biểu tượng Công ty.

2.4. Trụ sở Công ty:

2.4.1. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Tầng 8, Tầng 9 LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

(Nội dung này đã được cập nhật theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/GPDC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 11/08/2025)

Điện thoại: (84-24) 39352722

Fax: (84-24) 33816699

Email : IR@bsc.com.vn

Website: www.bsc.com.vn

2.4.2. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản và sẽ được tự động cập nhật tại Điều lệ Công ty.

2.5. Mạng lưới hoạt động:

2.5.1. Công ty có thể thành lập, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản;

2.5.2. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

2.5.3. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCKNN chấp thuận;

2.5.4. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

2.6. Thời hạn hoạt động:

2.6.1. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo CHƯƠNG 12.Điều 72 Điều lệ này hoặc theo quy định của pháp luật, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn và bắt đầu từ Ngày thành lập.

2.6.2. Mọi thay đổi về thời hạn hoạt động của Công ty đều phải được phép của UBCKNN và thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

3.1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.3. Quyền của Người đại diện theo pháp luật

3.3.1. Ký kết các hợp đồng nhân danh/đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;

3.3.2. Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty trong các quan hệ quốc tế, tổ tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản;

3.3.3. Ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong trường hợp vắng mặt theo quy định pháp luật và Điều lệ;

3.3.4. Các quyền khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

3.4. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

3.4.1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

3.4.2. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

3.4.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

3.4.4. Các trách nhiệm khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

3.4.5. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật:

3.4.6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền;

3.4.7. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại điểm 3.4.6 khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật;

3.4.8. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.



CHƯƠNG 2. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

4.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:

4.1.1. Môi giới chứng khoán;

4.1.2. Tự doanh chứng khoán;

4.1.3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

4.1.4. Tư vấn đầu tư chứng khoán;

4.1.5. Kinh doanh chứng khoán phái sinh;

4.1.6. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

4.2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 4.1 Điều lệ này, Công ty được cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính và pháp luật.

4.3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh quy định tại Khoản 4.1 và Khoản 4.2 Điều này sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

5.1. Tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, ổn định, bền vững và an toàn.

5.2. Nếu bất kỳ những mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Điều 5.1 Điều lệ này cần có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Công ty

6.1. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành:

6.1.1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.

6.1.2. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6.1.3. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông

tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

6.1.4. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.

6.1.5. Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.2. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ:

Công ty khi thực hiện hoạt động nghiệp vụ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

6.2.1. Phải ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.

6.2.2. Phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.

6.2.3. Công ty, nhân viên của Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật.

6.2.4. Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty.

6.2.5. Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.

6.2.6. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:

a. Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;

b. Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;

c. Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;

d. Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;

e. Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;

f. Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.

6.2.7. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

6.2.8. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định

của pháp luật.

6.2.9. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.

6.2.10. Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

6.2.11. Công ty phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

6.2.12. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG 3. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 7. Vốn điều lệ và các loại cổ phần

7.1. Vốn điều lệ của Công ty là **2.453.659.430.000 đồng** (Bằng chữ: Hai nghìn bốn trăm năm mươi ba tỷ, sáu trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

7.2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành **245.365.943** cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này.

7.3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

7.4. Công ty phải luôn duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật. Trường hợp vốn điều lệ không đáp ứng mức tối thiểu nêu trên, Công ty tiến hành bổ sung vốn điều lệ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

7.5. Cổ phần phổ thông sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá hoặc trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7.6. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

7.7. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

7.8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7.9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

7.10. Quy mô Vốn điều lệ và số cổ phần của công ty quy định tại Khoản 7.1 và 7.2 Điều này sẽ tự động cập nhật khi Công ty hoàn thành việc thay đổi Vốn Điều lệ theo Nghị quyết

Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật.

Điều 8. Phát hành trái phiếu

8.1. Đối với chào bán trái phiếu riêng lẻ:

8.1.1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi riêng lẻ, không kèm chứng quyền riêng lẻ: Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.

8.1.2. Đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ: Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư.

8.2. Đối với chào bán trái phiếu ra công chúng:

8.2.1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi ra công chúng, trái phiếu không kèm chứng quyền ra công chúng: Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

8.2.2. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng: Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

Điều 9. Phát hành chứng quyền có bảo đảm

9.1. Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó theo mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

9.2. Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty, Công ty sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo quy định pháp luật.

9.3. Công ty được phát hành chứng quyền theo tổng hạn mức phù hợp quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước so với vốn khả dụng tính tại thời điểm phát hành.

9.4. Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty. Người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và quy định tại bản cáo bạch của Công ty khi tiến hành chào bán chứng quyền như:

9.4.1. Quyền được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá chứng khoán cơ sở và giá thực hiện tại thời điểm thực hiện tùy theo loại chứng quyền sở hữu;

9.4.2. Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền được hủy niêm yết theo quy định pháp luật;

9.4.3. Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo quy định của Công ty tại bản cáo bạch cho từng đợt phát hành;

9.4.4. Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể, phá sản, các quyền khác theo quy định pháp luật trong trường hợp Công ty hợp nhất, sáp nhập;

9.4.5. Quyền chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế... trong quan hệ pháp luật dân sự theo quy định pháp luật;

9.4.6. Các quyền khác theo quy định pháp luật.

9.5. Bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của Công ty:

9.5.1. Trong trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, Công ty đảm bảo sử dụng các nguồn để thanh toán và thực hiện nghĩa vụ đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm như sau:

a. Tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền trên tài khoản tự doanh;

b. Tài sản bảo đảm thanh toán đã được Công ty ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm;

c. Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);

d. Công ty sẽ áp dụng các biện pháp bảo đảm khác (nếu có) theo quy định pháp luật để đảm bảo thanh toán và thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền.

9.5.2. Trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật về giải thể, phá sản đối với chủ nợ có bảo đảm một phần;

9.5.3. Trường hợp Công ty bị hợp nhất, sáp nhập, giải thể phá sản, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật doanh nghiệp;

9.5.4. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

10.1. Chứng nhận cổ phiếu

10.1.1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

10.1.2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

10.1.3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

10.1.4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

10.2. Chứng chỉ chứng khoán khác:

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện hợp pháp của Công ty (bao gồm người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền) và dấu của Công ty.

Điều 11. Sổ đăng ký cổ đông

11.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

11.2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

11.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

11.2.2. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ

sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

11.2.3. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

11.2.4. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

11.2.5. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

11.3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông của Công ty: văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

11.4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

11.5. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thì dữ liệu do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lưu giữ sẽ có hiệu lực.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần của Công ty

12.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

12.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.

Điều 13. Mua lại cổ phần

13.1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

13.2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

13.2.1. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông

a. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ

đồng, số lượng cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại) và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

b. Hội đồng quản trị xác định mức giá mua lại theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

13.2.2. Mua lại theo quyết định của Công ty

Công ty có thể mua lại cổ phiếu đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) để làm cổ phiếu quỹ. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

14.1. Đại hội đồng cổ đông;

14.2. Hội đồng quản trị;

14.3. Ban kiểm soát;

14.4. Tổng Giám đốc.

MỤC I – CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

15.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

15.1.1. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

15.1.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

15.1.3. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

15.1.4. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

15.1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

15.1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

15.1.7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

15.1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

15.1.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

15.1.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

15.1.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

15.1.12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

15.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

15.2.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

15.2.2. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

15.2.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

15.2.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

15.2.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

15.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

15.3.1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

15.3.2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

15.4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

15.4.1. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;

15.4.2. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

15.4.3. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

15.4.4. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

16.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

16.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị

rút và các thiệt hại xảy ra.

16.3. Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

16.4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

16.5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

16.6. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty thì cổ đông đó và người có liên quan của cổ đông không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác.

16.7. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

16.8. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty phải thông báo đầy đủ cho Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin, đối với các trường hợp sau:

16.8.1. Số cổ phần hoặc phần vốn góp bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;

16.8.2. Cổ đông, thành viên là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản;

16.8.3. Công ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về các trường hợp quy định tại Khoản 16.8 này trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.

16.9. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

16.9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

16.9.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

16.9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác;

16.9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

16.10. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

16.10.1. Vi phạm pháp luật;

16.10.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

16.10.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với công ty.

16.11. Cung cấp thông tin, địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định;

16.12. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

17.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

17.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại khoản 18.2.1, 18.2.2, 18.2.3, 18.2.4, 18.2.5, 18.2.6 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

17.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

17.3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

17.3.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

17.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.2 Điều lệ

này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

17.3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

17.3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

17.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

17.4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm 17.3.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm 17.3.3 và 17.3.4 Điều này;

17.4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 17.4.1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

17.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 17.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 17.3.3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

17.4.4. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

18.1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

18.1.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

18.1.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

18.1.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

18.1.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

18.1.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

18.1.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

18.1.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

18.1.8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

18.1.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

18.1.10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

18.1.11. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

18.1.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; thông qua tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

18.1.13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

18.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông qua các vấn đề sau:

18.2.1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

18.2.2. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

18.2.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

18.2.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

18.2.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

18.2.6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

18.2.7. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

18.2.8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

18.2.9. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

18.2.10. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

18.2.11. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

18.2.12. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

18.2.13. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

18.2.14. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

18.2.15. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

18.2.16. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

18.2.17. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

18.2.18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Điều 59.3 Điều lệ này;

18.2.19. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

18.2.20. Các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

18.3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

18.4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 19. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

19.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

19.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 19.1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

19.3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu (trong đó thể hiện nội dung cho phép người được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác) của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

19.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

19.4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

19.4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

19.4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

20.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

20.2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

20.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Điều lệ này.

20.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

21.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 17.3 Điều 17 Điều lệ này.

21.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

21.2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

21.2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

21.2.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

21.2.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

21.2.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

21.2.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông

có quyền dự họp;

21.2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

21.3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

21.3.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

21.3.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

21.3.3. Phiếu biểu quyết;

21.3.4. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

21.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

21.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 21.4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

21.5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 21.4 Điều này;

21.5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ này;

21.5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

21.5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

21.6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 21.4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 21.5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

22.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

22.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

22.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng (30) ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng (20) hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

22.4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

22.4.1. Trực tiếp tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

22.4.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

22.4.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

22.4.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

22.4.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội

đồng cổ đông;

Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

23.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông, bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

23.1.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

23.1.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

23.2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

23.2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không ai trong số họ có thể làm chủ tọa cuộc họp, Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

23.2.2. Trừ trường hợp quy định tại điểm 23.2.1 khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

23.2.3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp, lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

23.2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

23.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình.

23.4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo đúng chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

23.4.1. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

23.4.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

23.4.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

23.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

23.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

23.7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

23.7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra an ninh hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

23.7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

23.8. Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người

đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

23.8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

23.8.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

23.8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

23.9. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bị hoãn hoặc tạm dừng trái với quy định nêu tại Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

23.10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 24. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

24.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

24.1.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

24.1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

24.1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

24.1.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

24.1.5. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

24.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 24.1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều

148 Luật Doanh nghiệp.

24.3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

25.1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

25.1.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ này.

25.1.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 21.3 Điều lệ này.

25.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

25.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

25.2.2. Mục đích lấy ý kiến;

25.2.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

25.2.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

25.2.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

25.2.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

25.2.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

25.3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư,

fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

25.3.1. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

25.3.2. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

25.3.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

25.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

25.4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

25.4.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

25.4.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

25.4.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

25.4.5. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

25.4.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

25.5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

25.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

25.7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

26.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

26.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

26.1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

26.1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

26.1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

26.1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

26.1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

26.1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

26.1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

26.1.9. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

26.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

26.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý

như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

26.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

27.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;

27.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

MỤC II - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

28.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

28.1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

28.1.2. Trình độ chuyên môn;

28.1.3. Quá trình công tác;

28.1.4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

28.1.5. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

28.1.6. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

28.1.7. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

28.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

28.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử viên vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

28.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

29.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người bao gồm: (01) một Chủ tịch Hội đồng quản trị, (01) một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các ủy viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

29.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá (05) năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

29.3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau:

29.3.1. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

29.3.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

29.3.3. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên

Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

29.4. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

29.4.1. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

29.4.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

29.4.3. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

29.5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

29.6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

29.7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

29.8. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

30.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

30.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

30.2.1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

30.2.2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

30.2.3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

30.2.4. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

30.2.5. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

30.2.6. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

30.2.7. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

30.2.8. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

30.2.9. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

30.2.10. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

30.2.11. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

30.2.12. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các người quản lý và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ và các văn bản nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của những đối tượng đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

30.2.13. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

30.2.14. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác;

30.2.15. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

30.2.16. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

30.2.17. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

30.2.18. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;

30.2.19. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật và quyết định ban hành các Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các Ban/Tiểu ban/đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty.

30.2.20. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

30.2.21. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

30.2.22. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro, nhiệm vụ kiểm toán nội bộ và nhiệm vụ kiểm soát nội bộ theo quy định pháp luật;

30.2.23. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người

quản lý khác của công ty;

30.2.24. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

30.2.25. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

30.3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế trong từng thời kỳ).

30.4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử, fax, và các phương tiện điện tử khác theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của BSC tại từng thời kỳ. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau.

Điều 31. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

31.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

31.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

31.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

31.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

31.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại,

ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

31.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

32.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

32.1.1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

32.1.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông Công ty;

32.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

32.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

32.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ;

32.1.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

32.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

32.2.1. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

32.2.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

32.2.3. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

32.2.4. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

32.2.5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

32.2.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

32.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ Điều kiện theo quy định tại Khoản 32.2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

33.1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

33.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc của Công ty.

33.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

33.3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

33.3.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

33.3.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

33.3.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

33.3.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

33.3.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

33.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được bầu. Hội đồng quản trị phải bầu người

thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

33.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

34.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

34.2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

34.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

34.3.1. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

34.3.2. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

34.3.3. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

34.3.4. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

34.4. Đề nghị quy định tại khoản 34.3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

34.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 34.3 Điều này.

Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

34.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

34.7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

34.8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

34.9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

34.10. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp bằng điện thoại, hội đàm trực tuyến (video hoặc tele-conference) giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:

34.10.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và

34.10.2. Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu ý kiến với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội

đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, địa điểm họp là địa điểm Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

34.11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

34.11.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

34.11.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 34.13 Điều này;

34.11.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều lệ này;

34.11.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

34.11.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

34.12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

34.13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

34.14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 35. Biên bản họp Hội đồng quản trị

35.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

35.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

35.1.2. Thời gian, địa điểm họp;

35.1.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

35.1.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

35.1.5. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

35.1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

35.1.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

35.1.8. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

35.1.9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 35.2 Điều này.

35.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ 35.1.1 đến 35.1.8 Điều này thì biên bản họp có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

35.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

35.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

35.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

36.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

36.1.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này;

36.1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

36.1.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

36.2. Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp

sau đây:

36.2.1. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

36.2.2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

36.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 36.1 và khoản 36.2 Điều này.

36.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

36.4.1. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

36.4.2. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.

36.5. Trừ trường hợp quy định tại điểm 36.4.1 và điểm 36.4.2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

36.6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 37. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

37.1. Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

37.2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

37.3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

37.4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

37.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Người phụ trách quản trị Công ty

38.1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 37 Điều lệ.

38.2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

38.3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

38.3.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

38.3.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

38.3.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

38.3.4. Tham dự các cuộc họp;

38.3.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

38.3.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

38.3.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

38.3.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

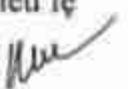
38.3.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

38.3.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị

39.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

39.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ



công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

MỤC III – TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Người điều hành Công ty

41.1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

41.2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

42.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

42.2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

42.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

42.4. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

42.4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

42.4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

42.4.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

42.4.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

42.4.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các

chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

42.4.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

42.4.7. Tuyển dụng lao động;

42.4.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

42.4.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

42.5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

42.6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 43. Giúp việc cho Tổng Giám đốc

43.1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Tổng Giám đốc thuê, ký hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc sa thải.

43.2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

43.3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc

44.1. Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

44.1.1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

44.1.2. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

44.1.3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.

44.1.4. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

44.1.5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

44.2. Phó Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

44.2.1. Phó Tổng Giám đốc công ty chứng khoán không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác.

44.2.2. Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.

44.2.3. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

46.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ này;

46.2. Có đơn xin từ chức;

46.3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

46.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc

47.1. Công ty phải thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình.

47.2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ:

47.2.1. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;

47.2.2. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

47.2.3. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

47.2.4. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

47.2.5. Tách biệt tài sản của khách hàng;

47.2.6. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

47.2.7. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

47.2.8. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

47.3. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:

47.3.1. Hoạt động của công ty chứng khoán tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;

47.3.2. Bảo đảm quyền lợi khách hàng;

47.3.3. Hoạt động của công ty chứng khoán an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

47.3.4. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của công ty.

47.4. Yêu cầu nhân sự của bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc

47.4.1. Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;

47.4.2. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

47.4.3. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;

47.4.4. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

47.4.5. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty chứng khoán.



MỤC IV - BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

48.1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

48.2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

48.3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác

48.4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

48.5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

48.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

48.7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

48.8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

48.9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

48.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

49.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

49.1.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

49.1.2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

49.1.3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

49.2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

49.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 50. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

50.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

50.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

50.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 51. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)

51.1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 28.1, khoản 28.2 Điều 28 Điều lệ này.

51.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng

viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Thành phần và nhiệm kỳ Ban Kiểm soát

52.1. Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) Kiểm soát viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

52.2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 53. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

53.1. Ban Kiểm soát phải xây dựng quy trình kiểm soát và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

53.2. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định;

53.3. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

53.4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

53.5. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều Hành vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của công ty, cổ đông, Chủ sở hữu hoặc khách hàng, Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

Điều 54. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên

54.1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

54.1.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh

nghiệp;

54.1.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

54.1.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

54.1.4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

54.1.5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

54.1.6. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

54.1.7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

54.1.8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

54.2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác

Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

55.1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

55.1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ này;

55.1.2. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.

55.2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

55.2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

55.2.2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

55.2.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy

định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

55.2.4. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 56. Trường Ban Kiểm soát

56.1. Trường Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trường Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

56.2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban Kiểm soát:

56.2.1. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

56.2.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

56.2.3. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 57. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

58.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

58.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

58.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc

với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

58.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

58.5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

58.6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

58.6.1. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

58.6.2. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 59. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan

59.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

59.1.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

59.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người

quản lý khác và người có liên quan của họ;

59.1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

59.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với các đối tượng quy định tại 59.1 của Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

59.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

59.3.1. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 59.2 Điều này;

59.3.2. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

59.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 59.3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật doanh nghiệp.

59.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp

đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

59.6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

60.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

60.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG 5. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

61.1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

61.1.1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

61.1.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

61.2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà

người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

61.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện thông tin này phải được bảo mật.

61.4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

61.5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

CHƯƠNG 6. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 62. Công nhân viên và Công Đoàn

62.1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

62.2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 7. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 63. Phân phối lợi nhuận

63.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

63.2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

63.3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

63.4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền: đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

63.5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

63.6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 64. Tài khoản ngân hàng

64.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

64.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

64.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 65. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 66. Chế độ kế toán

66.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận, tuân thủ chế độ kế toán dành cho Công ty chứng khoán do Bộ tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

66.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

66.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG 9. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

67.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

67.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

67.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 68. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 69. Kiểm toán

69.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

69.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

69.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG 11. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 70. Dấu của doanh nghiệp

70.1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

70.2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

70.3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 12. TỔ CHỨC LẠI, THANH LÝ, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 71. Tổ chức lại Công ty

71.1. Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

71.2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và văn bản pháp luật liên quan.

Điều 72. Giải thể

72.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

72.1.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể trước thời hạn. Trường hợp Công ty giải thể trước thời hạn hoạt động phải được UBCKNN chấp thuận;

72.1.2. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu (đối với công ty cổ phần) trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

72.1.3. UBCKNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố giải thể.

72.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

72.3. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng quản trị và pháp luật.

Điều 73. Gia hạn hoạt động

73.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

73.2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 74. Thanh lý

74.1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm (03) ba thành viên: 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý

Nm

sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

74.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

74.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

74.3.1. Các chi phí thanh lý;

74.3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

74.3.3. Nợ thuế;

74.3.4. Các khoản nợ khác của Công ty;

74.3.5. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ, chi phí quy định từ Điều 74.3.1 đến 74.3.4 Điều lệ này sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 75. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

CHƯƠNG 13. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

76.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc thỏa thuận giữa:

76.1.1. Cổ đông với Công ty;

76.1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

76.2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

76.3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG 14. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 77. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

77.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

77.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 15. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 78. Ngày hiệu lực

78.1. Bản điều lệ này gồm 15 Chương, 78 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

78.2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

78.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

78.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về công tác văn thư của Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN DUY VIÊN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BIDV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 219/QĐ-BSC

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

Căn cứ Nghị quyết số: 01 /NQ-ĐHDCĐ ngày 22/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

Căn cứ yêu cầu quản lý, giám sát phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị Công ty” của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 810 /QĐ-BSC ngày 18/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng tại Trụ sở chính, Giám đốc chi nhánh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: Văn thư, VP.HĐQT./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BIDV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-BSC ngày 22 / 04 / 2026
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV)*

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

Mue

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 3. Đại hội đồng cổ đông.....	2
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 5. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 6. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 7. Các điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với hội nghị trực tuyến.....	5
Điều 10. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 11. Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	6
CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 12. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 13. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 14. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 15. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 17. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	12
Điều 18. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	12
Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 20. Thư ký Công ty.....	13
Điều 21. Người phụ trách quản trị Công ty.....	14
Điều 22. Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị.....	14
CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT.....	16
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	16

Điều 24. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	16
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	16
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ Ban kiểm soát	17
Điều 27. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát	17
Điều 28. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên	17
Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	18
Điều 30. Trưởng Ban Kiểm soát	18
CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	19
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	19
Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc	19
Điều 33. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	20
Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	20
CHƯƠNG 6. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	21
Điều 35. Nguyên tắc phối hợp	21
Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	21
CHƯƠNG 7. ĐÁNH GIÁ, HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH.....	22
Điều 37. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	22
Điều 38. Khen thưởng.....	22
Điều 39. Kỷ luật.....	22
CHƯƠNG 8. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	23
Điều 40. Điều khoản thi hành	23

Muc

CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ công ty.

Mue

CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

3.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

3.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

3.3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

3.3.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

3.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

3.3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

3.3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

3.4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm 3.3.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm 3.3.3 và 3.3.4 Điều này;

3.4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 3.4.1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

3.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 3.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 3.3.3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

3.4.4. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

5.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

5.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5.1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

5.3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu (trong đó thể hiện nội dung cho phép người được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác) của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:



5.4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

5.4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

5.4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 6. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

6.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 17.3 Điều 17 Điều lệ công ty.

6.2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

6.2.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

6.2.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

6.2.3. Phiếu biểu quyết;

6.2.4. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

6.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 6.3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

6.4.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 6.3 Điều này;

6.4.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 Điều lệ công ty;

6.4.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

6.4.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 6.3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6.4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Các điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Các điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

8.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

8.2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

8.3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với hội nghị trực tuyến

Hội đồng quản trị căn cứ theo tình hình của từng thời kỳ có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với hội nghị trực tuyến. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp với hội nghị trực tuyến thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty, Điều lệ Công ty, quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý liên quan.

Điều 10. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

10.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

10.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

10.1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

10.1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

10.1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

10.1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

10.1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

10.1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

10.1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

10.1.9. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

10.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

10.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

11.1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi

quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại.

11.2. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần phải được gửi bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản 11.1 Điều này.

11.3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

11.4. Trong trường hợp quy định tại khoản 11.3 Điều này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

12.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

12.1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

12.1.2. Trình độ chuyên môn;

12.1.3. Quá trình công tác;

12.1.4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

12.1.5. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

12.1.6. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

12.1.7. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

12.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

12.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử viên không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

12.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 13. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

13.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười

một (11) người bao gồm: (01) một Chủ tịch Hội đồng quản trị, (01) một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các ủy viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

13.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

13.3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:

13.3.1. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

13.3.2. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

13.3.3. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

13.4. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

13.4.1. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

13.4.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

13.4.3. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

13.5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

13.6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

13.7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

13.8. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu đôn phiếu. *Mu*

Điều 14. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

14.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

14.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

15.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

15.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

15.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

15.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

15.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

15.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

16.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

16.1.1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam

theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

16.1.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và trong hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông Công ty;

16.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

16.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

16.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ;

16.1.6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

16.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

16.2.1. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

16.2.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

16.2.3. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

16.2.4. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

16.2.5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

16.2.6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

16.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ Điều kiện theo quy định tại Khoản 16.2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên

độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 17. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

17.1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

17.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc của Công ty.

17.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

17.3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

17.3.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

17.3.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

17.3.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

17.3.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

17.3.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

17.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được bầu. Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

17.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 18. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trình tự, thủ tục họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật.

Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

19.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

19.1.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này;

19.1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

19.1.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

19.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

19.2.1. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

19.2.2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

19.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 19.1 và khoản 19.2 Điều này.

19.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

19.4.1. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

19.4.2. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty;

19.5. Trừ trường hợp quy định tại điểm 19.4.1 và điểm 19.4.2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

19.6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 20. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

20.1. Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

20.2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

20.3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; *mu*

20.4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

20.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Người phụ trách quản trị Công ty

21.1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty.

21.2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

21.3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

21.3.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

21.3.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

21.3.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

21.3.4. Tham dự các cuộc họp;

21.3.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

21.3.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

21.3.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

21.3.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

21.3.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

21.3.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị

22.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

22.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội

đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

me

CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

23.1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

23.2. Ngoài ra, Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin, cụ thể như sau:

23.2.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

23.2.2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

23.2.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý theo quy định tại Điều lệ Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 24. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

24.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

24.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

24.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

25.1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 28.1, khoản 28.2 Điều 28 Điều lệ công ty.

25.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không

đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ Ban kiểm soát

26.1. Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) Kiểm soát viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

26.2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 27. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

Cách thức hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy trình kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 28. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên

28.1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

28.1.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

28.1.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

28.1.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý;

28.1.4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

28.1.5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

28.1.6. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;

28.1.7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

28.1.8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ

Công ty.

28.2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát của công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

29.1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

29.1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ Công ty;

29.1.2. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.

29.2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

29.2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

29.2.2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

29.2.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

29.2.4. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Trưởng Ban Kiểm soát

30.1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

30.2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

30.2.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

30.2.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

30.2.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.



CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

31.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

31.2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

31.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

31.4. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

31.5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

31.6. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin của công ty niêm yết.

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

32.1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

32.2. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

32.3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.

32.4. Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.



32.5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

34.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ này;

34.2. Có đơn xin từ chức;

34.3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

34.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 6. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

35.1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.

35.2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

35.3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các quy định cụ thể về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định nội bộ khác của Công ty.



**CHƯƠNG 7. ĐÁNH GIÁ, HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT
ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH**

Điều 37. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

37.1. Đối tượng đánh giá

37.1.1. Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

37.1.2. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát.

37.1.3. Tổng Giám đốc đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

37.2. Tổ chức thực hiện

Việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành được thực hiện trên cơ sở kết quả thực hiện công việc, định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty được Đại hội đồng cổ đông giao và bảo đảm các nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch.

Điều 38. Khen thưởng

38.1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty.

38.2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

Điều 39. Kỷ luật

39.1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Công ty.

39.2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

39.3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo Quy chế xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất của Công ty.

CHƯƠNG 8. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Điều khoản thi hành

40.1. Quy chế này gồm tám (08) Chương, bốn mươi (40) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.

40.2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.

40.3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến quản trị công ty chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của Pháp luật, Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động quản trị của Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN BIDV

Số: 250/QĐ-BSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 311/QĐ-BSC ngày 18/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng tại Trụ sở chính, Giám đốc chi nhánh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: Văn thư, VP.HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *h*



Ngô Văn Dũng

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 250/QĐ-BSC ngày 22/04/2026
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các



công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc, nội dung và hình thức cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người bao gồm: (01) một Chủ tịch Hội đồng quản trị, (01) một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các ủy viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực

vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ

tục hành chính;

d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty (nếu có).

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty (nếu có).

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải

thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

Muu

- b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và trừ hợp đồng, giao

dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các Ban/Tiểu ban/Đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;

s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho

Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy

tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty (nếu có).

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền bằng những hạn mức cụ thể cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền được thể hiện bằng biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị và được thông qua theo quy định của Hội đồng quản trị về thông qua quyết

định của Hội đồng quản trị; được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc trong những trường hợp Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Những trường hợp không có phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị thì hạn mức tối đa thuộc phạm vi giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành là mức cao nhất mà pháp luật và Điều lệ BSC cho phép.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07

ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video hoặc tele-conference) giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và

b) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm

nu

Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử cá nhân của thành viên HĐQT;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT.

2. Thư ký công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

3. Thẻ thức biểu quyết ý kiến tại Phiếu lấy ý kiến:

a) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của BSC; mục đích lấy ý kiến; họ, tên của thành viên HĐQT; vấn đề lấy ý kiến; phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến; Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

b) Thành viên HĐQT chỉ được lựa chọn một trong ba (03) phương án biểu quyết trên

Phiếu lấy ý kiến.

c) Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết nào trong ba (03) phương án nêu trên hoặc không gửi Phiếu biểu quyết hợp lệ về công ty theo đúng thời hạn quy định thì được coi là lựa chọn phương án “Không có ý kiến”.

d) Trường hợp thành viên HĐQT đã chọn một trong các phương án biểu quyết nhưng đồng thời có ý kiến bổ sung kèm theo phương án biểu quyết, Thư ký công ty sẽ tổng hợp ý kiến của thành viên HĐQT đó theo phương án biểu quyết đã lựa chọn kèm ý kiến bổ sung tại Biên bản tổng hợp ý kiến.

4. Phiếu lấy ý kiến trả lời hợp lệ là Phiếu lấy ý kiến phải được ký hoặc gửi từ thư điện tử cá nhân của các thành viên HĐQT và gửi về Công ty theo quy định, có đánh dấu biểu quyết/ghi nhận rõ ý kiến của thành viên HĐQT đối với vấn đề được lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến trả lời bằng một trong hai hình thức nêu trên có giá trị tương đương nhau.

5. Cấp ký tờ trình/báo cáo trình HĐQT về nội dung xin ý kiến là Ban Điều hành, lãnh đạo Ban/Tiểu ban/Đơn vị trực thuộc HĐQT hoặc đơn vị khác được HĐQT/Chủ tịch HĐQT yêu cầu trong từng trường hợp cụ thể. Người ký tờ trình/báo cáo trình HĐQT chịu trách nhiệm trước HĐQT về đề xuất của mình và tính chính xác, đầy đủ, toàn vẹn của nội dung trình cũng như các tài liệu đính kèm.

6. Thư ký công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản tổng hợp ý kiến; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do tổng hợp ý kiến không trung thực, không chính xác.

7. Nghị quyết/Quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản của đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết/Quyết định thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết/Quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp HĐQT được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

8. Trách nhiệm phối hợp của các đơn vị liên quan trong công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản:

a) Trong quá trình triển khai xin ý kiến HĐQT bằng văn bản, trên cơ sở rà soát hồ sơ xin ý kiến hoặc theo ý kiến của thành viên HĐQT, Thư ký công ty có quyền yêu cầu các đơn vị đầu mối đề xuất việc xin ý kiến và/hoặc các đơn vị có liên quan đến nội dung xin ý kiến cung cấp thông tin, bổ sung tài liệu, báo cáo để làm rõ nội dung xin ý kiến và hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến. Các đơn vị được yêu cầu có trách nhiệm phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thư ký công ty và chịu trách nhiệm về tính chính xác, toàn vẹn và đầy đủ của các thông tin do mình cung cấp

b) Đơn vị đầu mối đề xuất việc xin ý kiến có trách nhiệm cung cấp tài liệu xin ý kiến

bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh cho Thư ký công ty trong trường hợp cần xin ý kiến thành viên HĐQT là người nước ngoài và/hoặc khi hồ sơ xin ý kiến bao gồm tài liệu bằng tiếng nước ngoài. Nội dung tài liệu xin ý kiến bằng tiếng Việt và tiếng Anh phải đảm bảo đầy đủ, chính xác và đồng nhất về nội dung. Cấp ký tờ trình/báo cáo trình HĐQT chịu trách nhiệm về tính chính xác, toàn vẹn và đầy đủ của tài liệu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

c) Trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác xin ý kiến HĐQT bằng văn bản, Thư ký công ty có quyền yêu cầu đơn vị đầu mối gửi các tài liệu trong hồ sơ xin ý kiến dưới dạng file điện tử. Đơn vị gửi file điện tử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng nhất về nội dung và đồng dạng giữa tài liệu dưới dạng file điện tử với tài liệu giấy trong hồ sơ xin ý kiến

9. Hồ sơ xin ý kiến HĐQT bằng văn bản lưu tại Thư ký công ty bao gồm các tài liệu sau:

- a) Phiếu lấy ý kiến: bản gốc;
- b) Tài liệu đính kèm Phiếu lấy ý kiến: bản chính;
- c) Các tài liệu bổ sung thông tin, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các thành viên HĐQT (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều này: bản chính;
- d) Biên bản tổng hợp ý kiến: bản gốc;
- đ) Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (nếu có): bản chính;
- e) Các tài liệu khác theo quyết định của HĐQT/Chủ tịch HĐQT.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- d) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và



không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty

không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện

các nghị quyết.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm bảy (07) Chương, hai mươi lăm (25) Điều và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hiệu lực Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua.

3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc có những quy định mới của Pháp luật, Điều lệ Công ty khác hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó của Pháp luật, Điều lệ Công ty đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh đối với hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *lu*



Ngô Văn Dũng

me

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**V/v: Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025,
định hướng hoạt động năm 2026****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty**

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung Báo cáo Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, định hướng hoạt động năm 2026 như sau:

1. Tình hình hoạt động của Công ty năm 2025**1.1. Bối cảnh Kinh tế – xã hội năm 2025**

Kinh tế thế giới năm 2025 chứng kiến nhiều biến động, khi quá trình phục hồi đan xen với những bất ổn mới từ địa chính trị, thương mại và chính sách tiền tệ toàn cầu. Theo tổng kết của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 đạt khoảng 3,3%, vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trung bình khoảng 3,7% của giai đoạn trước đại dịch. Về tiền tệ, năm 2025 chứng kiến sự phân hóa chính sách chưa từng có giữa các ngân hàng trung ương lớn. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) thực hiện 3 lần cắt giảm lãi suất, đưa lãi suất điều hành xuống mức 3,5-3,75%; Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục nới lỏng tiền tệ với lãi suất hạ xuống 2,15% nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế Eurozone. Ngược lại, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) tăng lãi suất lên 0,75% - mức cao nhất trong gần 30 năm. Chỉ số đồng đô la Mỹ (DXY) suy yếu về dưới mốc 100 trong giai đoạn nửa cuối năm, đồng thời giá vàng tăng mạnh do nhu cầu trú ẩn an toàn và xu hướng các NHTW đẩy mạnh mua vàng dự trữ.

Bên cạnh đó, kinh tế thế giới năm 2025 đối mặt với hàng loạt rủi ro chồng chất. Xung đột Nga-Ukraine tiếp diễn tác động đến thị trường năng lượng châu Âu; căng thẳng và xung đột tại Trung Đông - đặc biệt giữa Mỹ, Israel và Iran đã đẩy giá dầu thô tăng cao. Đặc biệt, chính quyền Mỹ triển khai chính sách thuế quan mới vào tháng 4/2025, áp mức thuế cao với nhiều đối tác thương mại, đánh dấu sự leo thang mạnh mẽ của chủ nghĩa bảo hộ và tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu. Cạnh tranh công nghệ giữa các cường quốc, đặc biệt trong lĩnh vực bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, tiếp tục gia tăng, tạo thêm áp lực lên thương mại và đầu tư quốc tế.

Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam đã thể hiện sức chống chịu tốt và khả năng thích ứng linh hoạt. Năm 2025, tăng trưởng GDP cả năm đạt 8,02%, trong đó quý IV/2025 ghi nhận mức tăng trưởng bứt phá 8,46% - mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2025. Tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy đồng đều bởi sự phục hồi của ngành

công nghiệp chế biến chế tạo, hoạt động thương mại, du lịch quốc tế (đón trên 21 triệu lượt khách) và dòng kiều hối. Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 930 tỷ USD (tăng 18,2%), cán cân thương mại thặng dư trên 20 tỷ USD giúp Việt Nam duy trì xuất siêu năm thứ 10 liên tiếp, khẳng định vị thế quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu ngay cả trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ gia tăng.

Sự ổn định vĩ mô được giữ vững khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm chỉ tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Tăng trưởng tín dụng đạt 19,01% - mức cao nhất trong 5 năm, phản ánh nhu cầu vốn phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế. Đồng Việt Nam duy trì ổn định tương đối nhờ hưởng lợi từ xu hướng suy yếu của đồng USD trên thị trường quốc tế và chính sách điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước.

Thị trường chứng khoán năm 2025 có sự gia tăng về thanh khoản. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 29.328 tỷ đồng/phiên, tăng 39,1% so với năm 2024. Tuy nhiên xu hướng thắt chặt tiền tệ toàn cầu và chênh lệch lãi suất USD/VND đã thúc đẩy làn sóng bán ròng kỷ lục của khối ngoại lên tới 135.000 tỷ đồng trong năm 2025.

Mặc dù VN-Index phục hồi mạnh, đóng cửa ở mức cao (1.784 điểm) nhưng diễn biến thực tế của TTCK còn cho thấy trạng thái vận động bất cân xứng rõ nét. Cụ thể, đà tăng của thị trường chủ yếu được dẫn dắt bởi một số cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi đó phần lớn các nhóm cổ phiếu còn lại vẫn duy trì xu hướng suy giảm hoặc hồi phục yếu. Thực trạng này phản ánh sự phân hóa mạnh của thị trường, khiến VN-Index không phản ánh đầy đủ sức khỏe chung của nền kinh tế và doanh nghiệp niêm yết.

1.2. Kết quả kinh doanh của BSC năm 2025

Năm 2025 ghi dấu một bước phát triển vượt bậc của BSC cả về quy mô, chất lượng lẫn hiệu quả hoạt động, qua đó xác lập nhiều cột mốc kỷ lục mới trong lịch sử Công ty, cụ thể như sau:

- **Về quy mô:** Quy mô tổng tài sản của BSC tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 16.628 tỷ đồng vào cuối năm, tăng 61% so với năm 2024 và vượt xa kế hoạch đề ra. Hoạt động cho vay ký quỹ ghi nhận mức tăng đột phá khi dư nợ đạt 9.338 tỷ đồng, chiếm hơn một nửa tổng tài sản, phản ánh năng lực đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng lớn của khách hàng trong bối cảnh thị trường sôi động. Vốn chủ sở hữu cũng được củng cố, đạt 5.528 tỷ đồng nhờ tích lũy lợi nhuận và chính sách chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

- **Về chất lượng tài sản:** BSC tiếp tục duy trì chất lượng tài chính và quản trị rủi ro ở mức cao. Công ty kiểm soát tốt chất lượng tài sản, không phát sinh nợ xấu trong hoạt động cho vay ký quỹ dù quy mô mở rộng nhanh. Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt mức rất cao (536%), vượt xa yêu cầu tối thiểu của cơ quan quản lý. Năm 2025, BSC được VIS Rating xếp hạng tín nhiệm A+ (mức cao nhất), qua đó khẳng định năng lực tài chính vững mạnh và uy tín thương hiệu trên thị trường.

- **Về hiệu quả hoạt động kinh doanh:** Năm 2025 tiếp tục là một năm bứt phá khi lợi nhuận trước thuế đạt 616,2 tỷ đồng, tăng 19% so với năm trước và hoàn thành 110% kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Đây là năm thứ ba liên tiếp BSC thiết lập kỷ lục lợi nhuận mới, đồng thời nâng ROE lên mức 9,3%, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn ngày càng được cải thiện. Các mảng kinh doanh chủ lực đều ghi nhận kết quả tích cực, trong đó môi giới và cho vay tiếp tục giữ vai trò trụ cột, mảng tư vấn tài chính phục hồi mạnh mẽ và mảng kinh doanh vốn tăng trưởng ấn tượng.

- **Về công nghệ thông tin và chuyển đổi số:** Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất ra mắt tính năng đầu tư chứng khoán tích hợp trên nền tảng BIDV Smartbanking, tiếp tục nâng cấp các nền tảng giao dịch, cải thiện hệ thống an toàn thông tin. Trong năm 2025, Công ty cũng đã hoàn tất việc kết nối và vận hành thông suốt với hệ thống KRX từ tháng 5/2025 giúp cải thiện đáng kể năng lực xử lý giao dịch.

Với những thành tích ấn tượng trong năm 2025, Công ty đã được vinh dự nhận được giải thưởng "*Nền tảng giao dịch tốt nhất Việt Nam 2025*" (*Best Trading Platform Vietnam 2025*) do tổ chức Global Banking and Finance Review Awards trao tặng và được vinh danh với danh hiệu "*Đơn vị đứng đầu Khối Công ty trong toàn hệ thống BIDV*", khẳng định hướng đi đúng đắn và bền vững của Công ty.

1.3. Kết quả phát hành trái phiếu BSC năm 2025

Trên cơ sở Nghị quyết 1070/NQ-BSC ngày 17/12/2025 đã được HĐQT phê duyệt, Công ty đã triển khai các trình tự thủ tục chào bán và phát hành riêng lẻ Trái phiếu BSC trong quý 4 năm 2025. Theo phương án được HĐQT phê duyệt Công ty sẽ triển khai 02 đợt chào bán trái phiếu trong Quý 4/2025, tuy nhiên trên thực tế Công ty chỉ triển khai 01 đợt chào bán bắt đầu từ ngày 29/12/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025 do Công ty đã thu xếp được các nguồn vốn khác thay thế.

Theo đó, Công ty đã phát hành thành công Trái phiếu BSC với tổng giá trị phát hành là 300 tỷ đồng cho 01 nhà đầu tư là tổ chức, lãi suất phát hành cố định là 8,2%/năm, là mức hợp lý so với mặt bằng lãi suất trái phiếu phát hành bởi các doanh nghiệp cùng ngành tại cùng thời điểm. Toàn bộ các chi phí của đợt phát hành tương đương 0.18%, tiết kiệm chi phí phát hành đáng kể cho công ty.

Việc phát hành thành công Trái phiếu BSC trong năm 2025 không chỉ bổ sung thêm nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty mà còn góp phần cơ cấu lại nguồn vốn công ty theo hướng ổn định, bền vững, giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay từ các Tổ chức tín dụng.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC hiện bao gồm các Ông/Bà sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT
5	Ông Lim Do Kyoon	Thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên Hội đồng quản trị của BSC đều là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán, với cơ cấu đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm nhiệm điều hành, không điều hành và thành viên HĐQT độc lập.

2.2. Vai trò, trách nhiệm và hoạt động của HĐQT trong năm 2025

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty; ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo sự vận hành thống nhất, hiệu quả của Công ty. Đồng thời, HĐQT tiến hành công tác quản trị và giám sát hoạt động của Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất. HĐQT cũng đã nhanh chóng và kịp thời quyết định các vấn đề trọng yếu thuộc thẩm quyền, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được diễn ra thông suốt, hiệu quả.

Trong năm 2025, để thông qua các vấn đề quan trọng trong hoạt động của Công ty, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp tập trung và 154 lần xin ý kiến bằng văn bản, qua đó ban hành tổng cộng 183 nghị quyết/quyết định. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức nhằm mục đích thảo luận, bàn bạc và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền, đảm bảo chỉ đạo kịp thời, phù hợp với biến động của thị trường trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của BSC.

Danh mục các cuộc họp của HĐQT, tỷ lệ tham dự của từng thành viên và số lượng nghị quyết/quyết định quan trọng được ban hành đều được công bố đầy đủ trong Báo cáo quản trị Công ty, tuân thủ đúng các quy định áp dụng đối với tổ chức niêm yết và công ty đại chúng.

Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2025 như sau:

- Tổ chức và thực hiện các hoạt động quản trị công ty theo quy định, bao gồm: tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; thông qua Báo cáo quản trị Công ty năm 2024; chỉ đạo thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định;
- Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ để chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh;
- Phê duyệt các kế hoạch và chỉ tiêu điều hành quan trọng, bao gồm: xây dựng kế hoạch kinh doanh trình ĐHĐCĐ phê duyệt; phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch điều hành nội bộ và giao KPI Công ty năm 2025; chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu; phê duyệt kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản; phê

duyet triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin giao dịch chứng khoán trực tuyến;

- Ban hành, rà soát và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và quy chế quản trị nội bộ, bao gồm: Quy chế tài chính; Quy chế giao và đánh giá KPI; Quy chế chi trả tiền lương; Quy chế thi đua, khen thưởng; Quy chế xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại; Quy chế về chế độ thông tin báo cáo phục vụ hoạt động của HĐQT; quy định về phân cấp, ủy quyền của HĐQT cho Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc; cùng các quy định, quy trình liên quan đến phòng chống rửa tiền và tuân thủ pháp lý;

- Ban hành và triển khai khung quản trị rủi ro, bao gồm: Chính sách quản trị rủi ro, hạn mức và thông số rủi ro; các quy trình quản trị rủi ro đối với các nghiệp vụ trọng yếu như giao dịch ký quỹ, tự doanh chứng khoán, kinh doanh chứng khoán phái sinh, bù trừ – thanh toán chứng khoán phái sinh và giao dịch chứng khoán trực tuyến; đồng thời giám sát việc thực hiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty;

- Phê duyệt và định hướng các chiến lược kinh doanh, bao gồm: chiến lược tự doanh trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; chiến lược đầu tư giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng; chiến lược đầu tư cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tương lai và chứng quyền;

- Thực hiện công tác nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm: bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm các chức danh quản lý; đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng và quyết định chế độ tiền lương đối với nhân sự do HĐQT quản lý;

- Thực hiện chức năng giám sát, chỉ đạo hoạt động điều hành, bao gồm: đôn đốc và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025; xem xét và thông qua các giao dịch vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc; quyết định các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

(Chi tiết về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định đã được thông qua trong Phụ lục 01 và 02 đính kèm)

2.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát từ HĐQT và phải chịu trách nhiệm trước HĐQT cũng như pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Để đảm bảo hiệu quả giám sát, HĐQT thực hiện các hình thức giám sát như sau:

- **Giám sát qua hệ thống báo cáo:** Thông qua chế độ thông tin báo cáo HĐQT định kỳ và đột xuất.

- **Giám sát qua các đơn vị hỗ trợ:** Bao gồm Văn phòng HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Chính sách Phát triển, và Tiểu ban Nhân sự Tiền lương.

- **Giám sát trực tiếp:** Thông qua các cuộc họp trực tiếp của HĐQT để thực hiện kiểm tra, giám sát; đồng thời phân công công tác TV.HĐQT phụ trách công tác giám sát để đưa ra chỉ đạo đối với Ban điều hành, trên cơ sở nguyên tắc trung thực, cẩn trọng và khách quan.

HĐQT ban hành các nghị quyết để thông qua các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền. Đồng thời, trong phạm vi quyền hạn, HĐQT cung cấp định hướng chiến lược, nhận định về thị trường và bối cảnh kinh tế tổng quan nhằm hỗ trợ rà soát và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

HĐQT cũng thường xuyên trao đổi và tiếp nhận thông tin từ Ban Điều hành cùng các đơn vị, tiểu ban trực thuộc, đảm bảo giám sát chặt chẽ việc triển khai kế hoạch kinh doanh. Khi cần thiết, HĐQT đưa ra các điều chỉnh để đạt được các mục tiêu chiến lược mà BSC đã đề ra.

2.4. Hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Mô hình quản trị công ty đã kiến tạo toàn các Ban/Tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm: Ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương và Tiểu ban Chính sách phát triển để tham mưu và giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ.

Các Ban/Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng tham mưu cho HĐQT về các vấn đề chuyên môn như sau:

- Ban Kiểm toán nội bộ:

- + Rà soát Báo cáo tài chính và Chỉ tiêu an toàn tài chính;
- + Báo cáo tổng kết công tác kiểm toán nội bộ;
- + Kiểm toán hoạt động Phòng chống rửa tiền tại BSC;
- + Kiểm toán hoạt động quản lý nguồn vốn;
- + Kiểm toán hoạt động cho vay margin;
- + Kiểm toán hoạt động đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, phái sinh;
- + Báo cáo đánh giá định kỳ tình hình, hiệu quả hoạt động và các rủi ro thua lỗ tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- + Tổng kết tình hình thực hiện khuyến nghị của kiểm toán nội bộ năm 2025;
- + Xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026.

- Tiểu ban Quản trị rủi ro:

- + Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành Chính sách quản trị rủi ro 2025 và xây dựng Chính sách Quản trị rủi ro năm 2026;
- + Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành Hạn mức rủi ro và thông số rủi ro năm 2025;
- + Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các Quy trình QTRR nghiệp vụ;

+ Tham mưu cho HĐQT các phương án xử lý đối với rủi ro trong danh mục đầu tư;

+ Tham mưu cho HĐQT xử lý kịp thời các vướng mắc trong công tác QTRR dựa trên báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, Phòng QTRR và các bộ phận liên quan đến hoạt động QTRR.

- **Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương:**

+ Tham mưu cho HĐQT về công tác xếp loại thi đua khen thưởng;

+ Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng Dự thảo Quy chế giao và đánh giá KPI.

+ Tham mưu cho HĐQT ban hành Quy chế chi trả tiền lương và đề xuất phương án chuyển xếp lương theo Quy chế mới;

+ Tham mưu cho HĐQT liên quan đến công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm chức vụ; đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng; xếp lương nhân sự.

- **Tiểu ban Chính sách phát triển:** Tham mưu cho HĐQT về chiến lược và thực hiện chính sách phát triển của công ty.

2.5. Nội dung hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị

Các hoạt động của HĐQT BSC tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT chủ động cập nhật kiến thức quản trị, pháp luật, thông tin thị trường và bám sát tình hình hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có đánh giá tổng quan về các thành viên như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật doanh nghiệp và các quy định nội bộ của Công ty; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối.

Cụ thể, hoạt động từng thành viên HĐQT theo phân công trong năm 2025 như sau:

- **Chủ tịch HĐQT: Ông Ngô Văn Dũng:**

+ Quản lý điều hành chung hoạt động của HĐQT và các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;

+ Chuẩn bị chương trình, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;

+ Đảm bảo việc Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin theo quy định cho các

cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, ký thay mặt ĐHĐCĐ trong các nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua;

+ Chỉ đạo công tác hoạch định mục tiêu định hướng, chiến lược, kế hoạch của Công ty;

+ Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban điều hành;

+ Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;

+ Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc và từng thành viên;

+ Tạo điều kiện thuận lợi để Thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;

+ Chỉ đạo chung hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị;

+ Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.

+ Thực hiện vai trò Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển và Trưởng Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương trực thuộc HĐQT.

- **Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Ông Chung Jae Hoon**

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản;

+ Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

+ Đầu mối hoạt động điều phối, trao đổi thông tin giữa HĐQT, Ban Điều hành với cổ đông chiến lược;

+ Chỉ đạo, giám sát việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ;

+ Chỉ đạo, giám sát hoạt động công nghệ thông tin, chuyển đổi số và marketing;

+ Chỉ đạo việc triển khai dự án thành lập Công ty Quản lý Quỹ trực thuộc BSC;

+ Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền;

+ Thành viên các Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Chính sách phát triển và Tiểu ban Nhân sự - Tiền lương trực thuộc HĐQT.

- **Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Duy Viễn**

+ Tổ chức, thực hiện và giám sát các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản

trị;

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản.

+ Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

+ Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền;

+ Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty;

+ Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ từ Ban điều hành Công ty đến Hội đồng quản trị;

+ Chỉ đạo công tác chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị;

+ Thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển thuộc HĐQT.

- **Thành viên HĐQT: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc**

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản;

+ Đầu mối thực hiện chức năng giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban Điều hành;

+ Đầu mối giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, giao và đánh giá KPI của Công ty;

+ Đầu mối giám sát hoạt động quản trị rủi ro;

+ Chỉ đạo hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT;

+ Đầu mối giám sát việc thành lập Công ty Quản lý Quỹ trực thuộc BSC;

+ Trưởng Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT tại từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Thành viên HĐQT độc lập: Ông Lim Do Kyoon**

+ Hỗ trợ Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc hoạch định mục tiêu, định hướng, chiến lược và kế hoạch của công ty.

+ Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản;

+ Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;



- + Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định;
- + Đánh giá định kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của HĐQT tại từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026

Năm 2026 là năm bản lề chuyển giao nhiệm kỳ của HĐQT và bắt đầu triển khai giai đoạn phát triển mới của BSC. Trong giai đoạn tiếp theo, BSC đặt mục tiêu tiếp tục phát triển mạnh mẽ, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

3.1. Mục tiêu trọng tâm năm 2026

Để hiện thực hóa tầm nhìn này, Hội đồng Quản trị xác định các mục tiêu trọng tâm trong năm 2026 như sau:

- **Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030:** HĐQT xác định năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển mới 2026-2031. Do đó, HĐQT đặt mục tiêu xây dựng và triển khai chiến lược phát triển 05 năm 2026-2031 với tầm nhìn xây dựng Công ty trở thành CTCK cung cấp hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính đồng bộ, toàn diện và liên thông trên nền tảng số, qua đó khai thác hiệu quả hệ sinh thái khách hàng của Công ty và các cổ đông chiến lược. Chiến lược được xây dựng trên cơ sở 03 trụ cột chính bao gồm: (i) nâng cao năng lực tài chính; (ii) đẩy mạnh xây dựng nền tảng giao dịch số hóa, ứng dụng AI và (iii) hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

- **Tăng cường nguồn vốn và củng cố năng lực tài chính:** BSC xác định tăng trưởng nguồn vốn và củng cố năng lực tài chính là giải pháp then chốt nhằm tháo gỡ hạn chế về quy mô vốn, qua đó nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Ngay từ năm 2026, HĐQT định hướng triển khai các giải pháp để hiện thực hóa mục tiêu nâng quy mô vốn chủ sở hữu lên gấp ~2 lần (so với cuối năm 2025) trong giai đoạn 2026-2030;

- **Kiện toàn bộ máy HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031:** Trong năm 2026, công tác kiện toàn bộ máy lãnh đạo cấp cao được coi là then chốt trong công tác quản trị điều hành, theo đó Công ty đặt mục tiêu tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2026 và công tác bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới 2026-2031 tại Đại hội;

- **Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm:** Tiếp tục xúc tiến nhanh dự án thành lập Công ty Quản lý quỹ trực thuộc BSC trên cơ sở hợp tác với đối tác là định chế tài chính lớn, giàu kinh nghiệm và uy tín trên thế giới, nhằm xây dựng mô hình CTQLQ theo tiêu chuẩn quốc tế, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái ngân hàng đầu tư và mở rộng

nền tảng sản phẩm dịch vụ theo chiều sâu, đáp ứng nhu cầu phục vụ nhóm khách hàng VIP trong hệ sinh thái BIDV, đồng thời hướng tới các nhà đầu tư nước ngoài;

- **Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số:** Tập trung xây dựng hệ sinh thái số “một chạm” thông qua việc nâng cấp các nền tảng giao dịch (Mobile App, Webtrading) và triển khai các giai đoạn tiếp theo của dự án MTrader - tích hợp sâu các dịch vụ chứng khoán của BSC vào ứng dụng BIDV SmartBanking, qua đó mang lại trải nghiệm giao dịch liền mạch, thuận tiện và đồng nhất cho khách hàng. Song song với đẩy mạnh phát triển sản phẩm công nghệ mới và áp dụng công nghệ trong các nghiệp vụ nội bộ để giảm rủi ro tác nghiệp, nâng cao hiệu quả vận hành;

- **Duy trì công tác quản trị rủi ro và tuân thủ:** Tiếp tục củng cố công tác quản trị rủi ro và tuân thủ theo chuẩn mực quản trị hiện đại và thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro chủ động. Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống xếp hạng nội bộ và cơ chế cảnh báo sớm cho hoạt động cho vay ký quỹ và tự doanh, đồng thời tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống CNTT và bảo mật dữ liệu khách hàng.

- **Tăng cường hợp tác bán chéo với hai cổ đông lớn:** Đẩy mạnh bán chéo trong hệ sinh thái với BIDV và Hana Securities nhằm khai thác hiệu quả nguồn khách hàng. Với BIDV, Công ty tăng cường phối hợp bán chéo thông qua các chi nhánh. Với Hana Securities, BSC tận dụng thế mạnh đối tác để phát triển các lĩnh vực mới như tài chính xanh, ESG, tài sản số, đồng thời mở rộng hợp tác huy động vốn nước ngoài và triển khai giới thiệu các sản phẩm đầu tư cho khách hàng Hàn Quốc.

3.2. Chương trình và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026

Để thực hiện các mục tiêu trọng tâm trong năm 2026, Chủ tịch HĐQT đã xây dựng chương trình và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2026 với các nội dung trọng tâm như sau:

- Duy trì chế độ họp và cơ chế ra quyết định của HĐQT, bao gồm tổ chức các cuộc họp định kỳ và thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản nhằm kịp thời xem xét, quyết định các vấn đề lớn thuộc thẩm quyền trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty;

- Tập trung công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội đồng cổ đông, bao gồm chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ Đại hội; xây dựng kế hoạch kinh doanh; đồng thời chuẩn bị các nội dung liên quan đến công tác bầu cử thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ tiếp theo;

- Xem xét, phê duyệt các chiến lược và chính sách quản trị quan trọng, bao gồm chiến lược đầu tư, các chính sách quản trị rủi ro và các định hướng điều hành phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Chỉ đạo triển khai các thủ tục pháp lý và thủ tục pháp lý cho phương án chi trả cổ tức năm 2025;

- Tăng cường công tác giám sát và chỉ đạo hoạt động điều hành, thông qua việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, thúc đẩy các mảng hoạt động theo kế hoạch và kịp thời đưa ra các chỉ đạo, điều chỉnh khi cần thiết;

- Thực hiện công tác đánh giá và định hướng phát triển, bao gồm đánh giá kết quả thực hiện KPI của Ban Điều hành và toàn Công ty; xác định định hướng hoạt động kinh doanh và xây dựng chính sách, hạn mức và thông số quản trị rủi ro cho giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là nội dung báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 của HĐQT.

Kính báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Dũng

Phụ lục 01: Các cuộc họp HĐQT trong năm 2025

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Văn Dũng	05/05	100%	-
2	Ông Chung, Jae Hoon	05/05	100%	-
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	05/05	100%	-
4	Bà Hoàng Thị Minh Ngọc	05/05	100%	-
5	Ông Lim, Do Kyoon	05/05	100%	-

11/03/2025

Phụ lục 02: Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025

Số	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-BSC	02/01/2025	Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số trung và dài hạn giai đoạn 2025-2026 và tầm nhìn tới năm 2030	100%
2	10/QĐ-BSC	07/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
3	11/QĐ-BSC	07/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
4	12/QĐ-BSC	08/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
5	14/QĐ-BSC	09/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
6	16/QĐ-BSC	10/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
7	17/QĐ-BSC	14/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
8	21/QĐ-BSC	14/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
9	22/QĐ-BSC	14/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
10	24/QĐ-BSC	16/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
11	70/QĐ-BSC	21/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
12	71/QĐ-BSC	21/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
13	73/QĐ-BSC	21/01/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
14	74/QĐ-BSC	22/01/2025	Ban hành Chính sách Quản trị rủi ro năm 2025	100%
15	78/QĐ-BSC	04/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
16	80/QĐ-BSC	06/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
17	81/QĐ-BSC	07/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
18	82/QĐ-BSC	07/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
19	85/QĐ-BSC	11/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
20	86/QĐ-BSC	13/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
21	87/QĐ-BSC	13/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
22	88/QĐ-BSC	17/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
23	89/QĐ-BSC	17/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
24	101/QĐ-BSC	21/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
25	103/NQ-BSC	25/02/2025	Phê duyệt Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
26	104/QĐ-BSC	25/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
27	105/QĐ-BSC	25/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
28	106/QĐ-BSC	25/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
29	107/QĐ-BSC	26/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
30	108/QĐ-BSC	26/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
31	109/QĐ-BSC	27/02/2025	Miễn nhiệm chức vụ đối với cán bộ	100%
32	110/QĐ-BSC	27/02/2025	Phê duyệt việc bổ nhiệm lại cán bộ	100%
33	111/QĐ-BSC	27/02/2025	Phê duyệt việc bổ nhiệm lại cán bộ	100%
34	112/QĐ-BSC	27/02/2025	Phê duyệt việc bổ nhiệm lại cán bộ	100%
35	114/QĐ-BSC	27/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
36	115/QĐ-BSC	28/02/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%

37	143/QĐ-BSC	03/03/2025	Thông qua kết quả xếp loại thi đua đối với Ban Lãnh đạo, cán bộ quản lý và khen thưởng với các tập thể/cá nhân năm 2024	100%
38	145/QĐ-BSC	04/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
39	149/NQ-BSC	05/03/2025	Phê duyệt chiến lược kinh doanh Trái phiếu chính phủ năm 2025	100%
40	150/NQ-BSC	05/03/2025	Phê duyệt chiến lược kinh doanh Giấy tờ có giá của Tổ chức tín dụng năm 2025	100%
41	210/QĐ-BSC	07/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
42	215/QĐ-BSC	10/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
43	218/NQ-BSC	11/03/2025	Phê duyệt chiến lược đầu tư Cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ, Hợp đồng tương lai và Chứng quyền năm 2025	100%
44	219/NQ-BSC	11/03/2025	Phê duyệt chiến lược tự doanh Trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức kinh tế phát hành năm 2025	100%
45	220/QĐ-BSC	11/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
46	221/QĐ-BSC	11/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
47	227/QĐ-BSC	13/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
48	235/QĐ-BSC	17/03/2025	Xếp lương đối với cán bộ	100%
49	236/QĐ-BSC	17/03/2025	Xếp lương đối với cán bộ	100%
50	240/QĐ-BSC	18/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
51	241/QĐ-BSC	19/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
52	242/QĐ-BSC	20/03/2025	Phê duyệt Kế hoạch đào tạo năm 2025	100%
53	243/QĐ-BSC	20/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
54	244/QĐ-BSC	20/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
55	245/QĐ-BSC	20/03/2025	Phê duyệt đầu tư trái phiếu	100%
56	246/QĐ-BSC	20/03/2025	Phê duyệt đầu tư trái phiếu	100%
57	247/QĐ-BSC	20/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
58	248/QĐ-BSC	20/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
59	249/QĐ-BSC	20/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
60	250/QĐ-BSC	20/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
61	251/QĐ-BSC	21/03/2025	Phê duyệt điều chỉnh hạn mức tín dụng của BSC	100%
62	252/QĐ-BSC	21/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
63	253/QĐ-BSC	21/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
64	254/QĐ-BSC	21/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
65	255/QĐ-BSC	24/03/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
66	256/QĐ-BSC	25/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
67	257/QĐ-BSC	25/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
68	260/QĐ-BSC	26/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
69	261/QĐ-BSC	27/03/2025	Phê duyệt bộ tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025	100%
70	262/QĐ-BSC	27/03/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
71	263/QĐ-BSC	01/04/2025	Phê duyệt phương án vay vốn tại các ngân hàng	100%
72	269/QĐ-BSC	03/04/2025	Xếp lương đối với cán bộ	100%
73	270/QĐ-BSC	03/04/2025	Xếp lương đối với cán bộ	100%

74	271/QĐ-BSC	03/04/2025	Xếp lương đối với cán bộ	100%
75	272/QĐ-BSC	03/04/2025	Xếp lương đối với cán bộ	100%
76	281/QĐ-BSC	09/04/2025	Phê duyệt phương án vay vốn tại các ngân hàng	100%
77	286/QĐ-BSC	10/04/2025	Phê duyệt kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025	100%
78	287/QĐ-BSC	10/04/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
79	288/QĐ-BSC	10/04/2025	Phê duyệt phương án vay vốn tại các ngân hàng	100%
80	289/QĐ-BSC	10/04/2025	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
81	290/QĐ-BSC	11/04/2025	Phê duyệt phương án xử lý đối với danh mục tự doanh cổ phiếu	100%
82	296/QĐ-BSC	15/04/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
83	297/QĐ-BSC	15/04/2025	Phê duyệt phương án vay vốn tại các ngân hàng	100%
84	301/QĐ-BSC	16/04/2025	Ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc BSC	100%
85	355/QĐ-BSC	22/04/2025	Phê duyệt triển khai bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin giao dịch chứng khoán trực tuyến của BSC theo cấp độ	100%
86	360/QĐ-BSC	24/04/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
87	361/QĐ-BSC	24/04/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
88	383/NQ-BSC	08/05/2025	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của Công ty	100%
89	384/QĐ-BSC	08/05/2025	Phê duyệt chi khen thưởng động viên công tác quản trị, điều hành năm 2024 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	100%
90	385/QĐ-BSC	08/05/2025	Ban hành Quy trình Quản trị rủi ro nghiệp vụ Giao dịch ký quỹ chứng khoán	100%
91	386/QĐ-BSC	08/05/2025	Cập nhật Hạn mức rủi ro và Thông số rủi ro năm 2025	100%
92	400/NQ-BSC	23/05/2025	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2024	100%
93	401/QĐ-BSC	23/05/2025	Ban hành Quy chế Giao và đánh giá KPI	100%
94	402/NQ-BSC	23/05/2025	Phê duyệt Kế hoạch điều hành năm 2025	100%
95	410/QĐ-BSC	29/05/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
96	411/QĐ-BSC	29/05/2025	Phê duyệt điều chỉnh hạn mức vay vốn nước ngoài của BSC	100%
97	414/QĐ-BSC	30/05/2025	Phê duyệt hạn mức vay vốn nước ngoài và hạn mức giao dịch TMU của BSC	100%
98	420/QĐ-BSC	06/06/2025	Phê duyệt hạn mức vay vốn nước ngoài của BSC	100%
99	424/QĐ-BSC	11/06/2025	Phê duyệt đầu tư trái phiếu	100%
100	466/QĐ-BSC	16/06/2025	Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng	100%
101	467/QĐ-BSC	16/06/2025	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
102	468/QĐ-BSC	16/06/2025	Bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc	100%
103	475/QĐ-BSC	18/06/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%

104	491/QĐ-BSC	26/06/2025	Ban hành Quy chế về chế độ thông tin báo cáo phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị	100%
105	498/QĐ-BSC	01/07/2025	Ban hành Quy chế đầu tư	100%
106	505/QĐ-BSC	04/07/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
107	509/QĐ-BSC	07/07/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
108	510/NQ-BSC	07/07/2025	Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất tăng vốn điều lệ	100%
109	513/QĐ-BSC	08/07/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
110	531/QĐ-BSC	21/07/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
111	532/QĐ-BSC	21/07/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
112	533/QĐ-BSC	21/07/2025	Phê duyệt chủ trương, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu trang bị tài sản CNTT năm 2025	100%
113	575/QĐ-BSC	31/07/2025	Ban hành Quy chế thuê/mua sắm hàng hóa dịch vụ	100%
114	577/QĐ-BSC	01/08/2025	Phê duyệt hạn mức vay vốn nước ngoài của BSC	100%
115	578/QĐ-BSC	01/08/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
116	595/QĐ-BSC	18/08/2025	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
117	596/QĐ-BSC	18/08/2025	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
118	597/QĐ-BSC	18/08/2025	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
119	598/QĐ-BSC	18/08/2025	Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
120	629/QĐ-BSC	29/08/2025	Ban hành Quy chế Tài chính	100%
121	630/QĐ-BSC	29/08/2025	Phê duyệt cập nhật Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	100%
122	632/QĐ-BSC	29/08/2025	Phê duyệt kết quả xếp loại thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân 06 tháng đầu năm 2025	100%
123	633/QĐ-BSC	29/08/2025	Ban hành Quy chế chi trả tiền lương và thông qua chủ trương chuyển xếp lương theo Quy chế chi trả tiền lương	100%
124	654/QĐ-BSC	17/09/2025	Phê duyệt hạn mức vay vốn của BSC	100%
125	657/QĐ-BSC	18/09/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
126	666/QĐ-BSC	22/09/2025	Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc	100%
127	668/QĐ-BSC	22/09/2025	Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc	100%
128	677/QĐ-BSC	30/09/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
129	687/QĐ-BSC	07/10/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
130	689/QĐ-BSC	07/10/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
131	697/QĐ-BSC	15/10/2025	Ban hành Quy trình Quản trị rủi ro nghiệp vụ bù trừ, thanh toán giao dịch Chứng khoán phái sinh	100%
132	698/QĐ-BSC	15/10/2025	Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Dự án Xây dựng hệ thống phần mềm đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	100%
133	699/QĐ-BSC	15/10/2025	Ban hành Quy trình Quản trị rủi ro nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán	100%
134	700/QĐ-BSC	15/10/2025	Ban hành Quy trình Quản trị rủi ro nghiệp vụ kinh doanh Chứng khoán Phái sinh	100%
135	728/QĐ-BSC	31/10/2025	Nâng lương định kỳ đối với cán bộ	100%

136	729/QĐ-BSC	31/10/2025	Nâng lương định kỳ đối với cán bộ	100%
137	730/QĐ-BSC	31/10/2025	Nâng lương định kỳ đối với cán bộ	100%
138	731/QĐ-BSC	31/10/2025	Nâng lương định kỳ đối với cán bộ	100%
139	732/QĐ-BSC	31/10/2025	Nâng lương định kỳ đối với cán bộ	100%
140	733/QĐ-BSC	31/10/2025	Nâng lương định kỳ đối với cán bộ	100%
141	734/QĐ-BSC	31/10/2025	Nâng lương định kỳ đối với cán bộ	100%
142	735/QĐ-BSC	31/10/2025	Nâng lương định kỳ đối với cán bộ	100%
143	736/QĐ-BSC	31/10/2025	Nâng lương định kỳ đối với cán bộ	100%
144	795/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
145	796/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
146	797/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
147	799/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
148	802/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
149	803/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
150	804/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
151	805/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
152	806/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
153	807/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
154	808/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
155	809/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
156	810/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
157	811/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
158	812/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
159	813/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
160	814/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
161	815/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
162	816/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%

163	817/QĐ-BSC	31/10/2025	Xếp lương theo Quy chế tiền lương mới đối với cán bộ	100%
164	818/QĐ-BSC	31/10/2025	Phụ cấp có thời hạn cho Cán bộ quản lý có mức Lương vị trí theo Quy chế tiền lương mới thấp hơn mức Lương vị trí hiện hưởng	100%
165	819/QĐ-BSC	31/10/2025	Điều chỉnh bậc lương/thù lao đối với Người biệt phái của HSC tại BSC	100%
166	820/QĐ-BSC	31/10/2025	Phê duyệt chủ trương điều chỉnh bậc lương/thù lao đối với cán bộ	100%
167	722/QĐ-BSC	03/11/2025	Phê duyệt hạn mức đầu tư vào trái phiếu	100%
168	723/QĐ-BSC	03/11/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
169	1013/QĐ-BSC	12/11/2025	Ban hành Quy trình Quản trị rủi ro nghiệp vụ Giao dịch chứng khoán trực tuyến	100%
170	1035/QĐ-BSC	27/11/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
171	1037/QĐ-BSC	27/11/2025	Phê duyệt chủ trương triển khai hoạt động mua bán Chứng chỉ tiền gửi BIDV giai đoạn 2	100%
172	1045/QĐ-BSC	03/12/2025	Phê duyệt hạn mức tín dụng của BSC	100%
173	1065/QĐ-BSC	16/12/2025	Kéo dài thời hạn giữ chức vụ đối với cán bộ	100%
174	1066/QĐ-BSC	16/12/2025	Kéo dài thời hạn giữ chức vụ đối với cán bộ	100%
175	1070/NQ-BSC	17/12/2025	Phê duyệt Phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV năm 2025	100%
176	1090/QĐ-BSC	26/12/2025	Phê duyệt quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm năm 2025	100%
177	1097/NQ-BSC	30/12/2025	Thông qua phương án chào bán và niêm yết chứng quyền có bảo đảm	100%
178	1099/QĐ-BSC	30/12/2025	Ban hành Quy định phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt	100%
179	1100/QĐ-BSC	30/12/2025	Ban hành Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt	100%
180	1104/QĐ-BSC	31/12/2025	Phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán Nội bộ	100%
181	1109/QĐ-BSC	31/12/2025	Ban hành Quy chế Xử lý kỷ luật và Bồi thường thiệt hại	100%
182	1112/QĐ-BSC	31/12/2025	Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng	100%
183	1113/QĐ-BSC	31/12/2025	Ban hành Hạn mức và Thông số rủi ro năm 2026	80%



BAO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Chứng khoán BIDV (BSC)

Căn cứ quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ Công ty, Thành viên HĐQT độc lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT độc lập trong năm 2025 như sau:

I. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị BSC

HĐQT Công ty đã chỉ đạo giám sát triển khai thực hiện hoàn thành toàn diện với chất lượng cao Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025 một cách nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả. HĐQT thực hiện việc quản trị điều hành hoạt động của BSC trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán, đồng thời tuân thủ chặt chẽ Điều lệ, quy chế quản trị của Công ty.

- **Về cơ cấu tổ chức:** HĐQT BSC duy trì số lượng 05 thành viên, cơ cấu tổ chức của HĐQT đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT; đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa các thành viên điều hành, không điều hành và thành viên độc lập, đáp ứng tốt các thông lệ về quản trị công ty chuẩn mực.

- **Về cơ chế vận hành:** Năm 2025, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp trực tiếp để giải quyết các vấn đề quan trọng trong hoạt động của Công ty. Các cuộc họp được tổ chức hợp lệ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định với đầy đủ tài liệu, nội dung họp được thảo luận cẩn trọng và khách quan. Ngoài ra, HĐQT đã thực hiện 154 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, qua đó ban hành tổng cộng 183 nghị quyết/quyết định để giải quyết các vấn đề quan trọng, chủ trương lớn của Công ty.

- **Về công tác quản trị:** HĐQT đã phát huy tối đa vai trò lãnh đạo trong việc chỉ đạo xây dựng và giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh, định hướng chiến lược đầu tư và thiết lập hệ thống, chính sách quản trị rủi ro, phê duyệt kế hoạch đầu tư tài sản cố định... HĐQT đã ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty được vận hành thống nhất và hiệu quả; đồng thời nhanh chóng và kịp thời quyết định các vấn đề trọng yếu, phê duyệt các giao dịch vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn thông suốt và tận dụng tốt cơ hội thị trường để tối đa hóa lợi ích của Công ty và cổ đông.

- **Về công tác giám sát:** HĐQT đã thực hiện tốt vai trò quản trị và giám sát đối với Ban Điều hành thông qua các hệ thống báo cáo và đơn vị tham mưu như Văn phòng HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ và các Tiểu ban trực thuộc HĐQT. Đồng thời HĐQT



cũng thực hiện giám sát trực tiếp thông qua các họp HĐQT, đồng thời phân công công tác TV.HĐQT phụ trách công tác giám sát để đưa ra chỉ đạo đối với Ban điều hành.

II. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập trong năm 2025

Trong năm qua, Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đầy đủ các chức năng và nhiệm vụ theo đúng Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của HĐQT:

1. Tham gia hội họp và biểu quyết: Thành viên HĐQT độc lập tham dự đầy đủ 100% các cuộc họp của HĐQT và tham gia ý kiến bằng văn bản đối với 153/154 nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

2. Hỗ trợ chiến lược: Thành viên HĐQT độc lập đã phối hợp cùng Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT trong việc xác định các mục tiêu, định hướng chiến lược, đặc biệt trong công tác xây dựng KHKD và tham gia ý kiến về định hướng chuyển đổi số trung và dài hạn của Công ty.

3. Giám sát thực thi: Theo dõi và giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT, đảm bảo Ban Điều hành đi đúng định hướng đã đề ra. Theo đó, dưới sự giám sát của HĐQT, Công ty đã hoàn thành toàn diện với chất lượng cao Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025 đề ra. Các con số thực tế trong năm 2025 cho thấy sự bứt phá mạnh mẽ trong HĐKD của Công ty:

- Kết quả kinh doanh vượt trội: Năm 2025, BSC đạt LNTT 616,2 tỷ đồng (cao nhất lịch sử, vượt 110% so với kế hoạch), tổng tài sản 16.628 tỷ đồng, ROE 9,3%, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn tích cực;

- Triển khai hiệu quả các dự án chiến lược: Hoàn thành kết nối một cách thông suốt với hệ thống KRX, đẩy mạnh chuyển đổi số, ban hành quy chế KPI – quy chế tiền lương mới;

- Thực hiện phương án chi trả cổ tức và duy trì tỷ lệ an toàn tài chính: Thực hiện đầy đủ phương án cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và duy trì tỷ lệ an toàn tài chính ở mức rất cao (536%).

4. Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và tuân thủ: Tham gia ý kiến trong việc ban hành chính sách quản trị rủi ro và thông số, hạn mức rủi ro năm 2025; giám sát việc công bố thông tin thông qua hệ thống báo cáo nhằm đảm bảo tính minh bạch thông tin đối với cổ đông.

III. Kết luận và Kiến nghị

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, chuyên nghiệp và tuyệt đối tuân thủ pháp luật cũng như Điều lệ Công ty. Mọi quyết định của HĐQT đều hướng tới mục tiêu bảo vệ lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông.

Đối với năm 2026, TV.HĐQT kiến nghị đối với hoạt động của HĐQT như sau:

- Nâng cao năng lực tài chính để tháo gỡ các hạn chế về quy mô vốn và tăng sức cạnh tranh với các công ty chứng khoán trên thị trường;

- Đẩy mạnh hơn nữa tiến trình chuyển đổi số, xây dựng nền tảng giao dịch hợp nhất để có thể tích hợp toàn bộ hệ sinh thái sản phẩm, đồng thời tích hợp sâu vào ứng dụng BIDV SmartBanking và hệ sinh thái số của BIDV;

- Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các nhóm khách hàng mục tiêu trên một nền tảng số hợp nhất;

- Tận dụng tối đa nguồn lực từ các cổ đông/đối tác chiến lược để mở rộng nền tảng khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Duy trì văn hóa kiểm soát rủi ro chặt chẽ để đảm bảo sự phát triển bền vững trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam hướng tới việc nâng hạng lên thị trường mới nổi.

Trân trọng!

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập



Lim Do Kyoona



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v: Kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC);

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV số 312/QĐ-BSC ngày 18/04/2025;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD) phê duyệt.

Ban Kiểm soát (“BKS”) BSC nhiệm kỳ 2021-2026 kính báo cáo ĐHĐCD kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025, kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kết quả giám sát hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Tổng Giám đốc (“TGD”) trong năm 2025, cụ thể như sau:

I. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC bao gồm ba (03) thành viên:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban	Được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
2	Bà Vũ Minh Châu	Thành viên	Được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
3	Ông Cho Sung Jae	Thành viên	Được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 18/04/2025

Cơ cấu nhân sự của BKS duy trì sự ổn định về số lượng, các thành viên BKS đều có trình độ chuyên môn, nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kiểm toán, quản lý

dầu tư và tài chính tại BIDV cũng như Hana Securities, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về năng lực chuyên môn và tính độc lập trong hoạt động giám sát.

Với cơ cấu này, BKS đã thực hiện hiệu quả vai trò giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

2. Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát, với vai trò đại diện cổ đông BSC, đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định, đồng thời kiến nghị các thay đổi cần thiết trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, và công tác quản trị - điều hành Công ty. Những nỗ lực này đã hỗ trợ HĐQT và Ban Điều hành trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh cùng các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ thông qua.

BKS đã thực hiện nghiêm túc chế độ họp định kỳ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong năm 2025, BKS đã tiến hành 2 phiên họp tập trung. Để đảm bảo tính kịp thời và bám sát biến động thị trường, BKS duy trì cơ chế trao đổi thông tin linh hoạt, kết hợp hiệu quả giữa các phiên họp tập trung và hình thức thảo luận qua thư điện tử để thống nhất biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền. Chương trình nghị sự của các kỳ họp luôn được chuẩn bị hệ thống, tập trung vào các nội dung quan trọng: từ việc thảo luận kế hoạch hoạt động năm, kiện toàn tài liệu trình ĐHĐCĐ, đến công tác giám sát trọng yếu về tính tuân thủ pháp luật, soát xét các báo cáo tài chính/báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

HĐQT và BDH đã phối hợp, tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ, phù hợp với cơ chế trao đổi thông tin giữa HĐQT, Tổng Giám đốc, BKS và bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB). Đại diện BKS và Trưởng Ban KTNB được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT, BKS được cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ công tác giám sát. Kết quả giám sát, kết quả kiểm toán nội bộ cùng các kiến nghị của BKS đã được gửi tới HĐQT, Tổng Giám đốc và được Ban Lãnh đạo chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho BKS.

BKS đã báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ trước ĐHĐCĐ thường niên 2025 theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động. Trong năm không phát sinh yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn về việc kiểm tra sổ sách, tài liệu hay hoạt động quản lý, điều hành của Công ty. Các hoạt động cụ thể BKS trong năm 2025 như sau:

2.1. Giám sát tính tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ hoạt động, giám sát tình hình triển khai hoạt động kinh doanh của BSC

BKS đã thực hiện giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ. Trọng tâm giám sát bao gồm tuân thủ Điều lệ và các quy định pháp luật; thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao; đánh giá các chỉ tiêu tài chính trọng yếu như lợi nhuận trước thuế, tổng tài sản, ROE và chất lượng danh mục tài sản; đánh giá hiệu quả từng mảng hoạt động kinh doanh; giám sát việc tuân thủ chính sách quản trị rủi ro và các giới hạn an toàn trong hoạt động kinh doanh.

Thông qua hoạt động giám sát, BKS kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, đánh giá mức độ tuân thủ và hiệu quả trong công tác điều hành, qua đó kiến nghị các biện pháp nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty an toàn, minh bạch và phù hợp với quy định hiện hành.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, tại 31/12/2025, tổng tài sản Công ty đạt 16.628 tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đạt 616,2 tỷ đồng. Chất lượng tài sản được duy trì tích cực, không phát sinh nợ xấu hay các hạng mục vướng mắc cần xử lý.

2.2 Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu KHKD năm 2025:

Chỉ tiêu	KHKD 2025	Thực hiện tại 31/12/2025	% hoàn thành kế hoạch 2025
Lợi nhuận trước thuế	560 tỷ đồng	616,2 tỷ đồng	110%
Hệ số an toàn tài chính (%)	≥ 260%	536%	Hoàn thành

- **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:** Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 10% bằng cổ phiếu.

- **Thù lao HĐQT, BKS năm 2025:** BSC đã chi trả thù lao năm 2025 tới thành viên HĐQT và BKS theo quy định với tổng số tiền 3.277.757.072 VND, nằm trong phạm vi ngân sách ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025, trong đó tổng thù lao cho các thành viên chuyên trách là 3.001.757.072 VND; không chuyên trách là 276.000.000 VND.

Như vậy, trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành đầy đủ các nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025.

2.3. Giám sát công tác quản trị - điều hành của HĐQT và Tổng giám đốc

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2025, BKS nhận định HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ, cụ thể:

- Công tác quản trị của Hội đồng quản trị

HĐQT đã triển khai hiệu quả các Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và của BSC. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp trực tiếp với sự tham dự đầy đủ, trách nhiệm của các thành viên và 154 lần xin ý kiến bằng văn bản để xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền trong bối cảnh thị trường biến động.

Trong vai trò lãnh đạo và giám sát, HĐQT đã ban hành 183 Nghị quyết/Quyết định trên nhiều lĩnh vực, làm cơ sở để Ban Điều hành tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, bảo đảm quyền lợi cổ đông.

- Công tác điều hành của Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc cùng Ban Điều hành đã triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; chủ động xây dựng kế hoạch điều hành, duy trì hoạt động kinh doanh tích cực và phát huy hiệu quả bộ máy quản lý.

Trước những khó khăn của thị trường chứng khoán, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về kết quả hoạt động, các vướng mắc phát sinh, đồng thời chủ động ban hành các quyết định điều hành nhằm hạn chế rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

2.4. Thẩm định, soát xét tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Kiểm soát đã thẩm định, soát xét định kỳ Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bao gồm kỳ bán niên và cả năm 2025, trong đó, các báo cáo được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập uy tín đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và được công bố kịp thời, đúng quy định đối với công ty niêm yết.

Bên cạnh đó, BKS đã đóng góp ý kiến để Ban Điều hành hoàn thiện, đảm bảo tính hợp lý, trung thực, cân trọng và nhất quán trong công tác quản lý, kế toán.

2.5. Giám sát và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty

BKS đã thực hiện công tác giám sát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB), KTNB và quản trị rủi ro một cách toàn diện, góp phần quan trọng vào việc duy trì vận hành an toàn và minh bạch cho Công ty.

Thông qua vai trò điều phối, BKS đã phối hợp chặt chẽ với Ban KTNB để thẩm định kế hoạch kiểm toán hàng năm, giám sát việc thực hiện các chuyên đề kiểm toán và hậu kiểm sát sao quá trình khắc phục các kiến nghị sau kiểm toán.

BKS đánh giá hệ thống KSNB và KTNB vận hành hiệu quả; các sai sót phát hiện chủ yếu mang tính tác nghiệp, không trọng yếu và đã được chấn chỉnh kịp thời. Đặc biệt, đối với công tác quản trị rủi ro, BKS đánh giá cao việc Công ty triển khai thành công mô hình “ba lớp phòng vệ” (tuyên vận hành, quản trị rủi ro chuyên trách và KTNB).

Nhờ cơ chế nhận diện rủi ro và cảnh báo sớm, hoạt động cho vay ký quỹ của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, không phát sinh nợ xấu dù quy mô tăng trưởng nhanh trong bối cảnh thị trường biến động. Những đề xuất và kiến nghị của BKS đã góp phần trực tiếp vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn và đảm bảo an toàn vốn cho Công ty.

2.6. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Trong năm 2025, Công ty có hợp đồng/giao dịch với 03 Bên có liên quan, bao gồm giao dịch giữa Công ty với các cổ đông lớn (BIDV, Hana Securities) cùng đơn vị trong hệ sinh thái (BIC). Qua rà soát, các hợp đồng/giao dịch kể trên là hợp đồng dịch vụ, giao dịch thường xuyên với BIDV hoặc các bên có liên quan để phối hợp cung cấp dịch vụ cho khách hàng, phát triển hoạt động bán chéo sản phẩm. Đây đều là những giao dịch đảm bảo lợi ích của BSC, góp phần gia tăng nguồn vốn cho Công ty và thúc đẩy hợp tác bán hàng với các bên liên quan, qua đó góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty và lợi ích cổ đông. *(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

2.7. Tham gia các cuộc họp của HĐQT

Đại diện BKS đã thực thi đầy đủ quyền hạn tham dự các phiên họp định kỳ và bất thường của HĐQT, tiếp cận đầy đủ thông tin, báo cáo nhằm duy trì sự theo dõi sát sao và cập nhật kịp thời diễn biến thực tế của hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả công tác quản trị – điều hành nội bộ tại BSC. Thông qua cơ chế trao đổi thông tin minh bạch, BKS không chỉ nắm bắt xuyên suốt tiến trình ra quyết định chiến lược mà còn đóng góp các ý kiến độc lập, khách quan nhằm tối ưu hóa quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.

2.8. Kiến nghị và giám sát tình hình thực hiện kiến nghị của BKS trong năm 2025

Trong năm 2025, công tác kiến nghị và giám sát việc thực hiện kiến nghị của BKS tại BSC được triển khai, có hệ thống và mang tính thực tiễn cao. Các kiến nghị của BKS không chỉ dừng ở yêu cầu tuân thủ mà còn mang tính định hướng chiến lược. Trọng tâm bao gồm tăng cường quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ; ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cấp các nền tảng giao dịch và

chuẩn bị cho hệ thống KRX; khai thác hiệu quả hợp tác chiến lược với Hana Securities; kiện toàn mô hình tổ chức, cải thiện chính sách nhân sự và tiền lương; đồng thời kịp thời kiến nghị điều chỉnh các sai sót kỹ thuật trong báo cáo tài chính.

Việc giám sát thực hiện kiến nghị được thực hiện chặt chẽ thông qua cơ chế báo cáo phân hồi định kỳ của Ban Điều hành. Trên thực tế, toàn bộ các kiến nghị của BKS đã được tiếp thu và triển khai hiệu quả, thể hiện qua việc nâng cấp thành công hệ thống công nghệ, duy trì chất lượng tài sản an toàn, vận hành mô hình tổ chức mới, ổn định đội ngũ nhân sự Công ty và đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính trước khi công bố thông tin.

II. Định hướng hoạt động năm 2026

Dựa trên chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát, BKS dự kiến các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 như sau:

- **Giám sát tuân thủ và quản trị:** Theo dõi việc chấp hành các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; đồng thời kiểm tra hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành nhằm bảo đảm các quyết định được ban hành hợp pháp, minh bạch và bảo vệ quyền, lợi ích của cổ đông.

- **Thẩm định và kiểm soát chất lượng Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính:** Thực hiện soát xét Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; giám sát việc áp dụng các chính sách kế toán theo định hướng tiệm cận bộ Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS); đồng thời đề xuất lựa chọn và phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập.

- **Đánh giá hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro:** Rà soát mức độ hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB, KTNB, công tác quản lý rủi ro và cơ chế cảnh báo sớm; đồng thời kiểm tra các giao dịch với bên liên quan nhằm bảo đảm tính minh bạch và phòng ngừa xung đột lợi ích.

- **Đồng hành cùng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty:** thông qua việc giám sát quá trình chuyển đổi số và đầu tư công nghệ thông tin; đồng thời chủ động kiểm soát và hỗ trợ nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

III. Kiến nghị đối với Công ty trong năm 2026

Dựa trên kết quả giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2025, Ban Kiểm soát đề xuất các kiến nghị cho năm 2026 như sau:

- Công ty chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành năm 2026 trong bối cảnh thị trường chứng khoán dự báo biến động nhanh và khó lường; đồng thời nâng cao năng lực phân tích, dự báo để kịp thời nắm bắt cơ hội từ quá trình nâng hạng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm và các chính sách hỗ trợ kinh tế của Chính phủ, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh, tối ưu hóa tạo lợi nhuận và nâng cao giá trị cho cổ đông.

- Tăng cường năng lực tài chính thông qua việc đa dạng hóa nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và từng bước cải thiện quy mô vốn điều lệ; qua đó khắc phục các hạn chế về quy mô, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong bối cảnh chuyên đổi số, thông qua việc hoàn thiện cơ chế, quy trình kiểm soát nội bộ, nâng cấp hạ tầng công nghệ và tăng cường bảo mật dữ liệu; đồng thời xây dựng và vận hành hiệu quả cơ chế cảnh báo sớm đối với các hoạt động trọng yếu như tự doanh và cho vay ký quỹ nhằm kịp thời phát hiện, kiểm soát và hạn chế rủi ro.

- Công ty chủ động theo dõi, cập nhật đầy đủ và kịp thời các thay đổi về chính sách thuế, kế toán và quy định pháp lý trong năm 2026; đồng thời tổ chức đánh giá tác động, rà soát và điều chỉnh các quy trình, chính sách nội bộ, tăng cường công tác phổ biến, đào tạo nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với khung pháp lý hiện hành.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro thông qua việc hoàn thiện cơ chế phối hợp và ứng dụng công nghệ trong giám sát; qua đó kịp thời phát hiện, cảnh báo và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, chấn chỉnh rủi ro phát sinh, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, minh bạch và bền vững.

Trên đây là toàn bộ các nội dung báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thanh Thủy

Phụ lục: Các hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Giấy Chứng nhận Thành viên Lưu ký số 19/GCNTVL K do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp lần đầu ngày 07/07/2006	Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	2025	Quyết định số 1037/QĐ-BSC ngày 27/11/2025 v/v Phê duyệt chủ trương triển khai hoạt động mua bán Chứng chỉ tiền gửi BIDV giai đoạn 2	<ul style="list-style-type: none"> - Số dư tiền gửi của Công ty tại BIDV 516.938.953.011 VND - Số dư tiền gửi của nhà đầu tư tại BIDV 582.112.396.657 VND - Phải trả phí dịch vụ giao dịch cho BIDV 1.440.341.789 VND - Doanh thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu 12.593.099.426 VND - Doanh thu lưu ký khác 72.727.273 VND - Chi phí dịch vụ giao dịch 38.823.044.643 VND - Chi phí dịch vụ thanh toán 276.403.922 VND



2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV	0100931299	Tầng 11, 263 Cầu Giấy, Hà Nội	2025	- Doanh thu phí môi giới chứng khoán 492.908.326 VND - Doanh thu phí lưu ký 42.259.572 VND - Chi phí mua bảo hiểm 1.410.077.164 VND
3	Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn	CB1827	82, Uisadang-daero, Youngdeu ngpo-gu, Seoul	2025	- Chi phí cho nhân sự phái cử 9.955.511.093 VND

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

V/v: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và dự kiến KHKD năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông Công ty

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026, cụ thể như sau:

PHẦN 1. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

I. Bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2025

- **Kinh tế vĩ mô:** Trong bối cảnh nền kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, căng thẳng thương mại kéo dài cùng các bất ổn địa chính trị, kinh tế vĩ mô Việt Nam cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Tuy nhiên, còn đan xen một số thách thức như áp lực tỷ giá, lãi suất có xu hướng tăng trở lại.

- **Nâng hạng thị trường:** Ngày 8/10/2025, FTSE Russell chính thức thông báo sẽ nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ cận biên lên mới nổi thứ cấp, dự kiến có hiệu lực từ ngày 21/9/2026 nhưng phụ thuộc vào kết quả rà soát vào tháng 3/2026, nhằm đánh giá mức độ cải thiện khả năng tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- **Thị trường chứng khoán:** Kết thúc năm 2025, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1.784,49 điểm, ghi nhận tăng 517,71 điểm, tương ứng mức tăng 41% so với cuối năm 2024. Sự phục hồi mạnh mẽ này diễn ra sau giai đoạn điều chỉnh đầu năm do khủng hoảng thuế quan của Mỹ. Tuy nhiên, mức tăng của thị trường cho thấy sự phân hóa khi chỉ tập trung vào một số mã vốn hóa lớn (ước tính chiếm hơn 70% mức tăng của chỉ số VN-Index). Thanh khoản thị trường tăng trưởng mạnh mẽ, giá trị giao dịch đạt bình quân 29.395 tỷ đồng/phiên, tăng 40% so với bình quân năm 2024.

II. Đánh giá hoạt động của BSC năm 2025

1. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh

Trong bối cảnh nền kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, căng thẳng thương mại kéo dài cùng các bất ổn địa chính trị, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm 2025 nhiều biến động. Trong bối cảnh đó, dưới sự quản trị điều hành sát sao của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, kết thúc năm 2025, BSC đạt kết quả vượt kế hoạch kinh doanh đặt ra, các mảng hoạt động kinh doanh cho thấy nhiều điểm sáng.

Bảng 01: Kết quả các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025

STT	Chỉ tiêu	TH2025	KH2025	
			Giá trị	% TH/KH
1	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	616,2	560	110%
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	536%	>260%	100%

- *Lợi nhuận trước thuế* năm 2025 đạt **616,2 tỷ đồng**, tăng 19% so với mức thực hiện năm 2024.

- *Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng* được duy trì ở mức cao. Tại thời điểm 31/12/2025, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty là 536% ở vào nhóm tốt theo quy định của UBCKNN.

2. Tình hình các mảng hoạt động kinh doanh

2.1. Hoạt động môi giới

- *Tổng doanh thu hoạt động môi giới* của BSC đạt 377,1 tỷ đồng, tăng 26% so với mức thực hiện năm 2024.

- *Về thị phần môi giới*: Dưới áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng trong hoạt động môi giới, thị phần môi giới cổ phiếu của BSC đạt 2,20%, giảm 6% so với mức thực hiện năm 2024. Bên cạnh đó, BSC tiếp tục phát huy và giữ vững vị thế khi nằm trong *Top 5 CTCK* có thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ lớn nhất trên sàn HNX.

- Về phát triển khách hàng và nâng cao trải nghiệm khách hàng:

+ Trong năm, BSC liên tục nghiên cứu và chủ động điều chỉnh chính sách sản phẩm phù hợp theo mỗi phân khúc, đảm bảo tính cạnh tranh, thúc đẩy khách hàng giao dịch, đồng thời tiếp tục triển khai các chương trình khuyến mại nhằm đẩy mạnh truyền thông, gia tăng số lượng tài khoản mở mới.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua việc hoàn tất website giai đoạn 2 bổ sung chuyên trang phân tích với nhiều tính năng cung cấp báo cáo nâng cao, tích hợp phần mềm giao dịch trên ứng dụng ngân hàng số BIDV SmartBanking.

2.2. Hoạt động cho vay tài chính:

- *Doanh thu lãi cho vay* của BSC đạt 715,4 tỷ đồng, tăng 42% so với thực hiện 2024.

- *Quy mô cho vay*: Tính tại thời điểm 31/12/2025, tổng dư nợ cho vay đạt 9.338 tỷ đồng, tăng 76% so với cuối năm 2024.

- *Chính sách sản phẩm*: Nhằm thúc đẩy gia tăng dư nợ, các chính sách sản phẩm cho vay margin tại BSC vừa phải đảm bảo gia tăng mức cạnh tranh, đồng nghĩa với biên lợi nhuận có thể thu hẹp nhưng vẫn góp phần thúc đẩy gia tăng quy mô và lợi nhuận từ hoạt động cho vay.

- **Tăng cường kiểm soát rủi ro:** BSC luôn chú trọng hoàn thiện các công tác rà soát quy trình và quản trị rủi ro hoạt động cho vay margin, xây dựng phương án kiểm soát rủi ro liên tục đánh giá, quản lý hạn mức theo từng khách hàng, danh mục cho vay và bám sát tình hình thị trường nhằm đảm bảo an toàn vốn. BSC không phát sinh các khoản nợ xấu trong hoạt động cho vay.

2.3 Hoạt động Tư vấn tài chính

- Hoạt động Tư vấn tài chính trong năm 2025 khởi sắc và có bước tăng trưởng vượt bậc. Tổng doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và đại lý phát hành năm 2025 của BSC đạt 73,5 tỷ đồng, gấp 4,8 lần so với mức thực hiện trong năm 2024. Một số hợp đồng tiêu biểu bao gồm hợp đồng đồng tư vấn hồ sơ chào bán và đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Tập đoàn Vingroup, tư vấn phát hành trái phiếu cho các ngân hàng TMCP như MB, TPB; tư vấn phát hành TP cho Becamex IDC...

2.4. Hoạt động đầu tư

Thị trường chứng khoán năm 2025 diễn biến phức tạp với nhiều cơ hội cùng rủi ro đan xen. Trong năm 2025, lợi nhuận từ các tài sản ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) và các tài sản nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM) đạt 381,7 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2024. Trong năm 2025, BSC đã chủ động mở rộng danh mục đầu tư bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá, qua đó ghi nhận những kết quả tích cực. Đặc biệt, hoạt động đầu tư trái phiếu không chỉ đóng góp đáng kể vào hiệu quả sinh lời mà còn hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý thanh khoản và điều tiết nguồn vốn, góp phần nâng cao tính chủ động trong cân đối dòng tiền và tối ưu hóa sử dụng vốn toàn Công ty.

3. Các công tác an sinh, xã hội

Song hành với hoạt động sản xuất kinh doanh, BSC luôn đề cao trách nhiệm xã hội và tinh thần sẻ chia với cộng đồng. Trong năm 2025, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội thiết thực, lan tỏa giá trị nhân văn, tiêu biểu như:

- Chương trình “Mái trường cho em” tại điểm trường Lữ Thành, xã Mường Xén, tỉnh Nghệ An với kinh phí hỗ trợ 750 triệu đồng; các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ đồng bào lũ lụt (Đắk Lắk, Gia Lai, Cao Bằng) với tổng giá trị ~300 triệu đồng;
- Các Tổ Công đoàn cũng lan tỏa tinh thần tương thân tương ái qua các hoạt động như khám bệnh miễn phí, tặng quà cho bệnh nhi và chăm sóc người có công.

4. Các thành tích, giải thưởng

BSC được thị trường ghi nhận, đánh giá cao về chất lượng dịch vụ, vinh dự nhận giải thưởng danh giá từ Tạp chí tài chính uy tín trên thế giới:

- Giải thưởng “*Nền tảng giao dịch tốt nhất Việt Nam 2025*” (*Best Trading Platform Vietnam 2025*) do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

I. Dự báo tình hình thị trường trong năm 2026

1. Triển vọng kinh tế vĩ mô trong năm 2026

- **Bối cảnh vĩ mô thế giới:** Kinh tế vĩ mô quốc tế có một số yếu tố hỗ trợ tích cực như (i) chính sách thương mại toàn cầu giảm bất ổn nhờ định hướng rõ ràng hơn từ Hoa Kỳ; (ii) làn sóng kích thích kinh tế dự kiến tăng khi lạm phát toàn cầu giảm; (iii) FED có khả năng cắt giảm lãi suất trong giai đoạn 2025-2026; (iv) tuy nhiên chiến tranh và căng thẳng tại Trung Đông đẩy thế giới vào tình huống bất ổn, đồng thời các chính sách thương mại của Hoa Kỳ bắt đầu thâm thấu, gây ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ giá và đã tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

- **Bối cảnh vĩ mô trong nước:** (i) Chính phủ đặt mục tiêu GDP 2026 đạt mức 10%, được hỗ trợ bởi môi trường vĩ mô ổn định, các chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách khác đang được triển khai theo hướng thúc đẩy tăng trưởng; (ii) Lạm phát được kiểm soát; (iii) Tuy nhiên, dư địa để tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ mở rộng không quá nhiều, mặt bằng lãi suất tiếp tục chịu áp lực gia tăng.

2. Triển vọng thị trường chứng khoán năm 2026

Các yếu tố thuận lợi và rủi ro tác động tới ngành chứng khoán gồm:

Thuận lợi	Khó khăn
(1) Việt Nam được kỳ vọng nâng hạng lên Secondary EM của FTSE, thu hút dòng vốn ngoại dài hạn.	(1) Diễn biến khó lường về xung đột địa chính trị trên thế giới có thể tiềm ẩn những rủi ro cho TTCK.
(2) Chu kỳ thanh toán dự kiến được rút ngắn, triển khai giao dịch xuyên trưa, CCP và các sản phẩm mới như day-trading, bán khống,...	(2) Biến động chính sách thương mại của Hoa Kỳ và các nước lớn có thể làm giảm xuất khẩu, ảnh hưởng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết.
(3) TTCK sẽ sôi động trở lại nhờ làn sóng IPO, tăng vốn, bán cổ phần chiến lược và chuyển sản, cung cấp nguồn hàng hóa mới.	(3) Cạnh tranh về thị phần sẽ ngày càng gay gắt hơn, phí giao sẽ tiếp tục giảm dần theo xu hướng Zero-fee.
(4) Kinh tế trong nước thuận lợi với lạm phát kiểm soát, chính sách tiền tệ duy trì ưu tiên tăng trưởng giúp TTCK còn dư địa tăng trưởng so với các kênh đầu tư khác.	(4) Áp lực gia tăng tỷ giá trong bối cảnh duy trì nền lãi suất thấp tiếp tục là rào cản gia nhập lại thị trường của dòng vốn ngoại

II. Định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2026

1. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2026

Trên cơ sở đánh giá triển vọng kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026, BSC xác định các mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2026 của công ty như sau:

1) **Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi:** Tập trung đẩy mạnh các mảng hoạt động cốt lõi bao gồm gia tăng thu nhập từ môi giới, tư vấn tài chính; tăng trưởng dư nợ cho vay; gia tăng quy mô và cải thiện hiệu quả đầu tư.

2) **Mở rộng quy mô tài sản sinh lời:** Gia tăng dư nợ cho vay margin, đồng thời mở rộng tài sản đầu tư tại các thời điểm thị trường thuận lợi để tối ưu hóa lợi nhuận, song song với quản trị rủi ro chặt chẽ.

3) **Phát triển nền khách hàng và hệ sinh thái sản phẩm:** Nghiên cứu, triển khai các giải pháp mở rộng nền khách hàng, đẩy mạnh hợp tác trong hệ thống BIDV; phát triển hệ sinh thái sản phẩm số nhằm nâng cao trải nghiệm và thu hút khách hàng mới;

4) **Đẩy mạnh chuyển đổi số:** Tiếp tục triển khai các dự án chuyển đổi số; đầu tư, nâng cấp hệ thống CNTT, thay thế phần mềm ứng dụng, đảm bảo an ninh bảo mật và hỗ trợ phát triển các sản phẩm, dịch vụ số;

5) **Tăng cường quản trị rủi ro và tối ưu chi phí:** Củng cố hệ thống cảnh báo, dự báo rủi ro, theo dõi sát diễn biến thị trường nhằm kịp thời ứng phó với các biến động; đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí, sử dụng hiệu quả nguồn lực để nâng cao kết quả kinh doanh và cải thiện chỉ số ROE.

2. Chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	700
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	%	≥260

BSC đặt mục tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

- 1) Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt **700 tỷ đồng**, tăng 14% so với TH2025;
- 2) Đảm bảo hoạt động diễn ra an toàn, hiệu quả; các tỷ lệ cho vay, đầu tư, tỷ lệ vốn khả dụng nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

3. Định hướng hoạt động 2026

(1) Hoạt động môi giới và cho vay:

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm (chứng chỉ quỹ mở, trái phiếu riêng lẻ) và nâng cao trải nghiệm khách hàng; cập nhật chính sách phí, lãi suất cho vay linh hoạt theo xu hướng thị trường nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Mở rộng nền tảng khách hàng và mạng lưới giao dịch, đa dạng các kênh bán hàng và thúc đẩy bán chéo thông qua cơ chế phối hợp, ghi nhận và chia sẻ với đối tác;
- Đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ cho vay gắn với quản trị rủi ro chặt chẽ và kiểm soát danh mục cho vay trước các biến động của thị trường.



(2) Hoạt động tư vấn tài chính:

- Đẩy mạnh hoạt động IB, tích cực tìm kiếm các cơ hội M&A và giao dịch tư vấn tài chính, mở rộng mạng lưới khách hàng nhằm gia tăng doanh thu hoạt động;
- Tăng cường phối hợp với BIDV và đối tác chiến lược Hana Securities để thúc đẩy bán chéo, gia tăng thu nhập từ hoạt động IB;
- Nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng tư vấn; nghiên cứu phát triển các giải pháp tài chính xanh và phát triển bền vững phù hợp với xu hướng thị trường.

(3) Hoạt động đầu tư:

- Nâng cao hiệu quả đầu tư trên cơ sở quản trị rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn vốn, xem xét gia tăng tỷ trọng tài sản có mức sinh lợi cao như cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp khi điều kiện thị trường thuận lợi;
- Hỗ trợ tốt cho hoạt động quản lý thanh khoản và tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi trong từng thời điểm.
- Cùng cố công tác kiểm soát và cảnh báo rủi ro để kịp thời ứng phó với các biến động, thay đổi của thị trường và đối tác, bảo toàn kết quả kinh doanh.

(4) Công tác quản trị điều hành:

- Hoàn thiện cơ chế quản trị thống nhất và xuyên, tăng cường giám sát minh bạch và hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và các bên liên quan;
- Rà soát, cập nhật chính sách theo quy định pháp luật và thông lệ quản trị rủi ro quốc tế; Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ;
- Kiểm soát chi phí hiệu quả nhằm cải thiện kết quả kinh doanh và ROE.

(5) Các công tác trọng tâm khác:

- Tăng cường đào tạo nhân sự, đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ các hoạt động cốt lõi và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tiềm năng.
- Đẩy mạnh triển khai các dự án chuyển đổi số, nâng cấp nền tảng giao dịch và hệ thống CNTT, tăng cường năng lực bảo mật nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng;
- Tăng cường truyền thông thương hiệu, thực hiện trách nhiệm xã hội, hướng tới phát triển bền vững.

Kính trình!

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Duy Viễn



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026 - 2030

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động những năm gần đây, Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) vẫn duy trì định hướng phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả. Trải qua hơn 25 năm hoạt động, Công ty không ngừng đổi mới, củng cố nền tảng tài chính – quản trị rủi ro, đẩy mạnh chuyển đổi số và mở rộng hợp tác chiến lược, qua đó khẳng định vị thế trên thị trường.

Theo Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thị trường đang bước vào giai đoạn nâng cao chất lượng, tăng cường tính minh bạch và tiệm cận chuẩn quốc tế. Bối cảnh này mở ra cơ hội mới song cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với các công ty chứng khoán.

Trên cơ sở đó, BSC đã xây dựng dự thảo Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 với các trọng tâm: nâng cao năng lực tài chính, thúc đẩy chuyển đổi số, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm số toàn diện và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; hướng tới tăng trưởng bền vững, hiệu quả và gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông, khách hàng và đối tác; đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển ổn định của TTCK Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026- 2030 của BSC. Cụ thể như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BSC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. Bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô và TTCK giai đoạn 2021-2025

1.1. Tình hình kinh tế vĩ mô giai đoạn 2021-2025

Giai đoạn 2021–2025, kinh tế toàn cầu trải qua nhiều cú sốc lớn: hậu quả kéo dài từ Covid-19, đứt gãy chuỗi cung ứng do xung đột Nga–Ukraine, bất ổn tại Trung Đông và đặc biệt là chính sách thắt chặt mạnh của FED, ECB giai đoạn 2022–2024. Năm 2025, căng thẳng thương mại Mỹ–Trung và cuộc chiến thuế quan tiếp tục làm gia tăng bất định, tác động mạnh đến các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam.

Dù vậy, kinh tế Việt Nam cho thấy khả năng phục hồi tốt: tăng trưởng GDP bình quân 6,3%, riêng năm 2025 tăng 8,02%, đưa quy mô GDP vượt 500 tỷ USD. CPI duy trì dưới 4%, nợ công giảm còn 35–36% GDP, thương mại đạt trên 930 tỷ USD và thặng dư khoảng 20 tỷ USD. Thu ngân sách 5 năm vượt 18% kế hoạch, tạo dư địa cho đầu tư hạ tầng và cải cách tiền lương.

Bên cạnh kết quả tích cực, thị trường xuất hiện nhiều rủi ro: GDP quý III/2021 giảm mạnh do giãn cách trong đại dịch Covid; khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp từ cuối 2022



sau các vụ việc tại Tân Hoàng Minh, FLC, Vạn Thịnh Phát. Trên thị trường chứng khoán, áp lực tỷ giá và chênh lệch lãi suất USD/VND khiến khối ngoại bán ròng kỷ lục 90.000 tỷ (năm 2024) và 135.000 tỷ (năm 2025), tạo sức ép kéo dài lên VN-Index.

Tổng kết giai đoạn 2021–2025, bối cảnh biến động lớn đặt ra yêu cầu cấp thiết về tăng cường năng lực tài chính, đẩy mạnh chuyển đổi số và duy trì khẩu vị rủi ro thận trọng để bảo vệ cổ đông và đảm bảo phát triển bền vững.

1.2. Diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2021-2025

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
VN-Index	1.498	1.007	1.130	1.266	1.784
Thanh khoản bình quân (tỷ đồng)	26.662	20.187	17.641	21.017	29.395

(Số liệu VN-Index tại ngày 31/12 trong giai đoạn 2021 – 2025)

Giai đoạn 2021–2025, thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua biến động mạnh dưới tác động của chính sách vĩ mô toàn cầu và các yếu tố trong nước. Sau giai đoạn tăng trưởng nóng hậu Covid-19, VN-Index đạt đỉnh khoảng 1.530 điểm đầu năm 2022 trước khi điều chỉnh sâu do thắt chặt tiền tệ, khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp và suy giảm niềm tin thị trường.

Trong giai đoạn 2023–2024, thị trường dần ổn định nhờ loạt giải pháp hỗ trợ đối với bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp; đồng thời các cải cách như Thông tư 68, cơ chế non-prefunding và yêu cầu công bố thông tin song ngữ tạo nền tảng quan trọng cho tiến trình nâng hạng.

Năm 2025, VN-Index phục hồi mạnh lên 1.784 điểm. Tuy nhiên, đà tăng chủ yếu đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi phần còn lại của thị trường hồi phục yếu, thể hiện sự phân hóa sâu và khiến VN-Index chưa phản ánh đầy đủ sức khỏe chung của doanh nghiệp niêm yết.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh BSC giai đoạn 2021-2025

BSC đã ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ về quy mô trong giai đoạn 2021-2025, đặc biệt là sau thương vụ hợp tác chiến lược với đối tác Hana Securities:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025	CAGR
Tổng tài sản	6.005	5.591	8.326	10.315	16.628	29%
VCSH	1.719	4.366	4.684	5.062	5.528	34%
LNTT	436	149	509	516	616	9%

Về quy mô hoạt động:

+ **Tổng tài sản:** Tăng trưởng liên tục qua các năm, từ 6.005 tỷ đồng (năm 2021) lên 16.628 tỷ đồng vào cuối năm 2025, tăng 2,8 lần sau 5 năm, với mức tăng trưởng bình quân 29%/năm.

+ **Vốn chủ sở hữu:** tăng mạnh trong giai đoạn 2021–2025, từ 1.719 tỷ đồng lên 5.528 tỷ đồng, tương đương gấp 3,2 lần với mức tăng trưởng bình quân 34%/năm. Điểm nhấn nổi bật là thương vụ bán 35% vốn cho Hana Securities vào tháng 9/2022, thu về gần 2.700 tỷ đồng và nâng VCSH lên khoảng 4.350 tỷ đồng, qua đó giúp củng cố đáng kể năng lực tài chính, mở rộng dư địa kinh doanh cho BSC.

- **Về chất lượng tài sản:** BSC duy trì nền tảng tài chính lành mạnh, tuân thủ nghiêm khẩu vị rủi ro và đảm bảo toàn bộ tài sản đều là tài sản sinh lời. Giai đoạn 2021–2025, dư nợ cho vay ký quỹ tăng mạnh nhưng không phát sinh nợ xấu, phản ánh chất lượng kiểm soát rủi ro hiệu quả. Công ty không có tồn đọng tài chính hay vướng mắc tiềm ẩn cần xử lý.

- **Về hiệu quả hoạt động kinh doanh:** BSC liên tục xác lập các kỷ lục mới về lợi nhuận. Ba năm gần nhất, lợi nhuận đều vượt các mốc lịch sử kể từ khi thành lập. ROE duy trì ổn định quanh 8–9% trong 2023–2024 và đạt 9,3% năm 2025, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn được duy trì ở mức tốt.

Tổng quát tình hình các mảng hoạt động kinh doanh chính:

+ **Mảng môi giới và cho vay ký quỹ** tiếp tục là trụ cột của BSC, đóng góp khoảng 61–65% tổng lợi nhuận trong giai đoạn 2021–2025. Dư nợ margin tăng mạnh từ gần 4.000 tỷ đồng (2021) lên gần 9.400 tỷ đồng (2025), tương đương tăng 2,3 lần với CAGR gần 24%/năm. Lãi suất cho vay duy trì ổn định trong khoảng 9,9%–10,6%/năm, phản ánh chất lượng quản trị rủi ro và khả năng khai thác hiệu quả hệ sinh thái BIDV.

+ **Mảng đầu tư (tự doanh & kinh doanh vốn)** ghi nhận hiệu suất ổn định với mức tăng trưởng bình quân ~20%/năm. Đặc biệt, lợi nhuận 3 năm gần nhất tăng trưởng mạnh, trở thành động lực quan trọng nâng cao hiệu quả chung của Công ty.

+ **Mảng tư vấn tài chính** tiếp tục khẳng định vai trò là hoạt động thế mạnh của BSC. Giai đoạn 2023–2024, thị trường trái phiếu doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến lợi nhuận của mảng tư vấn tài chính. Tuy nhiên, trong năm 2025, hoạt động tư vấn tài chính phục hồi rõ nét và đóng góp tích cực trở lại vào kết quả kinh doanh của Công ty, tập trung vào hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu cho các tổ chức tín dụng (đạt 38% thị phần toàn thị trường) và các tập đoàn lớn.

Tổng kết lại, hoạt động kinh doanh của BSC đã có sự tăng trưởng khá đồng đều giữa các nghiệp vụ trọng tâm. Trong đó, một số mảng hoạt động nòng cốt đã có sự tăng trưởng đột phá, trở thành trụ cột giúp BSC đảm bảo hoạt động ổn định, bền vững.

3. Các điểm nhấn trong hoạt động của BSC giai đoạn 2021-2025

- **Hoàn tất thương vụ hợp tác chiến lược** lịch sử với Hana Securities tháng 9/2022, bán 35% vốn với giá trị gần 2.700 tỷ đồng – thương vụ M&A lớn nhất thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022;

- **Tăng trưởng quy mô mạnh mẽ:** Tổng tài sản Công ty ghi nhận mức tăng trưởng kỷ lục 2,8 lần sau 5 năm; vốn chủ sở hữu tăng gấp 3,2 lần từ 1.719 tỷ đồng lên 5.528 tỷ đồng. Quy mô dư nợ cho vay ký quỹ tăng mạnh, gấp 2,3 lần từ 3.998 tỷ đồng (2021) lên 9.338 tỷ đồng

(2025), đồng thời kiểm soát rủi ro hiệu quả, không phát sinh bất kỳ khoản nợ xấu nào trong cả giai đoạn;

- **Nâng cao hiệu quả:** Lợi nhuận trước thuế thiết lập các đỉnh lịch sử mới trong 3 năm liên tiếp, đạt 509 tỷ đồng năm 2023, 516 tỷ đồng năm 2024 và 616 tỷ đồng năm 2025 (đạt 110% kế hoạch).

- **Thị giá cổ phiếu Top đầu:** Chất lượng tài sản của BSC luôn được duy trì ở mức rất tốt nhờ vậy thị giá cổ phiếu của BSC thường đứng ở vị trí dẫn đầu (thứ 1 hoặc 2) trong ngành chứng khoán Việt Nam trong 03 năm gần nhất.

- **Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số mạnh mẽ:** BSC đã triển khai đồng bộ các giải pháp số như eKYC, eContract và Chatbot AI, cho phép mở tài khoản và giao dịch hoàn toàn trực tuyến, hỗ trợ khách hàng 24/7. Nền tảng giao dịch chứng khoán được tích hợp trên ứng dụng BIDV SmartBanking nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm số. Đồng thời, BSC ra mắt website mới với giao diện hiện đại, lấy Trung tâm Phân tích đầu tư làm trọng tâm, qua đó khẳng định năng lực chuyên môn và vai trò đồng hành chiến lược cùng khách hàng.

- **Hoàn thiện cơ sở vật chất:** Hoàn thiện việc đầu tư, nâng cấp trụ sở làm việc tại Hội sở chính và Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại các tòa nhà hạng A, qua đó tạo dựng môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn và nâng cao hình ảnh thương hiệu Công ty.

- **Xây dựng thương hiệu:** BSC đã ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới vào tháng 6/2023. Việc tái định vị thương hiệu là bước chuyển đổi quan trọng, gắn liền với thành công của thương vụ hợp tác chiến lược với Hana Securities, thể hiện rõ sự đồng bộ và phù hợp với hệ sinh thái BIDV.

- **Mở rộng công tác nguồn vốn:** Công ty đã mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế, đa dạng hóa nguồn huy động vốn và lần đầu tiên triển khai vay vốn ngoại tệ trực tiếp từ các tổ chức tín dụng nước ngoài, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn với chi phí cạnh tranh, phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh;

- **Định hạng tín nhiệm:** Năm 2025, BSC đã được Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam (VIS Rating) xếp hạng tín nhiệm ở mức A+ (mức cao nhất), phản ánh năng lực tài chính vững mạnh, cấu trúc vốn an toàn và hiệu quả quản trị rủi ro của Công ty.

4. Nhận định điểm mạnh và hạn chế của BSC

4.1. Điểm mạnh

S1	Thương hiệu & uy tín cao: Là công ty con của BIDV – một trong “Big 4” quốc doanh, giúp BSC có vị thế uy tín và khả năng tiếp cận khách hàng tổ chức, doanh nghiệp nhà nước.
S2	Tập khách hàng bền vững: Khai thác mạng lưới BIDV và hợp tác với Hana Securities giúp mở rộng sản phẩm ngân hàng đầu tư, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và dịch vụ số.
S3	Chất lượng nhân sự của BSC: Chất lượng nhân sự của BSC ở mức cao, có thể sẵn sàng cung cấp các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao.

S4	Chiến lược vận hành chặt chẽ: BSC duy trì khẩu vị, kiểm soát rủi ro chặt chẽ đảm bảo chất lượng tài sản rất cao (không có nợ xấu) trong bối cảnh gia tăng rất nhanh quy mô tổng tài sản.
S5	Kiểm soát chi phí ổn định: CIR trung bình 21% giai đoạn 2021–2024 và cải thiện đáng kể trong năm 2025 (17%).
S6	Đầu tư công nghệ tăng trưởng mạnh: Giá trị đầu tư phần mềm/nhân viên tăng 35%/năm trong 3 năm, thể hiện định hướng số hóa rõ ràng nhằm duy trì năng lực cạnh tranh.

4.2. Tồn tại, hạn chế

W1	Quy mô VCSH còn khiêm tốn: Mức tăng VCSH còn khiêm tốn, chủ yếu đến từ lợi nhuận giữ lại, dẫn đến hạn chế để tạo được sự tăng trưởng nhanh về lợi nhuận. Công ty đã gần chạm tới các giới hạn tăng trưởng hoạt động theo quy mô VCSH về 2 lần cho vay margin và 70% đầu tư TPDN và TCTD, khiến dự địa tăng trưởng cho giai đoạn 5 năm tới bị hạn chế nếu không triển khai phương án tăng VCSH một cách quyết liệt.
W2	Hạ tầng công nghệ và dữ liệu: Việc tích hợp hệ thống công nghệ và dữ liệu trong hệ thống còn đang trong quá trình hoàn thiện, dẫn đến việc khai thác tập khách hàng trên quy mô lớn chưa đạt hiệu quả tối ưu; các sản phẩm số vẫn vận hành độc lập, chưa tận dụng được hết sức mạnh hệ sinh thái để tạo ra sự trải nghiệm xuyên suốt cho khách hàng.
W3	Rủi ro tập trung vào nguồn thu truyền thống: Trong điều kiện cạnh tranh gia tăng khiến biên lợi nhuận của các nghiệp vụ truyền thống có xu hướng thu hẹp, cơ cấu nguồn thu hiện vẫn phụ thuộc tương đối vào hoạt động môi giới và cho vay ký quỹ; cần có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang các nguồn thu phí dịch vụ như tư vấn tài chính hoặc quản lý tài sản cho phân khúc khách hàng giàu có.
W4	Quy mô nhân sự cho các hoạt động cốt lõi còn khiêm tốn: Cần chuyển đổi đội ngũ nhân sự môi giới theo hướng sử dụng tư vấn AI Broker để có nguồn lực chăm sóc và mở rộng tệp khách hàng, có chính sách động lực đặc biệt theo từng giai đoạn tăng trưởng để thu hút nhân sự trình độ cao phát triển sản phẩm tích hợp cho khách hàng giàu có.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BSC GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu chiến lược tổng quát

Trong giai đoạn tới, BSC hướng tới trở thành CTCK cung cấp hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính toàn diện, tổng thể và liên thông trên một nền tảng số hóa nhằm khai thác tối đa hệ sinh thái khách hàng của BSC cũng như các cổ đồng chiến lược.

Chiến lược này được triển khai trên 03 trụ cột trọng yếu: tài chính – công nghệ – sản phẩm. HĐQT đề xuất Tầm nhìn đến năm 2030 của BSC như sau:

- **Về năng lực tài chính:** Nâng cao quy mô vốn chủ sở hữu lên gấp khoảng 2 lần so với cuối năm 2025. Công ty tập trung tăng cường năng lực vốn và tối ưu cấu trúc nguồn lực nhằm mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sinh lời và củng cố nền tảng quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm tăng trưởng an toàn và bền vững.
- **Về công nghệ:** Đẩy mạnh xây dựng nền tảng giao dịch hợp nhất để có thể tích hợp toàn bộ hệ sinh thái sản phẩm, đồng thời tích hợp sâu hơn vào hệ sinh thái số của BIDV nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán liền mạch thông suốt cho khách hàng. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục ứng dụng AI và tự động hóa để cá nhân hóa trải nghiệm, nâng cao hiệu suất vận hành và tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn.
- **Về sản phẩm:** Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các nhóm khách hàng mục tiêu trên một nền tảng số hợp nhất. Phát triển nhanh và đa dạng hóa các nguồn thu từ các mảng dịch vụ tài chính - chứng khoán ít thâm dụng vốn.

2. Các giải pháp thực hiện trọng tâm

2.1. Giải pháp về tài chính:

BSC xác định tăng trưởng vốn và củng cố năng lực tài chính là giải pháp then chốt nhằm khắc phục hạn chế về quy mô vốn và tạo dư địa đủ lớn để nâng cao năng lực cạnh tranh với các công ty chứng khoán dẫn đầu. Công ty đặt mục tiêu triển khai lộ trình tăng vốn quyết liệt, nâng vốn chủ sở hữu lên gấp khoảng 2 lần so với mức tại 31/12/2025, đạt **trên 11.000 tỷ đồng** trong giai đoạn 2026–2027 thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc nhà đầu tư tài chính. Giai đoạn 2028–2030, BSC dự kiến tiếp tục mở rộng vốn chủ sở hữu lên khoảng 15.000 tỷ đồng thông qua việc giữ lại lợi nhuận hàng năm.

Song song với kế hoạch tăng vốn chủ sở hữu, BSC chủ động đa dạng hóa nguồn vốn nợ bằng cách tìm kiếm và sử dụng các khoản vay offshore từ các tổ chức tín dụng nước ngoài với chi phí cạnh tranh; sẵn sàng triển khai kênh phát hành trái phiếu riêng lẻ khi điều kiện thị trường thuận lợi. Đồng thời, BSC định hướng duy trì xếp hạng tín nhiệm cao để đảm bảo năng lực huy động vốn với chi phí cạnh tranh. Mục tiêu là tối ưu hóa cấu trúc vốn và sử dụng đòn bẩy tài chính một cách an toàn, hiệu quả.

BSC sẽ tiếp tục duy trì khẩu vị rủi ro chặt chẽ thông qua việc hoàn thiện hệ thống chính sách và quy trình quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, tăng cường văn hóa kiểm soát rủi ro trên toàn hệ thống, và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao năng lực đo lường, giám sát, cảnh báo sớm rủi ro, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn tài chính và yêu cầu của cơ quan quản lý.

2.2. Giải pháp về công nghệ:

Trọng tâm giai đoạn tới của BSC là phát triển nền tảng giao dịch trực tuyến hợp nhất toàn bộ hệ sinh thái sản phẩm. Nền tảng này sẽ được tích hợp sâu vào ứng dụng BIDV SmartBanking, cho phép khách hàng thực hiện phân bổ tài sản và giao dịch trên một giao diện duy nhất, hướng tới trải nghiệm “one-click” thuận tiện và tối ưu.

Đồng thời, BSC sẽ đẩy mạnh hợp tác với đối tác chiến lược Hana Securities trong lĩnh vực chuyển đổi số nhằm tích hợp các nền tảng giao dịch tiên tiến và các tính năng hỗ trợ bằng AI. Sự hợp tác này giúp tối ưu tốc độ xử lý giao dịch, nâng cao trải nghiệm số cho nhà đầu tư và xây dựng nền tảng công nghệ vững chắc, tạo đà mở rộng thị phần trong tương lai. BSC cũng sẽ triển khai các sản phẩm hỗ trợ đầu tư dựa trên ứng dụng AI và phân tích dữ liệu, qua đó cá nhân hóa trải nghiệm, sản phẩm và dịch vụ cho từng khách hàng.

Ngoài ra, BSC sẽ tập trung số hóa quy trình vận hành thông qua phát triển hệ thống công nghệ tích hợp, liên thông front-end và back-end cho các nhóm sản phẩm trọng điểm. Nhờ đó, dữ liệu và quy trình được đồng bộ, giảm thao tác thủ công và nâng cao hiệu quả vận hành, qua đó cải thiện biên lợi nhuận và tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn.

2.3. Giải pháp về sản phẩm:

BSC định hướng tập trung phát triển các sản phẩm tài chính đa dạng khác như phân phối trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, giấy tờ có giá, quản lý tài sản để tạo ra hệ sinh thái sản phẩm toàn diện đáp ứng nhu cầu đa dạng về khẩu vị rủi ro, thời gian nắm giữ.

Hoàn thành dự án thành lập Công ty Quản lý quỹ: BSC sẽ tiếp tục đẩy nhanh dự án thành lập Công ty Quản lý Quỹ (CTQLQ) trực thuộc trên cơ sở hợp tác với một đối tác tài chính quốc tế uy tín và giàu kinh nghiệm, nhằm xây dựng mô hình hoạt động hiệu quả theo tiêu chuẩn quốc tế. CTQLQ sẽ là mảnh ghép quan trọng hoàn thiện hệ sinh thái ngân hàng đầu tư, mở rộng nền tảng sản phẩm – dịch vụ theo chiều sâu, phục vụ hiệu quả phân khúc khách hàng VIP trong hệ sinh thái BIDV và tiếp cận các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt từ Hàn Quốc và Nhật Bản.

Về định hướng hoạt động, CTQLQ sẽ phát triển danh mục sản phẩm quản lý tài sản đa dạng như quỹ mở, quỹ ETF và dịch vụ ủy thác đầu tư. Các sản phẩm này được kỳ vọng mang lại nguồn thu phí ổn định và dài hạn, giúp đa dạng hóa cơ cấu doanh thu và bù đắp xu hướng suy giảm phí môi giới trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng trên thị trường chứng khoán.

Thúc đẩy và phát triển kênh bán chéo với BIDV và tăng cường hợp tác với Hana Securities: Tận dụng lợi thế từ hệ sinh thái, BSC sẽ tiếp tục đẩy mạnh các kênh bán chéo với BIDV nhằm mở rộng tệp khách hàng và gia tăng hiệu quả khai thác sản phẩm. Đồng thời, BSC cũng tăng cường hợp tác với Hana Securities để phát triển các dịch vụ số, phát triển các sản phẩm liên kết dòng vốn và sản phẩm tài chính xanh. Qua đó, góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và tối ưu hiệu quả kinh doanh trên toàn hệ thống.

2.4. Các giải pháp khác

2.4.1. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:

BSC xác định phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt để triển khai hiệu quả chiến lược dài hạn. Công ty ưu tiên phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn và hiệu quả, tập trung đào tạo trong các lĩnh vực chuyển đổi số, AI và phân tích dữ liệu, sản phẩm mới và các mảng kinh doanh tiềm năng để giúp nhân sự sẵn sàng thích ứng với các mô hình kinh doanh mới. Đồng thời, Công ty chú trọng nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ lãnh đạo trung và cao cấp để tăng cường hiệu quả quản trị điều hành.

Về chính sách đãi ngộ, BSC tiếp tục cải cách chính sách đãi ngộ theo hướng cạnh tranh, gắn với hiệu quả đóng góp và nghiên cứu triển khai chương trình ESOP nhằm giữ chân nhân sự chủ chốt, thu hút chuyên gia công nghệ – tài chính. Công ty cũng tăng cường luân chuyển cán bộ giữa các khối nghiệp vụ nhằm đa dạng hóa kinh nghiệm và xây dựng đội ngũ kế thừa.

2.4.2. Giải pháp phát triển BSC xanh và bền vững:

Giải pháp về xã hội: thực hiện trách nhiệm xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và nền kinh tế. Đồng thời, chú trọng chăm lo đời sống, sức khỏe người lao động, nâng cao năng lực đội ngũ và xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, đa dạng.

Giải pháp về quản trị: (i) Xây dựng cơ chế quản trị về phát triển bền vững thống nhất và xuyên suốt, (ii) Thực hành công bố thông tin phát triển bền vững theo quy định pháp lý và thông lệ tốt; (iii) Xây dựng văn hóa môi trường và tiết kiệm năng lượng, hướng tới mục tiêu văn phòng xanh.

III. Đề xuất của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

1. Định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030 BSC với các mục tiêu, giải pháp nêu trên;

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động rà soát, đánh giá và điều chỉnh Chiến lược phát triển giai đoạn 2026 – 2030 phù hợp với điều kiện thị trường thực tế nếu thấy cần thiết và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Dũng



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của BSC như sau:

1. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2026

Trên cơ sở đánh giá triển vọng kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026, BSC xác định các mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 của Công ty như sau:

1) Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi: Tập trung đẩy mạnh các mảng hoạt động cốt lõi bao gồm gia tăng thu nhập từ môi giới, tư vấn tài chính; tăng trưởng dư nợ cho vay; gia tăng quy mô và cải thiện hiệu quả đầu tư.

2) Mở rộng quy mô tài sản sinh lời: Gia tăng dư nợ cho vay margin, đồng thời mở rộng tài sản đầu tư tại các thời điểm thị trường thuận lợi để tối ưu hóa lợi nhuận, song song với quản trị rủi ro chặt chẽ.

3) Phát triển nền khách hàng và hệ sinh thái sản phẩm: Nghiên cứu, triển khai các giải pháp mở rộng nền khách hàng, đẩy mạnh hợp tác trong hệ thống BIDV; phát triển hệ sinh thái sản phẩm số nhằm nâng cao trải nghiệm và thu hút khách hàng mới;

4) Đẩy mạnh chuyển đổi số: Tiếp tục triển khai các dự án chuyển đổi số; đầu tư, nâng cấp hệ thống CNTT, thay thế phần mềm ứng dụng, đảm bảo an ninh bảo mật và hỗ trợ phát triển các sản phẩm, dịch vụ số;

5) Tăng cường quản trị rủi ro và tối ưu chi phí: Củng cố hệ thống cảnh báo, dự báo rủi ro, theo dõi sát diễn biến thị trường nhằm kịp thời ứng phó với các biến động; đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí, sử dụng hiệu quả nguồn lực để nâng cao kết quả kinh doanh và cải thiện chỉ số ROE.

2. Chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	700
2	Tỷ lệ vốn khả dụng	%	≥260

BSC đặt mục tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

1) Lợi nhuận trước thuế năm 2026 đạt **700 tỷ đồng**, tăng 14% so với TH2025;

2) Đảm bảo hoạt động diễn ra an toàn, hiệu quả; các tỷ lệ cho vay, đầu tư, tỷ lệ vốn khả dụng nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

3. Đề xuất của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của BSC với các chỉ tiêu nêu trên;
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2026 phù hợp với điều kiện thị trường (mức tăng trưởng và/hoặc quy mô thanh khoản thị trường...) nếu thấy cần thiết và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
Ngô Văn Dũng

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2025, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;

- Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp;

- Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;

- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV;

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của BSC như sau:

I. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán đã được BSC công bố thông tin theo quy định đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.bsc.com.vn) bao gồm:

- Báo cáo của Kiểm toán viên (trong đó ý kiến kiểm toán là chấp nhận toàn phần);
- Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025;
- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025;
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2025;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;

Trong đó, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:



Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu tại BCTC năm 2025	Số tiền
1	Tổng tài sản	16.627.752.225.049
2	Vốn chủ sở hữu	5.527.757.894.191
	<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	2.453.659.430.000
3	Lợi nhuận trước thuế	616.205.529.645
4	Lợi nhuận sau thuế	493.666.033.520

II. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2025 theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, đồng thời bảo đảm nguồn thu nhập từ hoạt động đầu tư vốn và hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, Hội đồng quản trị BSC đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận 2025 theo kế hoạch cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Công thức/ghi chú	PPLNST 2025
I	Lợi nhuận năm 2025		493.666.033.520
II	Lợi nhuận còn lại các năm trước		524.052.519.654
III	Lợi nhuận chưa phân phối	(III) = (I) + (II)	1.017.718.553.174
IV	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách		276.000.000
V	Phương án phân phối lợi nhuận		
1	Lợi nhuận sử dụng để phân phối	(1) = III - IV	1.017.442.553.174
2	Trích lập các quỹ	(2) = (2.1)	43.690.000.000
2.1	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	(2.1)	43.690.000.000
2.2	<i>Tỷ lệ trích (so với Lợi nhuận chưa phân phối)</i>	(2.2) = (2.1)/(III)	4,29%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau trích quỹ và trả thù lao	(3) = (1) - (2)	973.752.553.174
4	Chi trả cổ tức (*)	(4) = (4.1) x (4.2)	245.365.943.000
4.1	<i>Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (không tính cổ phiếu quỹ)</i>		2.453.659.430.000

4.2	Tỷ lệ chi trả cổ tức (bằng cổ phiếu)		10%
VI	Tổng lợi nhuận còn lại	(VI) = (3) - (4)	728.386.610.174

Ghi chú: - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nghĩa vụ thuế cũng như lãi tính thuế ước tính của BSC chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán. Trường hợp số thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế, lợi nhuận để lại trên bảng số liệu trên có thể sẽ điều chỉnh lại tương ứng.

- (*): Số liệu này có thể được điều chỉnh, cập nhật theo số lượng cổ phiếu BSI đang lưu hành thực tế tại ngày chốt giao dịch hưởng quyền để thực hiện chi trả cổ tức và tình hình xử lý cổ phiếu lẻ.

Đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và phê duyệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Dựa trên kế hoạch lợi nhuận kinh doanh năm 2026 của BSC, Hội đồng quản trị đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

- Tỷ lệ chi trả:** Dự kiến 10%/ mệnh giá cổ phiếu.
- Hình thức chi trả:** Bằng tiền mặt và/hoặc bằng cổ phiếu. Đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức chi trả phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh thực tế, đảm bảo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quyền lợi của cổ đông.
- Thời gian thực hiện:** Đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2026, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức thành các đợt phù hợp.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Dũng



TỜ TRÌNH**V/v: Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và Dự toán thù lao năm 2026****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Liên quan đến thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) năm 2025 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2026 của Công ty cổ phần chứng khoán BIDV (BSC), HĐQT báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) cụ thể như sau:

I. Báo cáo chi trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025**1. Phê duyệt của ĐHĐCĐ năm 2025**

Theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025, mức thù lao đối với thành viên HĐQT và BKS năm 2025 như sau:

1.1. Đối với thành viên chuyên trách

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Hoạt động theo chế độ chuyên trách và hưởng lương theo Quy chế chi trả thu nhập của BSC.

- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

+ Mức thù lao tối thiểu (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty và kết quả hoàn thành nhiệm vụ (KPI) của nhân sự): 1.786.000.000 VND (tỷ giá tạm tính là 25.670 VND/USD);

+ Mức thù lao tối đa (trong trường hợp BSC hoàn thành chỉ tiêu LNTT được giao và phụ thuộc vào KPI cá nhân của nhân sự): 2.967.000.000 VND (tỷ giá tạm tính là 25.670 VND/USD).

* Ghi chú: Mức thù lao trên chưa bao gồm Thuế nhà thầu và chênh lệch tỷ giá VND/USD (nếu có).

1.2. Đối với thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm:

- | | |
|--------------------------------|-------------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị | : 10.000.000 VND/tháng; |
| - Thành viên Hội đồng quản trị | : 5.000.000 VND/tháng; |
| - Trưởng Ban Kiểm soát | : 5.000.000 VND/tháng; |
| - Thành viên Ban kiểm soát | : 3.000.000 VND/tháng. |



** Ghi chú: Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do HSC để cử từ chối nhận thù lao.*

2. Số liệu quyết toán thực tế

2.1. Đối với thành viên chuyên trách: Ông Chung Jae Hoon – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị:

Căn cứ kết quả hoàn thành KPI của Công ty và cá nhân ông Chung, mức thù lao năm 2025 của Phó Chủ tịch HĐQT là 3.001.757.072 VND (tăng ~35 triệu VND so với dự toán do biến động tỷ giá VND/USD trong năm 2025).

2.2. Đối với Thành viên HĐQT và Thành viên BKS hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm: Tổng thù lao là 276.000.000 VND.

II. Dự toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2026

Căn cứ phương án nhân sự tham gia HĐQT và BKS của BSC nhiệm kỳ 2026 – 2031, HĐQT đề xuất Dự toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2026 như sau:

1. Đối với thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 VND/tháng;
- Thành viên Hội đồng quản trị : 5.000.000 VND/tháng;
- Trưởng Ban Kiểm soát : 5.000.000 VND/tháng;
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.000.000 VND/tháng.

** Ghi chú: các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do HSC để cử từ chối nhận thù lao.*

2. Đối với thành viên HĐQT chuyên trách

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc hoạt động theo chế độ chuyên trách và hưởng lương theo Quy chế chi trả tiền lương của Công ty;

- Đối với Phó Chủ tịch HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc) và thành viên chuyên trách HĐQT (dự kiến bắt đầu từ ngày 22/04/2026).

+ Mức tối thiểu (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty): 2.853.300.000 VND;

+ Mức tối đa (phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty và KPI cá nhân của nhân sự - với giả định KPIs đạt 100%): 4.755.500.000 VND.

** Ghi chú: mức thù lao trên chưa bao gồm Thuế nhà thầu và chênh lệch tỷ giá VND/USD (nếu có)*

3. Thương từ các nguồn hình thành từ LNST (Quỹ thưởng Người quản lý, Phúc lợi...) và phụ cấp tham gia các cuộc họp HĐQT...: Thực hiện theo phê duyệt của ĐHCĐ về phân phối lợi nhuận sau thuế và các quy định của Công ty.

Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2021 - 2026 báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Văn Dũng





TỜ TRÌNH

V/v: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC).

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC với các nội dung như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của BSC

Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ hiện tại	:	2.453.659.430.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	245.365.943 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	245.365.943 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức	:	24.536.594 cổ phiếu ^(*) (tương đương 10% số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	:	245.365.940.000 đồng ^(*) (Bằng chữ: Hai trăm bốn lăm tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)



Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	:	2.699.025.370.000 đồng ^(*)
Mục đích phát hành	:	Tăng vốn điều lệ phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty
Nguồn vốn thực hiện	:	Từ Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.
Đối tượng nhận cổ phiếu	:	Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu
Tỷ lệ thực hiện quyền	:	10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức)
Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	:	Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 111 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1 thì cổ đông A được nhận là $111/10 * 1 = 11,1$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, cổ đông A được nhận thêm 11 cổ phiếu mới theo phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Số cổ phiếu lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ</i>
Thời gian dự kiến phát hành	:	Dự kiến trong năm 2026
Đăng ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm	:	Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi kết thúc đợt phát hành theo quy định

(*) Ghi chú: Số lượng cổ phiếu phát hành thực tế và Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành có thể thay đổi do xử lý cổ phiếu lẻ và tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.

II. Triển khai thực hiện:

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ của Công ty được nêu tại Mục I của Tờ trình này.

2. Giao/Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn, các công việc sau đây:

2.1. Quyết định các nội dung chi tiết của Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp với tình hình thực tế.

2.2. Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu theo đề nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần).

2.3. Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết trong quá trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, bao gồm: (i) sửa đổi/bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại Cơ quan đăng ký kinh doanh; (iii) điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM; (v) thay đổi Vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức Vốn điều lệ và các điều khoản có liên quan khác trong Điều lệ của Công ty phù hợp với mức Vốn điều lệ mới sau đợt phát hành; và (vi) các thủ tục khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2.4. Quyết định và thực hiện toàn bộ các công việc, thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Phương án đã được phê duyệt, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để thực hiện một hoặc một số các công việc nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt!

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Dũng

TỜ TRÌNH

**V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét, kiểm toán
Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giai đoạn 2026-2028**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC).

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm tài chính giai đoạn 2026-2028 của BSC như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết;
- Là một trong những công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu trên thị trường;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng tài chính lớn tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của BSC về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán;
- Không phát sinh xung đột lợi ích khi kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính cho BSC.

2. Đề xuất các công ty kiểm toán đưa vào danh sách lựa chọn

Dựa trên các tiêu thức lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát kính đề xuất 04 công ty kiểm toán nhằm chọn ra đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho giai đoạn 2026-2028 cho BSC bao gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH PWC (Việt Nam).

Đây là bốn (04) công ty kiểm toán lớn (Big4) đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các công ty niêm yết và hoàn toàn độc lập với BSC. Ngoài ra, chất lượng kiểm toán của các công ty này đã được thế giới và thị trường Việt Nam công nhận rộng rãi trong thời gian qua.

3. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Với các đề xuất nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ:

- Thông qua các tiêu chí nêu tại mục 1 và danh sách các công ty kiểm toán nêu tại mục 2 để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho giai đoạn 2026-2028 của BSC;

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định việc lựa chọn một trong 04 công ty kiểm toán theo đề xuất tại mục 2 nêu trên để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho giai đoạn 2026-2028 của Công ty.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu VT

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thanh Thủy

TỜ TRÌNH**V/v: Sửa đổi Điều lệ và các văn bản về quản trị điều hành của Công ty****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty***Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi Điều lệ và các văn bản về quản trị điều hành của Công ty như sau:

1. Các văn bản về quản trị điều hành của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung:

- a) Điều lệ Công ty;
- b) Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- c) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung

a) Lý do sửa đổi, bổ sung

Các nội dung được sửa đổi nhằm đảm bảo phù hợp (i) với thực tiễn tổ chức, hoạt động của BSC, (ii) các quy định của Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025, Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Một số điểm sửa đổi chính:

- Bỏ nội dung quy định về thu hồi cổ phần do quy định này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp khi đăng ký thành lập.

- Sửa đổi một số quy định liên quan đến việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; điều chỉnh quy định về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, quy định về số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, quy định về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị,...

- Bổ sung thêm một số quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, quy định về điều kiện của Tổng Giám đốc.

- Chỉnh sửa, điều chỉnh một số từ ngữ, thuật ngữ, cách diễn giải để đảm bảo bám sát quy định pháp luật liên quan.

** Các nội dung sửa đổi chi tiết theo Dự thảo đính kèm tờ trình này. Thuyết minh các nội dung sửa đổi và Dự thảo các văn bản sửa đổi đã được Công ty đăng tải trên website BSC.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Văn Dũng

PHỤ LỤC 01: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ BSC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
1	Điều 1.1.4 Giải thích thuật ngữ	1.1.4. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản	1.1.4. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác	Phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Luật doanh nghiệp sửa đổi năm 2025
2	Điều 1.1.6 Giải thích thuật ngữ	1.1.6. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024.	1.1.6. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ.	Đảm bảo việc cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật khi có sự thay đổi
3	Điều 1.1.7 Giải thích thuật ngữ	1.1.7. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật	Đảm bảo việc cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật khi có sự thay đổi

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<i>Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022</i>	<i>Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ.</i>	
4	Điều 1.1.8 Giải thích thuật ngữ	Không có	<i>1.1.8. "Nghị định 155/2020/NĐ-CP" có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ</i>	Nhằm sử dụng thống nhất thuật ngữ trong các nội dung của Điều lệ
5	Điều 1.1.16 Giải thích thuật ngữ	Không có	<i>1.1.16. "Thông tư 121/2020/TT-BTC" có nghĩa là Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời kỳ</i>	Nhằm sử dụng thống nhất thuật ngữ trong các nội dung của Điều lệ
6	Điều 10.2 Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác	10.2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty	10.2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện hợp pháp của Công ty (bao gồm người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền) và dấu của Công ty.	Nhằm đảm bảo việc triển khai phát hành các chứng chỉ chứng khoán (như trái phiếu) tại BSC

7	Điều 12.2. Thu hồi cổ phần	<p><i>12.2. Thu hồi cổ phần</i></p> <p><i>12.2.1. Trường hợp có đồng không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</i></p> <p><i>12.2.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ: Thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</i></p> <p><i>12.2.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</i></p> <p><i>12.2.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối</i></p>	Bổ nội dung này	Điều 10 Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC quy định: quy định này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp khi đăng ký thành lập
---	-------------------------------	--	-----------------	---

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><i>hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</i></p> <p><i>12.2.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</i></p> <p><i>12.2.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</i></p>		
8	Điều 17.2 Đại hội	17.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và	17.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.	Làm rõ các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ có thể được xem xét thông

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
	đồng cổ đông	lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên <i>quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán.</i> Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.	Đại hội đồng cổ đông thường niên <i>quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán-thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại khoản 18.2.1, 18.2.2, 18.2.3, 18.2.4, 18.2.5, 18.2.6 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</i> Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.	qua và thảo luận tại ĐHĐCĐ thường niên
9	Điều 17.3.3 Đại hội đồng cổ đông	17.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, <i>trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và yêu cầu được lập thành nhiều bản và</i>	17.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, <i>trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ</i>	Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật doanh nghiệp sửa đổi năm 2025

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<i>tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</i>	<i>liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i>	
10	Điều 17.4.3 Đại hội đồng cổ đông	17.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 17.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 17.3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;	17.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 17.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 17.3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;	Thông nhất với quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
11	Điều 18.1.12 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	18.1.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;	18.1.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; <i>thông qua tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính</i>	Phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư 121/2020/TT-BTC (và các văn bản sửa đổi, bổ sung)
12	Điều 18.2 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	18.2. Đại hội đồng cổ đông <i>thảo luận</i> và thông qua các vấn đề sau: ... 18.2.18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại <i>khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</i> ; ... 18.2.20. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	18.2. Đại hội đồng cổ đông <i>thảo luận quyết định</i> và thông qua các vấn đề sau: ... 18.2.18. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Điều 59.3 Điều lệ này; ... 18.2.20. Các vấn đề khác <i>thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông</i> theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	Nhằm tránh dẫn đến cách hiểu các quy định tại Điều 18.2 đều phải được thông qua thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, việc sửa đổi này cũng nhằm thống nhất với quy định tại Điều 25.1.1 Điều lệ Công ty (theo đó, theo quy định tại Điều 25.1.1 Điều lệ Công ty, HĐQT được quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ). Ngoài ra, sửa đổi Điều 18.2.18 nhằm đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 59.3 của Điều lệ.
13	Điều 25.1 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ	25.1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:	25.1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 25.1.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề	Nhằm làm rõ các nội dung Hội đồng quản trị được lấy ý kiến các cổ đông bằng văn bản.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
	đồng bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25.1.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông <i>bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</i>	thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty quy định tại khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ này.	
14	Điều 29.3. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	29.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty phải đảm bảo quy định sau: 29.3.1. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; 29.3.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; 29.3.3. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Phù hợp với quy định tại khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
15	Điều 30.2.22 Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	30.2.22. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro theo quy định tại Điều 11 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế trong từng thời kỳ);	30.2.22. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro, theo quy định tại Điều 11 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 9 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế trong từng thời kỳ) và nhiệm vụ kiểm soát nội bộ theo quy định pháp luật.	Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 121/2020/TT-BTC (và các văn bản sửa đổi, bổ sung)
16	Điều 30.2.23 Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	Không có	30.2.23. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;	Phù hợp với quy định tại khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
17	Điều 30.2.24 Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	Không có	30.2.24. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;	Phù hợp với quy định tại khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
18	Điều 32.1.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	32.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác;	32.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;	Phù hợp với quy định tại khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
19	Điều 32.1.6 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Không có	32.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 32.1.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có)	Nhằm hạn chế các trường hợp pháp luật thay đổi và bổ sung các điều kiện mới đối với thành viên Hội đồng quản trị dẫn đến phải sửa đổi Điều lệ
20	Điều 32.2.6 Tiêu chuẩn và điều kiện thành thành viên Hội đồng quản trị	Không có	32.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau: 32.2.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có)	Nhằm hạn chế các trường hợp pháp luật thay đổi và bổ sung các điều kiện mới đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị dẫn đến phải sửa đổi Điều lệ

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
21	Điều 35.2 Biên bản họp HĐQT	35.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ 35.1.1 đến 35.1.8 Điều này thì biên bản họp có hiệu lực.	35.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ 35.1.1 đến 35.1.8 Điều này thì biên bản họp có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định pháp luật và Điều lệ này</i>	Phù hợp với khoản 6 Điều 7 Luật doanh nghiệp sửa đổi năm 2022
22	Điều 44.1.4 Tiêu chuẩn và điều kiện làm TGD, Phó TGD	Không có	<i>44.1.4. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</i>	Phù hợp với quy định tại khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
23	Điều 69.1 Kiểm toán	69.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị	69.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị	Nhằm phù hợp với triển khai trong hoạt động của BSC
24	Điều 74. Thanh lý	74.3.5. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điều 74.3.1 đến 74.3.4 Điều lệ này sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại sẽ ưu tiên thanh toán trước.	74.3.5. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ, <i>chi phí quy định</i> từ Điều 74.3.1 đến 74.3.4 Điều lệ này sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại sẽ ưu tiên thanh toán trước.	Phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 208 Luật doanh nghiệp năm 2020
25	Chương 13 Giải quyết tranh chấp nội bộ	Không có	<i>Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i> <i>76.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc thỏa thuận giữa:</i> <i>76.1.1. Cổ đông với Công ty;</i> <i>76.1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;</i> <i>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp</i>	Nhằm đảm bảo việc triển khai trong quá trình giải quyết tranh chấp nội bộ tại BSC

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p><i>tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</i></p> <p><i>76.2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</i></p> <p><i>76.3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</i></p>	
26	Điều 77. Bổ sung và sửa đổi điều lệ	77.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định, <i>trừ trường hợp tự động cập nhật theo các điều khoản chi tiết khác tại Điều lệ này.</i>	77.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. <i>trừ trường hợp tự động cập nhật theo các điều khoản chi tiết khác tại Điều lệ này.</i>	Phù hợp với quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG BSC ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA	LÝ DO SỬA ĐỔI
27	Điều 78.4 Ngày hiệu lực	78.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu (1/2) một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.	78.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu (1/2) một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về công tác văn thư của Công ty.	Nhằm tạo thuận lợi cho việc trích sao Điều lệ Công ty phù hợp theo quy định nội bộ của BSC.

PHỤ LỤC 02: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
1	Điều 3.3.3 Đại hội đồng cổ đông	3.3.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	3.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Tương ứng với nội dung sửa tại Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
2	Điều 3.4.3 Đại hội đồng cổ đông	3.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 3.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 3.3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty	3.4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 3.4.2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 3.3.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty	Tương ứng với phần sửa tại điều lệ Công ty
3	Điều 13.3 Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	13.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	13.3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty phải đảm bảo quy định sau: 13.3.1. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; 13.3.2. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; 13.3.3. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên	Tương ứng với phần sửa tại Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
			Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	
4	Điều 16.1.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	16.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty <i>có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác;</i>	Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác	Tương ứng với phần sửa tại Điều lệ Công ty
5	Điều 16.1.5 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Không có	<i>16.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ</i>	Tương ứng với phần bổ sung tại Điều lệ Công ty
6	Điều 16.1.6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Không có	<i>16.1.6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có)</i>	Tương ứng với phần bổ sung tại Điều lệ Công ty
7	Điều 16.2.6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	Không có	<i>16.2.6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật (nếu có)</i>	Tương ứng với phần bổ sung tại Điều lệ Công ty
8	Điều 32.4	Không có	<i>32.4. Tổng Giám đốc không được là người có liên</i>	Tương tự như nội dung bổ sung tại

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	Tiêu chuẩn và điều kiện là TGD		<i>quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</i>	Điều lệ Công ty

PHỤ LỤC 3: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
1	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. <i>Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định</i>	2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định <i>Nguyên tắc, nội dung và hình thức cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.</i>	Điều chỉnh để thống nhất với các nội dung quy định tại Điều lệ Công ty. Ngoài ra việc cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT của BSC hiện tại thực hiện theo Quy chế về chế độ thông tin báo cáo phục vụ hoạt động của HĐQT do HĐQT ban hành.
2	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập	Bỏ nội dung này	Điều chỉnh để thống nhất với các quy định tại Điều lệ Công ty
3	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <i>có thể</i> đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác ... e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể <i>chi</i> được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <i>hoặc</i> Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty <i>quy định pháp luật (nếu có)</i>	Tương ứng với nội dung sửa đổi tại Điều lệ Công ty
4	Điều 6. Tiêu	2. Thành viên Hội đồng quản trị	2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy	Điều chỉnh để thống nhất với các quy

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
	chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty	định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty quy định pháp luật (nếu có)	định tại Điều lệ Công ty
5	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: ... đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty	5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: ... đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty	Điều chỉnh để thống nhất theo quy định tại Điều lệ Công ty.
6	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ...	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty (nếu có). 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty (nếu có)	Thống nhất với các quy định tại Điều lệ Công ty

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
		b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty		
7	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (giám đốc), Người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý khác của công ty;</p> <p>s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;</p>	Bổ sung tương tự như nội dung bổ sung tại Điều lệ Công ty và phù hợp theo quy định pháp luật.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
8	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	<p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</p>	<p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	Sửa đổi tương tự như nội dung sửa đổi tại Điều lệ Công ty và phù hợp theo quy định pháp luật

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
9	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... đ) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... đ) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định (<i>nếu có</i>)	Điều chỉnh để thống nhất với các quy định tại Điều lệ Công ty
10	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	13. <i>Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn</i> , nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	13. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn . Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh để thống nhất với các quy định tại Điều lệ Công ty.
11	Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự <i>họp</i> ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự <i>họp</i> và <i>đồng ý thông qua biên bản họp</i> ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên</i>	Sửa đổi tương ứng với nội dung sửa đổi tại Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định pháp luật.

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG BAN ĐẦU	NỘI DUNG CHỈNH SỬA	LÝ DO ĐIỀU CHỈNH
			<i>bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định pháp luật và Điều lệ này</i>	

TỜ TRÌNH**V/v: Bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty***Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời kỳ;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC);
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định liên quan;
- Đề cử nhân sự tham gia HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031 của các cổ đông lớn BIDV và Hana Securities (HSC).

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

I. Thông qua số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2026-2031:

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định liên quan, số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập; số lượng thành viên Ban Kiểm soát từ ba (03) đến năm (05) thành viên.

Tại nhiệm kỳ 2021-2026, ĐHĐCD BSC đã thông qua cơ cấu HĐQT gồm 05 thành viên và cơ cấu BKS gồm 03 thành viên. Để đảm bảo yêu cầu về quản trị công ty, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiếp tục thông qua: (i)- số lượng Thành viên HĐQT BSC nhiệm kỳ 2026-2031 gồm 05 thành viên, trong đó gồm 01 thành viên HĐQT độc lập; (ii)- số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 gồm 03 thành viên.

II. Giới thiệu Đại hội đồng cổ đông bầu nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2026-2031.

Căn cứ đề cử của các cổ đông lớn BIDV và HSC, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông danh sách nhân sự đề cử bầu tham gia Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2026-2031 bao gồm:

- + Ông Ngô Văn Dũng (do cổ đông lớn BIDV đề cử);
- + Ông Nguyễn Duy Viễn (do cổ đông lớn BIDV đề cử);
- + Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh (do cổ đông lớn BIDV đề cử);
- + Ông Chung Jae Hoon (do cổ đông lớn Hana Securities đề cử);



+ Ông Choi Young Soo (do cổ đông lớn Hana Securities đề cử tham gia là Thành viên HĐQT độc lập BSC).

(Lý lịch trích ngang các nhân sự được đề cử tại Phụ lục đính kèm)

Các nhân sự nêu trên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện về Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định.

III. Giới thiệu và trình Đại hội đồng cổ đông bầu nhân sự Thành viên Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2026-2031

Căn cứ đề cử của cổ đông lớn BIDV và HSC, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách nhân sự đề cử bầu tham gia Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2026-2031 bao gồm:

+ Bà Phạm Thanh Thủy (do cổ đông lớn BIDV đề cử);

+ Bà Vũ Minh Châu (do cổ đông lớn BIDV đề cử);

+ Ông Cho Sung Jae (do cổ đông lớn Hana Securities đề cử).

(Lý lịch trích ngang các nhân sự được đề cử tại Phụ lục đính kèm)

Các nhân sự nêu trên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện về Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

IV. Đề cử, ứng cử của nhóm cổ đông khác

Trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông khác sở hữu từ 10% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty thực hiện đề cử/ứng cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2026-2031: Thực hiện theo Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2021 - 2026 báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
Ngô Văn Dũng

**Phụ lục 01: Thông tin trích ngang của các nhân sự đề cử bầu tham gia
Hội đồng quản trị BSC nhiệm kỳ 2026-2031**

1. Thông tin trích ngang của ông Ngô Văn Dũng:

- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác: 07/1991 – 12/1996: Thanh tra viên Thanh tra Ngân hàng Nhà nước; 01/1997 - 11/1998: Phó trưởng phòng Thanh tra Ngân hàng Nhà nước; 12/1998 - 12/1999: Phó trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thăng Long; 01/2000 - 04/2001: Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thăng Long; 05/2001 - 08/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thăng Long; 09/2002 - 08/2004: Phó Giám đốc Ban Tín dụng, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam; 09/2004 - 07/2007: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam; 08/2007 - 12/2007: Phó giám đốc phụ trách Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội; 12/2007 – 05/2015: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Nội; 01/06/2015 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam; 10/01/2025 – nay: Người đại diện 10% phần vốn nhà nước tại BIDV; 04/2019 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

2. Thông tin trích ngang của ông Nguyễn Duy Viễn:

- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Luật sư
- Quá trình công tác: 12/2000 – 03/2001: Cán bộ phòng Tín dụng – Chi nhánh SỞ GIAO DỊCH 1 BIDV; 03/2001 – 09/2004: Cán bộ phòng Tín dụng BIDV Chi nhánh BẮC HÀ NỘI; 10/2004 – 08/2007: Cán bộ tín dụng Phòng Tín dụng 2 - Ban Tín dụng – Trụ sở chính – BIDV; 09/2007 – 11/2007: Phó Trưởng phòng - Phòng Pháp chế tín dụng - Ban Tín dụng - Trụ sở chính – BIDV; 12/2007 – 09/2009: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam; 10/2009 – 07/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam; 08/2012 – 10/2012: Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam; 11/2012 – 12/2017: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam; 01/2018 – 02/2019: Phó Giám đốc Ban - Ban Giám đốc - Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn BIDV; 03/2019 – 17/6/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán BIDV; 06/2020 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán BIDV.

3. Thông tin trích ngang của bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh:

- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình công tác: 09/1996 – 11/1998: Cán bộ Công ty Tư vấn xây dựng công trình giao thông II; 12/1998 – 15/01/2005: Cán bộ Phòng Thẩm định BIDV; 01/2005 – 8/2006: Phó phòng Thẩm định, Ban Thẩm định BIDV; 08/2006 – 09/2008: Trưởng phòng Thẩm định 1 – Ban Thẩm định BIDV; 09/2008 – 5/2011: Trưởng Phòng Tài trợ Dự án – Ban Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp BIDV; 05/2011 – 11/2011: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Thành BIDV;



11/2011 – 08/2013: Phó Giám đốc Ban Quản lý Rủi Ro Tín dụng BIDV; 8/2013 – nay: Phó Giám đốc Ban Kế hoạch BIDV.

4. Thông tin trích ngang của ông Chung Jae Hoon:

- Năm sinh: 1977

- Quốc tịch: Hàn Quốc

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác: 10/2002 – 05/2007: Phó Trưởng Bộ phận, Công ty TNHH Chứng khoán Hana (HSC) – CN Jamsil; 05/2007 – 04/2008: Phó Trưởng Bộ phận, Bộ phận Kế hoạch Chiến lược HSC; 04/2008 – 07/2010: Trưởng Bộ phận, Phòng Phát triển Nguồn Nhân lực, HSC; 07/2010 – 06/2012: Trưởng Bộ phận, Phòng Kế hoạch Quản lý, HSC; 06/2012 – 03/2013: Phó Trưởng Phòng Kinh doanh Quốc tế, HSC; 07/2014 – 04/2018: Phó Trưởng Phòng Quản lý Sản phẩm Wrap, HSC; 04/2018 – 01/2021: Trưởng Phòng Dịch vụ Sản phẩm Đầu tư; 01/2021 – 11/2022: Trưởng Phòng Sản phẩm Tài chính Bán buôn 1, HSC; 11/2022 – nay: Phó Chủ tịch kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán BIDV.

5. Thông tin trích ngang của ông Choi Young Soo:

- Năm sinh: 1976

- Quốc tịch: Hàn Quốc

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác: 01/2002 – 07/2003: Chuyên viên, Ngân hàng Exchange Hàn Quốc – CN Sinsadong; 08/2003 – 07/2008: Phó Trưởng Bộ phận Chính sách Tín dụng, Khối Ngân hàng Đầu tư, Ngân hàng Exchange Hàn Quốc; 08/2008 – 02/2009: Trưởng Bộ phận M&A, Khối IB, Ngân hàng Exchange Hàn Quốc; 03/2009 – 01/2014: Phó Trưởng Phòng Thư ký, Ngân hàng Exchange Hàn Quốc; 02/2014 – 07/2017: Trưởng Phòng Ngân hàng Đầu tư, Ngân hàng Hana – CN Sydney; 08/2017 – 07/2018: Phó Trưởng Phòng Tín dụng Doanh nghiệp/FDI, Khối Kinh doanh, Ngân hàng Hana; 08/2018 – 12/2018: Phó Trưởng Phòng Tài chính Bất động sản Toàn cầu, Khối Ngân hàng Đầu tư Toàn cầu, Ngân hàng Hana; 01/2019 – 03/2020: Trưởng Phòng Tài chính Bất động sản Toàn cầu, Khối Ngân hàng Đầu tư Toàn cầu, Ngân hàng Hana; 04/2020 – 07/2021: Trưởng Phòng Chiến lược Tăng trưởng Toàn cầu, Tập đoàn Tài chính Hana; 07/2021 – nay: Giám đốc Khối Đầu tư Vốn Cổ phần Tư nhân Toàn cầu, Công ty Chứng khoán Hana.

**Phụ lục 02: Thông tin trích ngang của các nhân sự đề cử bầu tham gia
Ban Kiểm soát BSC nhiệm kỳ 2026-2031**

1. Thông tin trích ngang của bà Phạm Thanh Thủy:

- Năm sinh: 1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình công tác: 12/1995 – 09/2003: Chuyên viên – BIDV CN Sở Giao dịch 1; 09/2003 – 02/2009: Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng/Tài chính Kế toán BIDV – CN Hà Thành; 03/2009 – 06/2013: Phó Giám đốc – Ban Giám đốc – BIDV CN Hà Thành; 06/2013 – nay: Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV; 04/2021 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

2. Thông tin trích ngang của bà Vũ Minh Châu:

- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
- Quá trình công tác: 02/2006 – 01/2013: Chuyên viên, Ban Đầu tư, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); 01/2013 – 12/2020: Phó Trưởng phòng, Ban Đầu tư BIDV; 12/2020 – nay: Trưởng phòng, Ban Quản lý Đầu tư BIDV; 04/2021 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Chứng khoán BIDV; 06/2024 – nay: Thành viên Hội đồng Thành viên, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính BIDV SUMI TRUST.

3. Thông tin trích ngang của ông Cho Sung Jae:

- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác: 06/2001 – 04/2004: Chuyên viên, Phòng Kế toán, CTCP SAMIS; 05/2004 – 04/2005: Phó Trưởng Bộ phận, Phòng Kế toán, CTCP NOVUS; 05/2005 – 05/2006: Trưởng Bộ phận, Phòng Kế toán, Tập đoàn Kiểm toán Samjong KPMG; 01/2006 – 12/2020: Phó Trưởng Phòng Chiến lược, Công ty Chứng khoán Hana (HSC); 01/2021 – 12/2023: Trưởng Phòng Quản lý rủi ro Tín dụng, HSC; 01/2024 – nay: Trưởng Phòng Tài chính Kế toán, HSC; 04/2025 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Chứng khoán BIDV.

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV**

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi là “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (sau đây gọi là “**Công ty**”).

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, người tham dự họp Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội hoặc ủy quyền hợp lệ cho người khác tham dự Đại hội.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN KHI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện được uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.



2. Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không đến dự Đại hội đồng cổ đông được, nếu muốn ủy quyền thì có thể ủy quyền bằng Giấy ủy quyền hợp lệ theo quy định của BSC cho người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội, hoặc gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Ban Tổ chức Đại hội chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (trước 8h30 ngày 21/04/2026).

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo các giấy tờ sau: (i) Thông báo mời họp; (ii) Giấy tờ tùy thân (Thẻ CC/CCCD/Hộ chiếu còn hiệu lực), (iii) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trường hợp cổ đông là tổ chức), (iv) Giấy ủy quyền (nếu là đại diện được ủy quyền của cổ đông) để làm các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ.

3. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận thẻ biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết.

4. Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty sẽ thông báo công khai chương trình Đại hội. Những ý kiến của các cổ đông hoặc thông qua đại diện ủy quyền tại Đại hội sẽ được thảo luận công khai và biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết tùy theo từng vấn đề.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp đã khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

7. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban Kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi là "**Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**") do Hội đồng quản trị thông qua, có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình;

b) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội;

c) Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu gồm một Trưởng ban và một số ủy viên không phải là các ứng viên vào thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban Kiểm soát, do Chủ tọa giới thiệu, đề xuất và được Đại hội biểu quyết thông qua tại cuộc họp.

Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

- Hướng dẫn cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cách sử dụng Thẻ biểu quyết;

- Kiểm đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại và báo cáo kết quả biểu quyết để Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội;

b) Đối với việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát:

- Hướng dẫn Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- Hướng dẫn cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cách sử dụng Phiếu bầu cử;

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu, bầu cử của các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

- Phân phát và thu phiếu bầu cử;

- Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 5. Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cuối cùng.

3. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành Đại hội một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không qua 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
5. Ban Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 7. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong thời gian $\frac{1}{2}$ ngày.
2. Sau khi hoàn thành các thủ tục khai mạc để buổi họp được diễn ra hợp lệ, chương trình và nội dung họp sẽ được Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua.

Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội và thảo luận trước khi biểu quyết thông qua từng vấn đề trong nội dung trên.

Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 8. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội

1. Cổ đông phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn tại Đại hội phải thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Phải giơ tay xin ý kiến của Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa đồng ý. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu.

b) Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình.

c) Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.

d) Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự sau.

2. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Ngắn gọn, rõ ràng và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua.

b) Tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

c) Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp.

d) Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

Điều 9. Thông qua Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các vấn đề theo các hình thức sau:

a) Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng Thẻ biểu quyết;

b) Biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tới dự họp, khi đó người đại diện ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp;

c) Gửi phiếu biểu quyết vắng mặt bằng thư đảm bảo đến Ban Tổ chức Đại hội chậm nhất một ngày trước khi khai mạc cuộc họp (trước 08h30 ngày 21/04/2026). Trong trường hợp này, Trưởng ban Kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Hình thức biểu quyết các vấn đề

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội được thực hiện bằng hai (02) hình thức: biểu quyết trực tiếp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và biểu quyết vắng mặt qua Phiếu biểu quyết vắng mặt (theo mẫu) được gửi kèm Thông báo mời họp tới cổ đông theo quy định.

a) Đối với trường hợp biểu quyết trực tiếp bằng Thẻ biểu quyết: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ biểu quyết cho từng nội dung trong chương trình Đại hội bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung biểu quyết.

b) Đối với trường hợp biểu quyết vắng mặt bằng Phiếu biểu quyết: cổ đông sẽ cho ý kiến Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung cụ thể và gửi lại cho Ban tổ chức theo thời hạn quy định.

Ban Kiểm phiếu sẽ có trách nhiệm kiểm phiếu cả 02 hình thức biểu quyết này và thông báo cho Chủ tọa để thông báo kết quả tại Đại hội.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031.

Điều 10. Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản của Đại hội. Biên bản và Dự thảo Nghị quyết của Đại hội được đọc tại Đại hội và Đại hội biểu quyết thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cùng các tài liệu kèm theo được công bố thông tin theo quy định pháp luật và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 4 Chương, 11 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV thông qua ngày 22/04/2026 và có hiệu lực ngay khi được thông qua.

2. Cổ đông và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA 



NGÔ VĂN DŨNG

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

QUY CHẾ BẦU CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026-2031 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“**Công ty**”) được tiến hành theo những điều khoản sau đây:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng thực hiện bầu cử

1. Quy chế này được sử dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2026-2031 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.

2. Đối tượng thực hiện bầu cử: Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội hợp lệ (sau đây gọi tắt là “cổ đông”).

Điều 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu nhiệm kỳ 2026-2031 là 05 (năm) thành viên, trong đó có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải thoả mãn các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác.

e) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.

f) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ công ty (nếu có).

3.2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị và các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

f) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ công ty (nếu có).

Điều 3. Bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu nhiệm kỳ 2026-2031 là 03 (ba) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát

Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải thoả mãn các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác; không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ công ty (nếu có).

Điều 4. Nguyên tắc đề cử

1. Các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và đôn phiếu bầu cho người họ đề cử.
2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm thành viên Hội đồng quản trị độc lập), thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

1. Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (theo mẫu).

2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu).

3. Bản sao chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Thẻ Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu.

b) Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn.

Điều 6. Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử

Đơn ứng cử hoặc Đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên được gửi trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thì hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử phải được gửi tới theo địa chỉ và theo thời gian như sau:

a) Địa chỉ nhận hồ sơ ứng cử, đề cử

- Văn phòng Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV, Tầng 8 LPB Tower, 210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Điện thoại: +(84-24) 39352722

Fax: +(84-24) 33816699

- Email: Ir@bsc.com.vn

Hồ sơ phải được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện (có đảm bảo). Trường hợp hồ sơ là bản fax/scan thì phải gửi lại bản gốc khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Thời gian nhận hồ sơ đề cử, ứng cử: Đến trước 8h30 ngày 21/04/2026.

Điều 7. Phương thức bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu/được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội

đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 8. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử:

Phiếu bầu cử do Công ty phát hành, có dấu treo của Công ty, tên cổ đông, mã số cổ đông và số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết mà họ đại diện tương ứng. Cổ đông khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử:

a) Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

b) Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông điền số “0” hoặc gạch chéo, bỏ trống tại cột “Số phiếu bầu”.

c) Cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên; hoặc bầu cho tất cả các ứng cử viên.

d) Tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số hay tất cả các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

3. Phiếu bầu hợp lệ:

Phiếu bầu được coi là hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Phiếu bầu cho ứng cử viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Tổng số lượng phiếu biểu quyết nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);

c) Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Phiếu bầu không hợp lệ:

Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Phiếu không do Công ty phát hành hoặc không có dấu treo của Công ty; hoặc

b) Phiếu không nguyên vẹn, gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới); hoặc

c) Phiếu bầu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc Danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; hoặc

d) Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm quyền sở hữu và/hoặc được ủy quyền); hoặc

e) Phiếu không bỏ vào hòm phiếu hoặc nộp sau khi Ban Kiểm phiếu đã mở hòm phiếu;

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

f) Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông; Các phiếu không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả bầu cử.

Điều 9. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát. Việc bỏ phiếu kết thúc ngay sau khi cổ đông cuối cùng đã bỏ phiếu vào hòm phiếu.

2. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

3. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Quy chế bầu cử này.

2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử này hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 11. Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản bao gồm:

- a) Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
- b) Thành phần Ban Kiểm phiếu;
- c) Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
- d) Tổng số cổ phần của cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia bỏ phiếu; số phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
- e) Kết quả bầu cử;
- f) Chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Kết quả trúng cử sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội.

Điều 12. Khiếu nại

Các cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Đoàn Chủ Tịch, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ mọi vấn đề chất vấn của cổ đông và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA


Ngô Văn Dũng

